

Số/ No.: 1693-01 /2026/CV-OCB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh City, April 8th 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC PORTAL OF THE STATE
SECURITIES COMMISSION AND THE HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)
To: State Securities Commission
Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE)

Tên tổ chức: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG**

Organization name: **ORIENT COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**

Mã chứng khoán: **OCB**

Stock symbol: **OCB**

Trụ sở chính: Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, P. An Khánh, TP. Hồ Chí Minh.

Head office: The Hallmark Building, No. 15 Tran Bach Dang, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City.

Điện thoại: (028) 38 220 960

Tel: (028) 38 220 960

Fax: (028) 38 220 963

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Văn Anh

Information disclosing person: Ms. Nguyen Van Anh

Địa chỉ: Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, P. An Khánh, TP. Hồ Chí Minh

Head office: The Hallmark Building, No. 15 Tran Bach Dang, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City

Điện thoại: (028) 38 220 960

Tel: (028) 38 220 960

Fax: (028) 38 220 963

Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Type of information to be disclosed: ☒ periodic ☐ extraordinary ☐ 24h ☐ upon request

Nội dung thông tin công bố: OCB công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2025.

Information disclosure content: OCB Announces the Release of the Annual Report 2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của OCB tại đường dẫn:
<https://ocb.com.vn/vi/nha-dau-tu#bao-cao-thuong-nien> kể từ ngày 8/4/2026.

*This information has been published on OCB's website at
<https://www.ocb.com.vn/en/investors#information-disclosure> since April 8, 2026.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We confirm that the disclosed information is accurate and take full legal responsibility for its content.

Nơi nhận:**Recipients:**

- Như trên
- As above
- Lưu: VP. HĐQT
- Archive: BOD Office

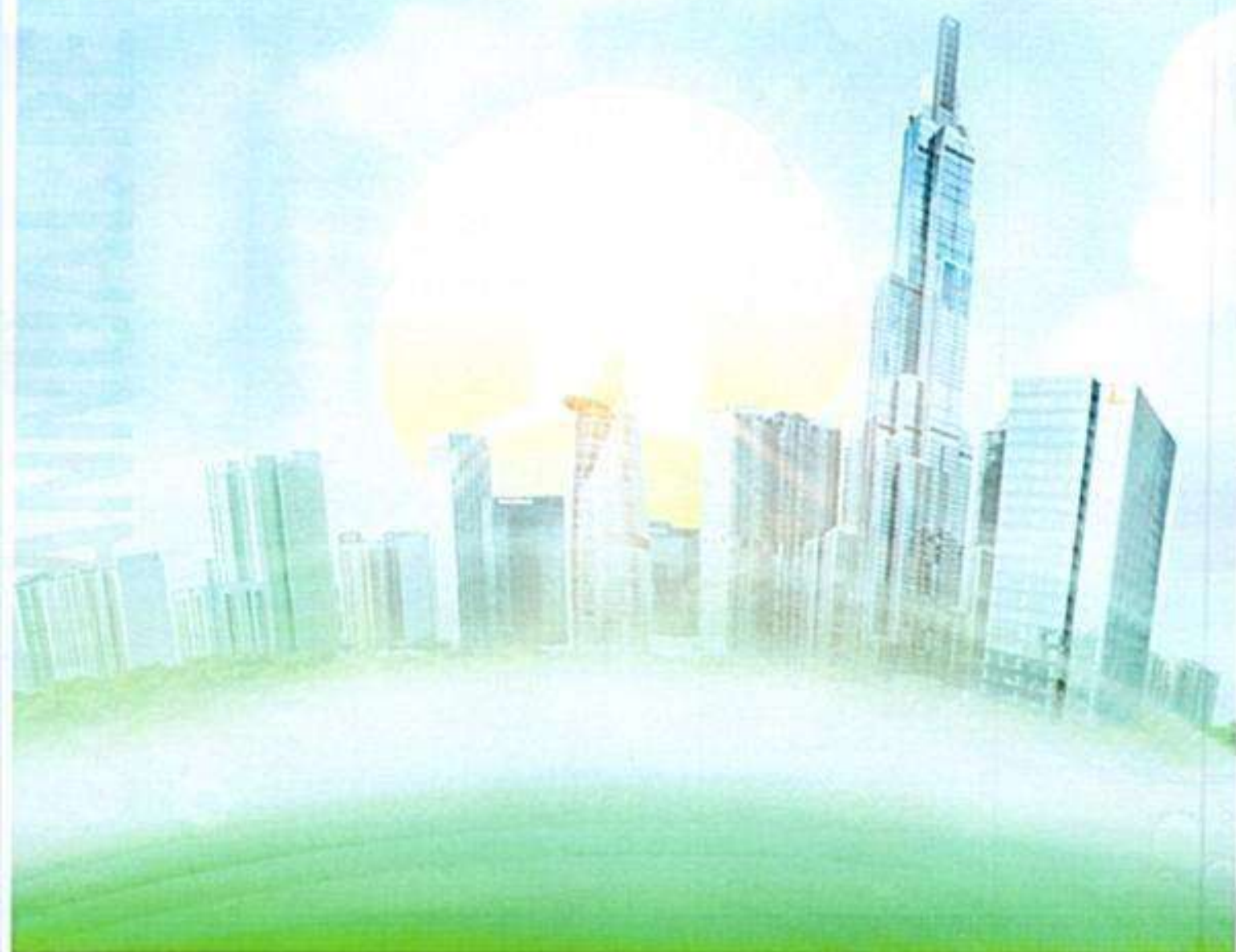
Đính kèm**Attached:**

Báo cáo thường niên năm 2025
The Annual Report 2025

Đại diện tổ chức**Người UQ CBTT***Organization Representative**Authorized Representative***NGUYỄN VĂN ANH**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



MỤC LỤC

Các thuật ngữ viết tắt	04
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	06
CHƯƠNG 1	08
THÔNG TIN CHUNG	
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	10
Thông tin chung	13
Quá trình hình thành và phát triển	14
Dấu ấn OCB 2025	16
CHƯƠNG 2	20
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	
Mô hình quản trị	21
Sơ đồ tổ chức	21
Quản trị công ty	22
CHƯƠNG 3	48
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	
Kết quả hoạt động năm 2025	49
Định hướng mục tiêu hoạt động 2026	57
CHƯƠNG 4	58
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA OCB	
Đánh giá chung về công tác quản trị doanh nghiệp	59
Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2026	63

CHƯƠNG 5	64
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	
Các phiên họp của BKS	67
Giám sát tình hình hoạt động và tài chính năm 2025	68
Phương hướng hoạt động năm 2026	69
CHƯƠNG 6	70
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
CHƯƠNG 7	108
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG	
CHƯƠNG 8	120
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ THUYẾT MINH	

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BĐH	Ban Điều hành
BLĐ	Ban Lãnh đạo
BKS	Ban Kiểm soát
NĐT	Nhà đầu tư
TGD	Tổng Giám đốc
QHNT	Quan hệ nhà đầu tư
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
CBNV	Cán bộ nhân viên
CĐ	Cổ đông
CBTT	Công bố thông tin
CTTV	Công ty thành viên
DTT	Doanh thu thuần
KTNB	Kiểm toán nội bộ
LN	Lợi nhuận
NĐ	Nghị định
NQ	Nghị quyết
PTBV	Phát triển bền vững
QĐ	Quyết định
QLRR	Quản lý rủi ro
OTDN	Quản trị doanh nghiệp



SGDCK	Sổ giao dịch chứng khoán
TT	Thông tư
TTS	Tổng tài sản
TV	Thành viên
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VDL	Vốn điều lệ
VN	Việt Nam
BCKT	Báo cáo kiểm toán
BCTC	Báo cáo tài chính
RB	Khối Bán lẻ
CIB	Khối Khách hàng doanh nghiệp
COM-B	Khối Khách hàng đại chúng
TCTD	Tổ chức tín dụng
CBNV	Cán bộ nhân viên
NHTM	Ngân hàng thương mại
CN/PGD	Chi nhánh/Phòng giao dịch
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
KHCN	Khách hàng cá nhân
KH	Khách hàng
NHNN	Ngân hàng nhà nước
RRTD	Rủi ro tín dụng
OLRRHD	Quản lý rủi ro hoạt động
MT&XH	Môi trường & Xã hội

Thông điệp
CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên OCB,

Lời đầu tiên, Tôi xin thay mặt Ngân hàng TMCP Phương Đông - OCB gửi đến Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Đối tác, Quý Khách hàng và toàn thể các CBNV lời cảm ơn sâu sắc vì đã luôn đồng hành, ủng hộ với các chiến lược phát triển, mục tiêu kinh doanh của OCB trong thời gian qua.

Năm 2025, chúng ta có thể thấy rõ, với sự điều hành quyết liệt, linh hoạt và nhất quán từ Đảng và Chính Phủ, cùng với sự phối hợp đồng bộ chính sách tiền tệ, tài khóa và các chính sách vĩ mô khác, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu ấn tượng. Riêng ngành ngân hàng - "huyết mạch" của nền kinh tế, tin dụng tăng trưởng mạnh mẽ ngay từ đầu năm, tăng mạnh trong nửa cuối tháng 8 và tiếp tục giữ nhịp tăng mạnh từ tháng 9 cho đến cuối năm, lãi suất duy trì mức thấp. Không dừng lại ở đó nhiều chính sách, quy định, Luật mới cũng được bổ sung, vừa bảo đảm hệ thống hoạt động an toàn vừa bám sát yêu cầu thực tiễn, đáp ứng kịp với xu thế và chuẩn mực, thông lệ quốc tế, gia tăng năng lực cạnh tranh của các ngân hàng trong nước.

Bên cạnh những dấu ấn đầy ấn tượng trên thì các yếu tố bất định như xung đột địa chính trị và cạnh tranh chiến lược về thương mại - công nghệ, bảo hộ thương mại gia tăng, rủi ro nợ công - nợ tư còn cao; rủi ro an ninh mạng, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, chuỗi cung ứng và biến đổi khí hậu, thiên tai bất thường vẫn luôn hiện hữu... Do vậy, đây vẫn được xem là những thách thức chúng ta cần phải đối mặt trong năm 2026.

Với vai trò là một trong những tổ chức tài chính đóng vai trò thiết yếu trong hoạt động kinh tế Việt Nam, nhiều năm trở lại đây OCB đã tiến hành đẩy mạnh chiến lược phát triển bền vững (PTBV) và kiên định thực thi chiến lược này thông qua việc xây dựng cơ chế huy động, cung ứng vốn cho thị trường, tập trung vào các dự án chuyển đổi kinh tế xanh, carbon thấp và bền vững. Đặc biệt năm 2025, OCB không ngừng ưu tiên các mục tiêu tăng trưởng hiệu quả như cơ cấu lại danh mục cho vay, ưu tiên vốn cho hoạt động sản xuất - kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư công và phân khúc bất động sản phục vụ nhu cầu thực. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng không ngừng đẩy mạnh tập trung vào phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) song song cùng tăng trưởng tín dụng xanh.

Tính đến 31/12/2025, tổng tài sản OCB đạt 322.949 tỷ đồng tăng 17% so với năm 2024; Huy động thị trường 1 đạt 220.958 tỷ đồng tăng 15% so với cuối năm trước; Dự nợ tín dụng thị trường 1 ở mức 205.065 tỷ đồng, tăng 14% so với đầu năm; Trong đó, quy mô dự nợ tín dụng xanh vượt 21.000 tỷ đồng, tăng 10.5% so với năm 2024. Tổng thu thuần đạt 11.590 tỷ đồng, tăng 15,1%; Lợi nhuận trước thuế đạt mức 5.022 tăng 25% so với năm 2024, giữ nhịp tăng trưởng tốt.

Đây sẽ là điểm tựa vững chắc cho những mục tiêu đầy bứt phá năm 2026 của Ngân hàng và những giai đoạn phát triển tiếp theo.

Về chiến lược lâu dài, OCB cam kết tiếp tục tăng tốc trên hành trình phát triển bền vững: Mở rộng tín dụng xanh; Tối ưu hóa vận hành theo hướng minh bạch - hiệu quả - dài hạn và tăng cường quản trị rủi ro, đồng hành cùng khách hàng, doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi, kiến tạo nên những giá trị thịnh vượng.

Một lần nữa, thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Đối tác, Quý Khách hàng và toàn thể các CBNV đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng OCB. Với quyết tâm cao nhất, tôi tin tưởng Ngân hàng sẽ hoàn thành các mục tiêu kinh doanh đã đề ra trong năm 2026, đồng thời chinh phục những nấc thang mới trong hành trình phát triển bền vững, đem lại giá trị cho cổ đông, cộng đồng và xã hội.

Xin cảm ơn và kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



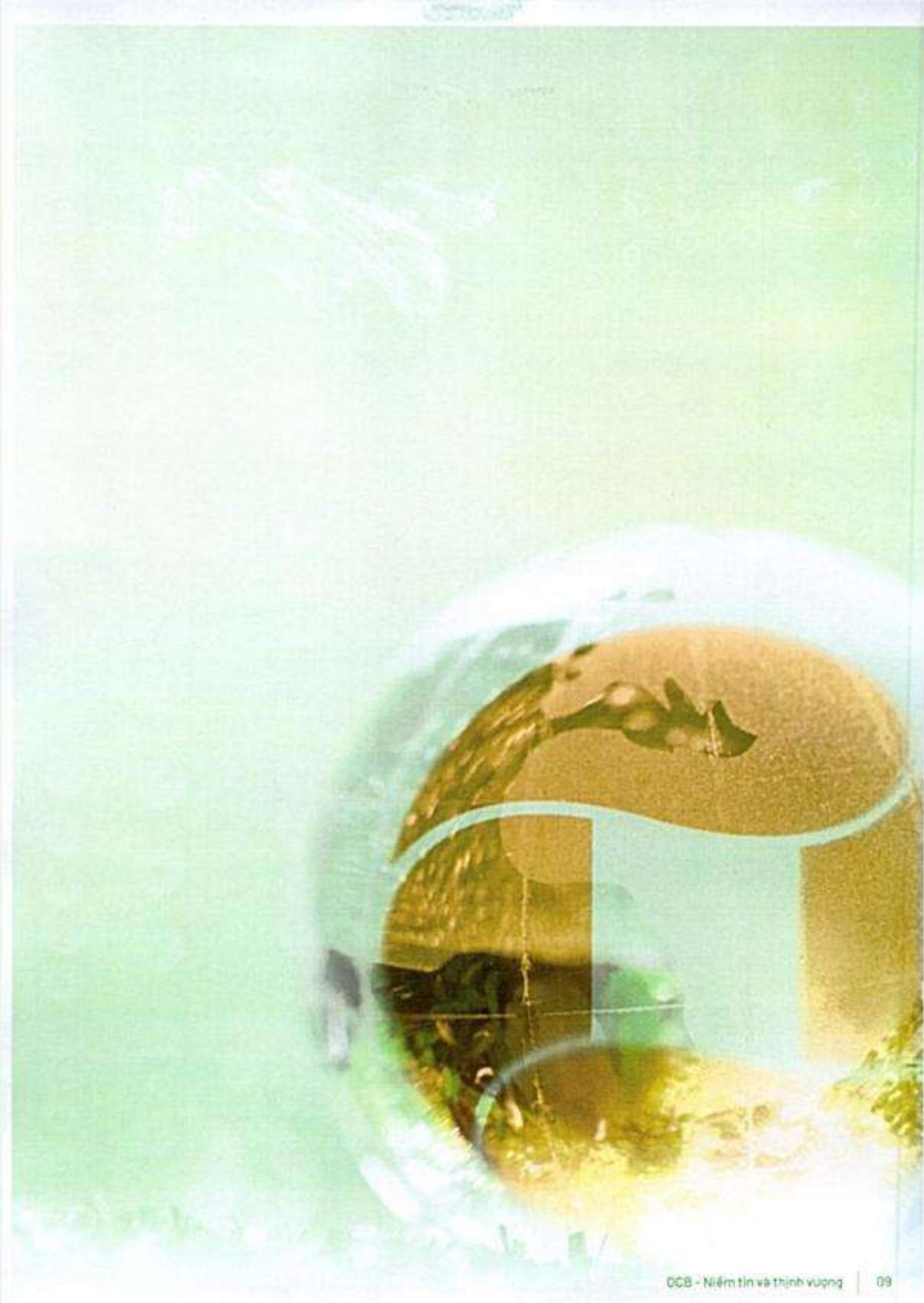
TRỊNH VĂN TUẤN

CHƯƠNG

01

THÔNG TIN CHUNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	10
Thông tin chung	13
Quá trình hình thành và phát triển	14
Dấu ấn OCB 2025	16



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

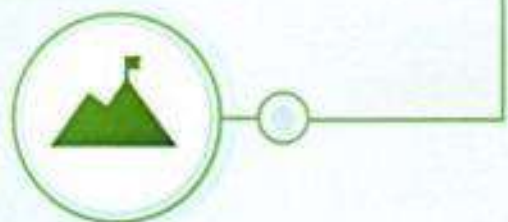
TẦM NHÌN

Top 5 Ngân hàng TMCP tư nhân hàng đầu Việt Nam về hiệu quả và ESG.



SỨ MỆNH

Hỗ trợ hiện thực hóa ước mơ và tham vọng của người tiêu dùng, doanh nhân và doanh nghiệp tại Việt Nam, giúp họ đạt được sự tăng trưởng và hoài bão như kỳ vọng.





GIÁ TRỊ CỐT LÕI



KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

- Chúng ta lắng nghe, trân trọng và thấu hiểu khách hàng.
- Chúng ta ưu tiên trước hết thỏa mãn nhu cầu khách hàng.
- Chúng ta cam kết mang lại giải pháp, sản phẩm tốt nhất cho khách hàng.



NỖ LỰC

- Chúng ta tập trung cao độ trong công việc và làm hết mình.
- Chúng ta chủ động và nhanh nhạy trong công việc.
- Chúng ta kiên cường trước những khó khăn.



SÁNG TẠO

- Chúng ta không thỏa mãn với những thứ hiện có và tìm cách đạt những thành tựu mới.
- Chúng ta tìm những phương thức, giải pháp thông minh, hiệu quả hơn.
- Chúng ta tìm kiếm cơ hội, chuẩn bị kế hoạch, sẵn sàng ứng biến cho những thay đổi.



TRÁCH NHIỆM

- Chúng ta ứng xử chuyên nghiệp, chuẩn mực.
- Chúng ta dám ra quyết định và chịu trách nhiệm với hành động của mình.
- Chúng ta giữ chữ tín và hướng đến lợi ích, giá trị bền vững.



HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

- Chúng ta có thái độ tôn trọng và tư duy cùng thành công.
- Chúng ta chia sẻ, đồng hành cùng nhau.
- Chúng ta trao đổi cởi mở, minh bạch, tích cực.



THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG ĐÔNG

Tên tiếng Anh	Orient Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt	Ngân Hàng Phương Đông hoặc OCB
Giấy chứng nhận ĐKKD	0300852005
Mã cổ phiếu	OCB
Thời điểm niêm yết	28/01/2021
Vốn điều lệ	26.630.522.840.000 VND (Tại thời điểm 31/12/2025)
Vốn chủ sở hữu	33.943.451.331.394 VND (Tại thời điểm 31/12/2025)
 Hội sở chính	Tòa nhà The Halimark, Số 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh
 Số điện thoại	(84) 28.38220 960
 Hotline	1900 1846
 Website	www.ocb.com.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Dịch vụ huy động vốn
- Dịch vụ cho vay
- Dịch vụ thanh toán quốc tế
- Dịch vụ tài trợ xuất nhập khẩu
- Dịch vụ tài khoản
- Dịch vụ thẻ
- Dịch vụ Ngân hàng số OCB OMNI
- Dịch vụ Chuyển tiền nhanh trong và ngoài nước
- Dịch vụ chi trả kiều hối
- Dịch vụ mua bán ngoại tệ
- Các dịch vụ ngân hàng khác trong khuôn khổ được phép hoạt động của OCB

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Được thành lập từ năm 1996, trải qua 30 năm xây dựng và phát triển, OCB đã ghi tên mình trong nhóm các ngân hàng tư nhân hàng đầu tại Việt Nam với tốc độ tăng trưởng, an toàn, hiệu quả, tiên phong trong hoạt động chuyển đổi số và phát triển bền vững.

10/6/1996

- Thành lập Ngân hàng TMCP Phương Đông

2007

- Thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược với BNP Paribas

2013

- Triển khai đề án tư tài cơ cấu giai đoạn 2012 – 2015
- Công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới



2008

- Triển khai ngân hàng lõi T24

2025

- Gia nhập Liên minh Ngân hàng Thương mại Xanh Thế giới
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á do tạp chí Fortune công bố
- Top 39 Doanh nghiệp tư nhân và Top 13 Ngân hàng tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam

2024

- Ký kết hợp tác chiến lược với IFC, hướng đến mục tiêu ngân hàng Xanh tiên phong tại Việt Nam
- Ra mắt phiên bản ngân hàng số OCB OMNI thế hệ mới
- Công bố báo cáo phát triển bền vững độc lập



2023

- Ngân hàng đầu tiên hoàn thành triển khai và áp dụng nền tảng quản lý vốn theo Basel II nâng cao và Basel III
- Ra mắt ngân hàng số thế hệ mới LIOBANK

Liobank
by OCB

2014

- Xây dựng mô hình quản trị rủi ro mới chuẩn quốc tế dưới sự tư vấn của KPMG



2015

- Khởi động dự án Basel II dưới sự tư vấn của Ngân hàng DBS Singapore



2016

- Tốc độ tăng trưởng thuộc nhóm 3 ngân hàng dẫn đầu thị trường
- Moody's công bố mức xếp hạng B2 trong lần đầu xếp hạng

2017

- Ngân hàng đầu tiên công bố hoàn thành dự án triển khai Basel II, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý rủi ro

2022

- Top 10 Ngân hàng Mạnh nhất Việt Nam trong bảng xếp hạng 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do The Asian Banker công bố
- Tự hào thương hiệu quốc gia Việt Nam 2022
- Top 30 DN đóng thuế nhiều nhất Việt Nam do tạp chí Forbes công bố

2020

- Chào đón nhà đầu tư chiến lược - Ngân hàng Aozora (Nhật Bản)
- Đạt chứng nhận Thương hiệu quốc gia
- Top 4 trong 10 Ngân hàng TMCP kinh doanh hiệu quả nhất trên thị trường

2021

- OCB niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) ngày 28/01/2021
- Top 25 thương hiệu tài chính dẫn đầu tại Việt Nam do Forbes bình chọn

2018

- Tháng 3/2018: Ra mắt Ngân hàng số OCB OMNI
- OCB chính thức được công nhận hoàn thành Basel II

2019

- Moody's tăng bậc xếp hạng đánh giá rủi ro đối tác (CRA) và xếp hạng rủi ro đối tác (CRR) lên mức Ba3

» DẤU ẤN OCB 2025

1 KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ TIỀN PHONG VỚI HÀNG LOẠT KẾT QUẢ ẤN TƯỢNG

HOÀN TẤT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 26.630 TỶ ĐỒNG

Sau đợt phát hành kết thúc vào ngày 11/8/2025, vốn điều lệ của OCB đã chính thức đạt mốc hơn 26.630 tỷ đồng và trở thành ngân hàng thứ 14 trên sàn chứng khoán có vốn điều lệ trên 1 tỷ USD.



NĂM TRONG TOP DOANH NGHIỆP NỘP NGÂN SÁCH LỚN NHẤT VIỆT NAM 2025

Với đóng góp 1.183 tỷ đồng trong năm tài chính 2024, OCB đã lọt Top 39 Doanh nghiệp tư nhân và Top 13 Ngân hàng tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam. Đây là năm thứ hai liên tiếp Ngân hàng vượt mốc 1.000 tỷ đồng, đồng thời cũng đánh dấu nhiều năm liên OCB góp mặt trong danh sách trên.

OCB NỔI BẬT TẠI TRIỂN LÃM THÀNH TỰU ĐẤT NƯỚC

Là một trong những ngân hàng TMCP tiêu biểu vinh dự được tham gia và giới thiệu mô hình Open Banking tại Triển lãm Thành tựu Đất nước 2025 (A80). OCB đã vinh dự nhận bằng khen ghi nhận thành tích xuất sắc từ Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, khép lại hành trình ấn tượng của Ngân hàng tại triển lãm quy mô lớn nhất từ trước đến nay nhân dịp kỷ niệm 80 năm Quốc Khánh 2/9.



GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH SỐ OCB NỔI BẬT TẠI SỰ KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH NGÂN HÀNG

Với loạt sản phẩm tài chính ưu việt: Ứng dụng OCB OMNI, ngân hàng số Liobank, đặc biệt là nền tảng OCB Smart Merchant, OCB đã khẳng định vị thế ngân hàng "dẫn đầu" trong hoạt động chuyển đổi số tại sự kiện.

Ghi dấu cùng hàng loạt giải thưởng danh giá trong nước và quốc tế:



TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM 2025



NGÂN HÀNG TƯ NHÂN XANH VÀ BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM



NGÂN HÀNG BỀN VỮNG XUẤT SẮC 2025



NGÂN HÀNG SỐ TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM 2025



TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT ĐÔNG NAM Á

Và nhiều giải thưởng nổi bật trong nước khác....

2 THỨC DẨY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ SẼ CHIA CÙNG CỘNG ĐỒNG

TRỞ THÀNH MỘT TRONG 03 NGÂN HÀNG VIỆT NAM ĐẦU TIÊN GIA NHẬP LIÊN MINH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI XANH

Ngày 9/9, OCB chính thức trở thành thành viên của Liên minh Ngân hàng Thương mại Xanh (Alliance for Green Commercial Banks), một sáng kiến toàn cầu do IFC, thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới dẫn dắt, quy tụ các ngân hàng, định chế tài chính uy tín trong khu vực và trên thế giới. ▶



CÔNG BỐ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỘC LẬP 2024

OCB đã chính thức phát hành Báo cáo Phát triển bền vững độc lập 2024 với chủ đề Hành trình kiến tạo Tương lai Xanh, đánh dấu năm thứ hai liên tiếp Ngân hàng công bố báo cáo chuyên biệt lĩnh vực này. ◀

QUẦN 10.000 NGƯỜI THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH OCB PIN HUNTER

Sau ba tháng triển khai chiến dịch OCB Pin Hunter hút gần 10.000 người tham gia, thu về gần 5.000 kg pin cũ đã qua sử dụng, hơn 8.305 phần quà xanh đã được trao đến khách hàng. Chiến dịch cũng tạo ra hiệu ứng với hơn 11 triệu lượt tiếp cận, 5 triệu lượt xem và hơn 80.000 lượt tương tác. ▶



ĐỒNG HÀNH HỖ TRỢ CHI PHÍ PHẪU THUẬT TIM CHO CÁC BỆNH NHÂN

OCB tiếp tục phối hợp cùng Quỹ Hiếu về trái tim để giúp đỡ nhiều trường hợp bệnh nhi mắc bệnh tim bẩm sinh được phẫu thuật và điều trị thành công. ◀

MAX SAVINGS - Giải pháp tiền gửi sinh lời tối ưu, giúp khách hàng dễ dàng thực hiện các kế hoạch cá nhân hoặc tái đầu tư mà không cần phải rút gốc.



OCB cùng Apple Pay

Thanh toán dễ dàng, an toàn và riêng tư

OCB | Apple Pay



APPLE PAY - Phương thức thanh toán dễ dàng, an toàn và riêng tư.

GREEN X PINK DEPOSIT - Bộ đôi sản phẩm tiền gửi chuyên biệt, đồng hành cùng doanh nghiệp phát triển bền vững.



OCB SMART MERCHANT - Giải pháp quản lý bán hàng, thanh toán thông minh toàn diện và hiện đại, được thiết kế dành riêng cho các nhà bán hàng (Merchant), đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME).

TRIỂN KHAI SỬ DỤNG VNeID GIAO DỊCH THANH TOÁN TẠI QUẦY - Khách hàng cá nhân là công dân Việt Nam đã định danh điện tử VNeID mức độ 2 và đã xác thực sinh trắc học tại OCB có thể sử dụng Căn cước điện tử trên ứng dụng VNeID để thay thế cho việc xuất trình giấy tờ tùy thân bản cứng khi thực hiện giao dịch tài khoản thanh toán tại quầy.



OCB PRIORITY BANKING - PHONG CÁCH SỐNG TINH HOA QUA TỪNG TRẢI NGHIỆM: Chính thức ra mắt Trung tâm Khách hàng ưu tiên (HUB Priority) tại tòa nhà The Hallmark, đánh dấu bước khởi đầu của hành trình mở rộng mô hình trên toàn quốc.



Tháng 01/2025, ký kết cùng Tập đoàn FPT khởi động "Dự án hiện đại hoá nền tảng phân tích dữ liệu với Oracle ExaC@C Database 23ai" tại TP.HCM, đánh dấu bước tiến quan trọng trong hành trình chuyển đổi số toàn diện.



Tháng 5/2025, ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược toàn diện giữa OCB và OCBS, đánh dấu cột mốc quan trọng của hai bên trong hành trình gia tăng lợi ích và trải nghiệm cho khách hàng.



Tháng 6/2025, ký kết thỏa thuận hợp tác với Best Express Việt Nam, góp phần vào chiến lược xây dựng hệ sinh thái tài chính - logistics thông minh.



Tháng 7/2025, phối hợp cùng quỹ đầu tư Genesis Ventures tổ chức Hội nghị Banking Innovation for Startups dành riêng cho các doanh nghiệp Startup.



Tháng 8/2025, hợp tác với Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng dữ liệu dân cư và căn cước công dân (Trung tâm RAR) thuộc Bộ Công an, triển khai dịch vụ xác thực điện tử qua VNID trên ứng dụng OCB OMNI.



Tháng 10/2025, ký kết hợp tác chiến lược toàn diện với Tập đoàn Công nghệ CMC - tập đoàn công nghệ hàng đầu với hệ sinh thái mở C-OpenAI và năng lực AI, hạ tầng số vượt trội.



Tháng 11/2025, hợp tác chiến lược toàn diện với HAGL và OCBS nhằm kết nối chuỗi giá trị tài chính và nông nghiệp, thúc đẩy tài chính xanh và phát triển bền vững cho cộng đồng.

CHƯƠNG

02

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Mô hình quản trị	21
Sơ đồ tổ chức	21
Quản trị công ty	22

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

» NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Xin xem Phần "Thông tin chung" trong Chương 8: Báo cáo Tài chính và Thuyết minh.

» ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến cuối năm 2025, OCB có 176 CN, PGD và TTKD tại các tỉnh thành kinh tế trên cả nước.

» MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Cơ cấu tổ chức quản lý của OCB bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc theo như quy định tại Điều 40 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng (khoản 2 Điều 27 Điều lệ OCB). Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (điểm d khoản 2 Điều 27 Điều lệ OCB).

Hội đồng Quản trị gồm các cơ quan trực thuộc như sau:

- Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Xử lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ban Hợp tác chiến lược, Ban Chiến lược và Ban Phát triển bền vững.

Hệ thống OCB gồm:

- Hội sở chính, các Chi nhánh, các Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp, Công ty trực thuộc, Các đơn vị Hội sở gồm 07 Khối và 09 Trung tâm, Phòng, Ban, cơ quan trực thuộc Tổng Giám đốc.

» SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



* Các cơ quan trực thuộc HĐQT gồm có: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban XLRR, Ban Chiến lược, Ban Hợp tác chiến lược, Ban PTBV, các cơ quan khác do HĐQT thành lập.

** Các cơ quan trực thuộc TGD gồm có: Hội đồng xét duyệt sản phẩm, Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý vốn, Hội đồng ALCO, Hội đồng tín dụng, Hội đồng cơ cấu nợ, Hội đồng mua bán nợ, Hội đồng nhân sự, Phòng Quản lý chuyển đổi, các cơ quan khác do TGD thành lập.

>> QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 Giới thiệu HĐQT

Năm 2025, HĐQT của OCB gồm 7 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập.

Các thành viên HĐQT của Ngân hàng đã thực hiện công tác quản trị trên nguyên tắc công khai, minh bạch, tách bạch giữa quản trị và hoạt động điều hành.

1	Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Ngô Hà Bắc	Thành viên HĐQT
3	Bà Trịnh Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT
4	Ông Yoshizawa Toshiki	Thành viên HĐQT
5	Ông Segawa Mitsuhiro	Thành viên HĐQT
6	Ông Phan Trung	Thành viên HĐQT
7	Ông Dương Kỳ Hiệp	Thành viên độc lập HĐQT





ÔNG TRỊNH VĂN TUẤN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Ông tốt nghiệp thủ khoa Đại học Bách khoa Hà Nội năm 1988 và được chuyển tiếp Nghiên cứu sinh tại Cộng hòa Ba Lan.
- Ông Trịnh Văn Tuấn là doanh nhân thành đạt tại Ba Lan và Việt Nam.
- Ông gia nhập OCB từ tháng 8/2010 đến nay và được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2011 - 2015, nhiệm kỳ 2015 - 2020, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và tiếp tục làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, Ông đã và đang có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng, phát triển chiến lược cũng như quản trị điều hành, giúp OCB phát triển vượt bậc, trở thành ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam.

>> QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 Giới thiệu HĐQT



ÔNG NGÔ HÀ BẮC

Thành viên Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2025 - 2030

- Ông có bằng Tiến sĩ ngành công nghệ điện tử bảo vệ tại Cộng hòa Ba Lan.
- Ông được bầu làm Thành viên HĐQT độc lập của OCB nhiệm kỳ 2011 - 2015; Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2020, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và tiếp tục được bầu làm Thành viên HĐQT của OCB nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Ông đã từng nắm nhiều cương vị ở các tổ chức: Chủ tịch HĐQT (Công ty LBT tại Warsaw, Ba Lan), Thành viên, Trưởng Ban Quản lý Giám sát hoạt động kinh doanh của HĐQT VIS.



BÀ TRỊNH THỊ MAI ANH

Thành viên Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2025 - 2030

- Bà tốt nghiệp Cử nhân Khoa học - London School of Economics and Political Science (Vương quốc Anh).
- Bà được bầu làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2020 - 2025 và tiếp tục được bầu làm Thành viên HĐQT của OCB nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính tại các doanh nghiệp, tổ chức lớn trong và ngoài nước như: Ngân hàng HSBC London, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam, Tập đoàn VinaCapital và Tập đoàn Temasek Singapore.



ÔNG YOSHIZAWA TOSHIKI

Thành viên Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2025 - 2030

- Ông tốt nghiệp Cử nhân Luật trường Đại học Waseda, Tokyo.
- Ông được bầu làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2020 - 2025 và tiếp tục được bầu làm Thành viên HĐQT của OCB nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Hiện Ông đang là Tổng quản lý tại Ngân hàng Aozora từ năm 2018 đến nay.



ÔNG SEGAWA MITSUHIRO

Thành viên Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2025 - 2030

- Ông tốt nghiệp Cử nhân Khoa học ngành Vật lý ứng dụng (Khoa Khoa học) Đại học Tokyo.
- Ông được bầu làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2020 - 2025 và tiếp tục được bầu làm Thành viên HĐQT của OCB nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Ông đã có hơn 33 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng Aozora: Phó Trưởng Khối Tài chính Quốc tế, kiêm Trưởng Phòng Kinh doanh Quốc tế; Phó Trưởng Khối Tài chính Quốc tế, kiêm Phó Trưởng Khối Đầu tư Châu Á, Cán bộ Cấp cao - Trưởng Khối Kinh doanh Quốc tế - Ngân hàng Aozora.

>> QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 Giới thiệu HĐQT



ÔNG PHAN TRUNG

Thành viên Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2025 - 2030

- Ông có bằng Thạc sĩ trường Asia E University (Malaysia) chuyên ngành Quản trị kinh doanh và tốt nghiệp Đại học Thương mại chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
- Ông được bầu làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2011 - 2015; Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2020, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và tiếp tục làm Thành viên HĐQT OCB nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Ông có bề dày kinh nghiệm công tác và đảm nhiệm các chức vụ quan trọng ở nhiều doanh nghiệp, tổ chức. Hiện Ông là Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty đầu tư Romana & Spa - Phan Thiết, đồng thời Ông còn là Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Đầu Tư An Huy.



ÔNG DƯƠNG KỶ HIỆP

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị
nhiệm kỳ 2025 - 2030

- Ông tốt nghiệp Cử nhân trường Đại học Mô Thành phố Hồ Chí Minh ngành Quản trị Kinh doanh.
- Ông được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT OCB nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Ông đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức tài chính.



>> QUẢN TRỊ CÔNG TY

2 Giới thiệu Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030 được Đại hội đồng cổ đông bầu vào ngày 22/4/2025. Các thành viên Ban Kiểm soát cũng bầu chức danh Trưởng ban cùng ngày.

- 1 Bà Đặng Thị Thanh Huyền
- 2 Bà Đặng Thị Quý
- 3 Ông Nguyễn Văn Hải
- 4 Ông Nguyễn Trọng Hải
- 5 Ông Phạm Quang Vinh

- Trưởng Ban kiểm soát
- Thành viên Ban kiểm soát
- Thành viên Ban kiểm soát
- Thành viên Ban kiểm soát
- Thành viên Ban kiểm soát



BÀ ĐẶNG THỊ THANH HUYỀN

Trưởng Ban Kiểm soát

- Bà tốt nghiệp Cử nhân Luật kinh tế - Đại học Luật Hà Nội, Cử nhân Thương phẩm Nghiệp vụ - Đại học Thương mại Hà Nội.
- Bà được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát OCB nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Bà đã có hơn 33 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó có hơn 10 năm công tác tại OCB với vị trí Trưởng Kiểm toán nội bộ.



BÀ ĐẶNG THỊ QUÝ

Thành viên Ban Kiểm soát

- Bà tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Bà được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát OCB nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Bà từng giữ nhiều chức vụ quan trọng ở các tổ chức tín dụng khác như: Trưởng Ban Kiểm soát HD Bank, Trưởng Ban Kiểm soát khu vực phía nam Techcombank, Phó phòng tín dụng VietinBank. Bà từng giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát OCB chuyên trách nhiệm kỳ 2011 - 2015 và nhiệm kỳ 2015 - 2020, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách OCB nhiệm kỳ 2020 - 2025.



ÔNG NGUYỄN VĂN HẢI

Thành viên Ban Kiểm soát

- Ông tốt nghiệp Cử nhân Luật Dân sự - Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát OCB nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và công tác tại OCB ở các vị trí: Phó phòng pháp chế, Trưởng phòng pháp chế.



ÔNG NGUYỄN TRỌNG HẢI

Thành viên Ban Kiểm soát

- Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh tế phát triển, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
- Ông được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát OCB nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó có 8 năm công tác tại OCB đảm nhận các vị trí: Giám đốc Trung tâm Phát triển sản phẩm, marketing và thúc đẩy bán hàng Khối Khách hàng cá nhân, Giám đốc Phòng quản lý kinh doanh Hội sở kiêm Giám đốc vùng miền Bắc Khối SME, Giám đốc vùng CIB khu vực miền Bắc, Giám đốc vùng SME miền Bắc.



ÔNG PHẠM QUANG VINH

Thành viên Ban Kiểm soát

- Ông tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- Ông được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát OCB nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Ông đã có hơn 14 năm tham gia làm Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát của VIB, Trưởng Ban Kiểm soát của VIS. Ông từng giữ vị trí Thành viên HĐQT OCB vào tháng 11/2014 và Thành viên Ban Kiểm soát OCB nhiệm kỳ 2015 - 2020, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

>> QUẢN TRỊ CÔNG TY

3 Giới thiệu Ban Điều hành

Ban Điều hành gồm Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng, 01 Giám đốc điều hành, 01 Quyền Giám đốc Trung tâm Quản lý tài chính, 01 Quyền Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, 06 Giám đốc Khối, Trung tâm trực thuộc Tổng Giám đốc đảm nhiệm công việc thực hiện các chiến lược kinh doanh mà HĐQT đặt ra, quản lý và giải quyết các công việc hàng ngày của ngân hàng.

1	ÔNG PHẠM HỒNG HẢI	Tổng Giám đốc
2	ÔNG NGUYỄN BÁ NGỌC	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Khách hàng Doanh Nghiệp lớn và Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (Khối CIB)
3	BÀ ĐỖ TÚ ANH	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Phòng Quản lý chuyển đổi
4	ÔNG NGUYỄN QUỐC HƯƠNG	Giám đốc điều hành
5	ÔNG LƯƠNG NGUYỄN MINH DĂNG	Giám đốc Khối Bán lẻ
6	BÀ LÊ THỊ BÍCH THẢO	Giám đốc Khối Công nghệ và Chuyển đổi số
7	BÀ HUỲNH NGỌC TUYẾN	Giám đốc Khối Vận hành
8	ÔNG NGUYỄN QUANG HUY	Quyền Giám đốc Khối Quản lý rủi ro
9	ÔNG QUÁCH THÀNH LONG	Quyền Giám đốc Trung tâm Quản lý tài chính
10	BÀ NGUYỄN VĂN ANH	Kế toán trưởng
11	BÀ LÊ THỊ NGÀ	Giám đốc Trung tâm Ngân hàng số Liobank
12	BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Giám đốc Nhân sự và đào tạo
13	ÔNG NGUYỄN QUANG HOÀNG	Giám đốc Trung tâm Quản trị và phân tích dữ liệu

*Thay đổi về nhân sự Ban điều hành năm 2025 (tính đến 08/4/2026)

Giảm	Tăng
Ông Lê Đăng Khoa Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp từ ngày 08/4/2026	Bà Đỗ Tú Anh Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 03/4/2026
Ông Nguyễn Đức Hiếu Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Khối thị trường tài chính từ ngày 01/02/2026	Ông Nguyễn Quang Huy Bổ nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc Khối Quản lý rủi ro từ ngày 30/3/2026
Ông William James Life Andrew Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro từ ngày 15/01/2026	Bà Huỳnh Ngọc Tuyến Bổ nhiệm Giám đốc Khối Vận hành từ ngày 05/03/2026
Ông Lương Tuấn Thành Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ và Chuyển đổi số từ ngày 09/10/2025	Ông Quách Thành Long Bổ nhiệm Quyền Giám đốc Trung tâm Quản lý tài chính (*) từ ngày 24/02/2026
Bà Phạm Thị Nguyệt Nga Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Quản trị và phân tích dữ liệu (*) từ ngày 23/09/2025	Ông Nguyễn Quốc Hương Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành từ ngày 01/02/2026
Ông Ngô Phước Nhật Khánh Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Ngân hàng số Liobank (*) từ ngày 16/8/2025	Ông Nguyễn Quang Hoàng Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Quản trị và phân tích dữ liệu từ ngày 10/11/2025
Ông Nguyễn Huy Đức Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Tài chính từ ngày 15/7/2025	Bà Lê Thị Bích Thảo Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ và Chuyển đổi số từ ngày 03/11/2025
Bà Huỳnh Lê Mai Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/7/2025	Bà Lê Thị Nga Bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Ngân hàng số Liobank (*) từ ngày 08/9/2025
Ông Đinh Thanh Tùng Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Quản lý tài sản nợ và có (*) từ ngày 01/4/2025	Ông Lương Nguyễn Minh Đăng Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Bán lẻ từ ngày 01/7/2025
Ông Trương Đình Long Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 09/01/2025	

* Theo định nghĩa về Ban điều hành trong Quy chế cơ cấu tổ chức ngân hàng TMCP Phương Đông năm 2025



ÔNG PHẠM HỒNG HẢI

Tổng Giám đốc

- Ông Phạm Hồng Hải được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông kể từ ngày 16/7/2024.
- Ông tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM
- Ông có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính - Ngân hàng tại Việt Nam và nước ngoài. Ông từng giữ các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách khách hàng toàn cầu và phòng kinh doanh ngoại tệ và vốn - Ngân hàng HSBC Việt Nam từ tháng 5/2012 đến tháng 8/2014, ông còn giữ chức vụ Tổng Giám đốc - Ngân hàng HSBC Việt Nam từ tháng 12/2014 đến tháng 9/2019; Giám đốc toàn quốc phụ trách các khách hàng doanh nghiệp đa quốc gia - Ngân hàng HSBC Canada, cùng nhiều chức vụ quan trọng khác.

>> QUẢN TRỊ CÔNG TY

3) Giới thiệu Ban Điều hành



ÔNG NGUYỄN BÁ NGỌC

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Khách hàng Doanh Nghiệp lớn và Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (Khối CIB)

- Ông Nguyễn Bá Ngọc được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Khách hàng Doanh Nghiệp lớn và Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (Khối CIB), Ngân hàng TMCP Phương Đông kể từ 01/02/2026.
- Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh.
- Ông có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quan trọng.



BÀ ĐỖ TÚ ANH

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Phòng Quản lý chuyển đổi

- Tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh tại Mỹ. Bà được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông kể từ ngày 03/4/2026.
- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư tại các tổ chức, tập đoàn lớn trong nước.



ÔNG NGUYỄN QUỐC HƯƠNG

Giám đốc điều hành

- Ông Nguyễn Quốc Hương được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành kể từ ngày 01/2/2026.
- Ông tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh, Đại Học Kinh Tế TP. HCM.
- Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm lãnh đạo trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quan trọng: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Sợi thế kỷ, Cố vấn Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank), Tổng Giám đốc - Eximbank.



ÔNG LƯƠNG NGUYỄN MINH ĐĂNG

Giám đốc Khối Bán lẻ

- Ông Lương Nguyễn Minh Đăng được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Bán lẻ kể từ ngày 01/7/2025.
- Ông tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Bolton.
- Ông có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đảm nhiệm nhiều vị trí cấp cao tại các tổ chức: Giám đốc Khối Bán lẻ - Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, Phó Giám đốc Khối Bán lẻ - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

>> QUẢN TRỊ CÔNG TY

3 Giới thiệu Ban Điều hành



BÀ LÊ THỊ BÍCH THẢO

Giám đốc Khối Công nghệ và Chuyển đổi số

- Bà Lê Thị Bích Thảo được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ và Chuyển đổi số kể từ ngày 03/11/2025.
- Bà tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh, Đại học Kinh tế TP.HCM.
- Bà có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng và từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng: Giám đốc Khối Công nghệ - Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC), Giám đốc Công nghệ Thông tin (CIO) - Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).



BÀ HUỲNH NGỌC TUYẾN

Giám đốc Khối Vận hành

- Bà Huỳnh Ngọc Tuyền được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Vận hành kể từ ngày 05/3/2026.
- Bà tốt nghiệp cử nhân đại học ngành Tài chính - Ngân hàng và ngành Luật, Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại OCB: Phó phòng Tài thẩm định, Giám đốc phòng Tài thẩm định, Giám đốc Ban phát triển và vận hành BPM, Phó Giám đốc Khối Quản lý tin dụng, Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, Phó Giám đốc Khối Vận hành.



ÔNG NGUYỄN QUANG HUY

Quyển Giám đốc Khối Quản lý rủi ro

- Ông Nguyễn Quang Huy được bổ nhiệm chức vụ Quyển Giám đốc Khối Quản lý rủi ro kể từ ngày 30/3/2026.
- Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Khoa học ngành Kinh tế và Quản lý, chuyên ngành Tài chính định lượng - Đại học Paris Nanterre.
- Ông có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng và từng nắm giữ nhiều vị trí quản lý quan trọng trong các tổ chức tài chính: Giám đốc Basel, IFRS và Stress Test; Giám đốc Quản lý rủi ro Khối Bán lẻ và SME; Giám đốc Nguồn vốn và Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM).



ÔNG QUÁCH THÀNH LONG

Quyển Giám đốc Trung tâm Quản lý tài chính

- Ông Quách Thành Long được bổ nhiệm chức vụ Quyển Giám đốc Trung tâm Quản lý tài chính kể từ ngày 24/02/2026.
- Ông tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Kế toán kiểm toán, Đại Học Kinh Tế TP. HCM.
- Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng: Giám đốc Tài chính - Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB), Trưởng phòng Kế hoạch tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SHB).

>> QUẢN TRỊ CÔNG TY

3) Giới thiệu Ban Điều hành



BÀ NGUYỄN VĂN ANH

Kế toán trưởng

- Bà Nguyễn Văn Anh được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Phương Đông kể từ ngày 10/12/2024.
- Bà tốt nghiệp Thạc sỹ Kế toán quốc tế, Đại học Kỹ Thuật Swinburne.
- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng nhiều giữ chức vụ tại các tổ chức tín dụng khác.



BÀ LÊ THỊ NGÀ

Giám đốc Trung tâm Ngân hàng số Llobank

- Bà Lê Thị Nga được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Ngân hàng số Llobank kể từ ngày 08/9/2025.
- Bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại, Đại học Ngoại thương Hà Nội.
- Bà có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính tiêu dùng, tư vấn và đảm nhận nhiều vị trí quan trọng: Giám đốc điều hành (COO) - FE Credit, Giám đốc Trung tâm Kinh doanh số - FE Credit, Giám đốc Trung tâm Đối mới sáng tạo - FE Credit.



BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Giám đốc Nhân sự và Đào tạo

- Bà Nguyễn Thị Thu Hương được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Nhân sự và đào tạo từ ngày 07/4/2021.
- Bà tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học William & Mary (USA).
- Bà có nhiều năm kinh nghiệm và từng đảm nhận các vị trí quan trọng tại các tổ chức khác.



ÔNG NGUYỄN QUANG HOÀNG

Giám đốc Trung tâm Quản trị và phân tích dữ liệu

- Ông Nguyễn Quang Hoàng được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Quản trị và phân tích dữ liệu Ngân hàng TMCP Phương Đông kể từ ngày 10/11/2025.
- Ông tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc Dân.
- Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và từng đảm nhận các vị trí quan trọng: Giám đốc Trung tâm Quản trị Dữ liệu và Phân tích - Khối Công nghệ Thông tin - Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Trưởng phòng Xây dựng Mô hình và Dữ liệu Rủi ro - Ngân hàng.

>> QUẢN TRỊ CÔNG TY

4 Các công ty con, công ty liên kết



Công ty con

Công ty con: Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Quốc tế Ngân hàng Thương mại Phương Đông



Địa chỉ

Tầng 11, cao ốc 123, số 123-127 Võ Văn Tần,
Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh



Vốn điều lệ

25 tỷ đồng



Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ nhận
và chi, trả ngoại tệ



Tỷ lệ sở hữu của OCB

100,00%



Công ty con

Công ty con: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Phương Đông



Địa chỉ

Tòa nhà The Hallmark, số 15, Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh



Vốn điều lệ

500 tỷ đồng



Ngành nghề kinh doanh

Quản lý nợ và
khai thác tài sản



Tỷ lệ sở hữu của OCB

100,00%

5 Danh mục các dự án công nghệ trọng điểm

STT	Dự án	Khối Nghiệp vụ	Tình trạng	
1	Kết nối VNeID	RB	✓ Đã Go-live	Go-live BE OMNI: Đã Go-live BE ngày 20/8 Đã launching trên OCB OMNI ngày 08/10
2	Tool quản lý giá - Module Tiền gửi - Module Tiền vay	RB	✓ Đã Go-live	CR 7248 - Tiền vay (Go-live 11/08) CR 7289 - Tiền gửi (Go-live 06/08)
3	Triển khai TQ platform theo định hướng mới: Flexible Deposit	TTTC	✓ Đã Go-live	Đã Go-live BE OMNI, OMNI Corp. FO: 11/2/2025 Đã launching: 12/2025
4	Fraud - Gửi các giao dịch của tài khoản doanh nghiệp (bao gồm ghi nợ và ghi có: Qua Omni Corp + CT đi) lên hệ thống Safer Payment (#7141) và các CRs khác liên quan)	QLRR	✓ Đã Go-live	Đã Go-live 23/12/2025
5	Nâng cấp hệ thống CAR để đáp ứng TT41 (CR#7113): Phạm vi: Rủi ro tín dụng đối tác + định chế tài chính + rủi ro thị trường	QLRR	✓ Đã Go-live	Đã Go-live 24/12/2025
6	Onboarding flow with VNeID cho LIOAPP	Liobank	Đang triển khai	Đang UAT: Liobank báo cáo trực tiếp tiến độ cho TMO
7	Triển khai mới các QT BPM trọng yếu - Đã chuẩn hóa và tối ưu hóa các QT tín dụng đã được TGD duyệt UT cao	Vận hành	✓ Đã Go-live	Đã Go-live hệ thống/ phần mềm từ ngày 05/2/2025; Đã Go-live ứng dụng Quy trình ngày 08/2/2025
8	Thẻ IGEN Phase 2 - 6128	TTT	✓ Đã Go-live	Đã Go-live ngày 14/5/2025
9	Tự động hóa quy trình thanh toán và kiểm soát sau chứng từ kế toán chi phí (Paperless)	TTQLTC	Đang triển khai	WS.1.2 (CR 8505): Đang UAT (18/3 - 26/3); Go-live dự kiến 30/3/2025 WS.1.3.1 (CR 8207): Đang trao đổi BRD; Chưa chốt plan WS.1.3.2 (CR 7801): Đã chốt BRD & BBOP; dự kiến start dev sau Go-live WS.1.2 WS.2 (CR 7272): Chưa chốt plan; dự kiến start khảo BRD sau khi chốt GP của P1.3.1
10	CX- Quick Win Hiển thị kết quả Label khách hàng lên các kênh		✓ Đã Go-live	Đã Go-live ngày 09/7/2025
11	Xây dựng app định giá trên thiết bị di động (CR 7347)	Vận hành	✓ Đã Go-live	Đã Go-live ngày 23/01/2025
12	Cardzone_Khu vực dành cho thẻ trên app OMNI Tập trung các tính năng của thẻ OCB	TTT	✓ Đã Go-live	Đã Go-live BE ngày 11/08/2025; Đã launching app 11/08/2025.
13	Upgrade NAPAS 2.0	ITDT	✓ Đã Go-live	CR 7281: Đã Go-live ngày 28/11 CR 8634: Đã Go-live ngày 23/11 CR 8074: Đã Go-live ngày 26/01 CR 8612: Đã Go-live ngày 25/02
14	Upgrade Backbase và Migrated OMNI 4.0 on AWS (POC)	ITDT	✓ Đã Go-live	Đã Go-live BE ngày 11/10/2025 Đã public app ngày 24/10/2025
15	Upgrade T24 Assessment	ITDT	✓ Đã Go-live	Đã hoàn tất kỹ nghiệm thu 13/10/2025
16	Upgrade BPM, ECM, ODM	ITDT	✓ Đã Go-live	Đã Go-live ngày 12/07/2025
17	OCBS	RB	✓ Đã Go-live	Đã Go-live kĩ thuật 11/3/2025 Đã launching app: 11/2/2025
18	EWS	RB	Đang triển khai	Đang đóng gói; dự kiến Go-live 25/3
19	DMS	PC	✓ Đã Go-live	Đã đưa vào sử dụng ngày 20/01/2025
20	Cải tiến luồng CCWA (Phase 3)	TTGPTT	Đang triển khai	Xếp lịch triển khai theo thứ tự ưu tiên trong backlog RB; CR 7152 (UT 42), CR 7399 & CR 7400) (Chưa có trong backlog RB)

» QUẢN TRỊ CÔNG TY

6 Quyền và trách nhiệm của cổ đông

Quyền của cổ đông

Trong năm 2025, OCB đã thực hiện nghiêm túc tất cả các quyền của cổ đông theo quy định tại Điều 25 - Điều lệ OCB và các quy định của pháp luật liên quan. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, tất cả các cổ đông đều được đảm bảo quyền tham dự, biểu quyết và đóng góp ý kiến tại Đại hội hoặc gửi thư về Ban tổ chức. Tất cả cổ đông của OCB đều được đối xử công bằng và được tiếp cận thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên họp này, ĐHĐCĐ đã thông qua các Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động năm 2024, thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024, đồng thời tin tưởng giao cho HĐQT và Ban điều hành triển khai thực hiện cụ thể các kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm 2025.

Giao tiếp với cổ đông

Bên cạnh việc giải đáp các thắc mắc, chất vấn của cổ đông tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2025 được tổ chức vào ngày 20/04/2025, thông qua hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR), trong năm 2025 chúng tôi cũng đã chuẩn hoá và đa dạng các kênh thông tin cho cổ đông thông qua các sự kiện tiếp xúc Nhà đầu tư và phát hành các tài liệu/ấn phẩm IR. Ngoài ra, OCB cũng đã giải đáp các ý kiến của cổ đông thông qua phương tiện điện thoại, thư điện tử liên quan đến vấn đề cổ phần, cổ tức, các thông tin tài chính và các quy trình liên quan đến quyền lợi của cổ đông khác. OCB cũng chú trọng hoàn thiện cung cấp thông tin cho cổ đông tại chuyên mục Nhà đầu tư trên trang web chính thức của Ngân hàng. Trong năm 2026, OCB sẽ phát huy những kết quả đã đạt được và không ngừng đẩy mạnh hoạt động quan hệ nhà đầu tư và công tác quản lý cổ phiếu nhằm khẳng định vị thế vững mạnh của cổ phiếu OCB trên thị trường.



7 Thông tin về cổ phần và cơ cấu cổ đông

Cổ phần:



Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ theo danh sách của Trung tâm lưu ký chốt tại thời điểm tại ngày 31/12/2025

Cơ cấu cổ đông theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần 31/12/2025	Tỷ lệ cổ phần (%)
Theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ)		
Cổ đông lớn	399.457.863	15,0%
Cổ đông nhỏ	2.263.594.421	85,0%
Theo tiêu chí cổ đông cá nhân, cổ đông tổ chức		
Cổ đông cá nhân	1.036.264.535	38,91%
Cổ đông tổ chức	1.626.787.749	61,09 %
Theo tiêu chí cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài ^(*)		
Cổ đông trong nước	2.140.459.460	80,38%
Cổ đông nước ngoài	522.592.824	19,62%
Theo tiêu chí cổ đông Nhà nước, cổ đông khác		
Cổ đông Nhà nước	229.380.607	8,61%
Cổ đông khác	2.433.671.877	91,39%

* Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng TMCP Phương Đông ở mức 22%

>> QUẢN TRỊ CÔNG TY

8 Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ tại ngày 31/12/2025.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Ngân hàng	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
	Cá nhân là thành viên HĐQT		281.158.003	10.558
1	Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	118.088.047	4.434
2	Ngô Hà Bắc	Thành viên HĐQT	16.688.922	0.627
3	Trịnh Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	78.309.588	2.941
4	Yoshizawa Toshiki	Thành viên HĐQT	0	0.000
5	Segawa Mitsuhiko	Thành viên HĐQT	0	0.000
6	Phan Trung	Thành viên HĐQT	68.071.446	2.556
7	Dương Kỳ Hiệp	Thành viên độc lập HĐQT	0	0.000
	Cá nhân là thành viên BKS		16.193	0.001
1	Đặng Thị Thanh Huyền	Trưởng BKS	0	0.000
2	Phạm Quang Vinh	Thành viên BKS	0	0.000
3	Đặng Thị Ouy	Thành viên BKS	0	0.000
4	Nguyễn Trọng Hải	Thành viên BKS	267	0.000
5	Nguyễn Văn Hải	Thành viên BKS	15.926	0.001
	Cá nhân là thành viên BDH		261.360	0.010
1	Phạm Hồng Hải	Tổng Giám đốc	261.360	0.010
2	Nguyễn Văn Anh	Kế toán trưởng	0	0.000
	Người phụ trách quản trị công ty			
1	Nguyễn Đức Hiếu	Người phụ trách quản trị nội bộ	0	0.000
	TỔNG CỘNG		281.435.556	10.569

9 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin các đợt tăng vốn cổ phần từ khi thành lập

(Đơn vị: Triệu đồng)

Năm	Đợt	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn và đối tượng	Cơ quan chấp thuận
1996	-	-	70.000	70.000	Góp vốn thành lập	NHNN và Sở KH&ĐT TP. HCM
2003	1	70.000	23.736	93.736	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
	2	93.736	7.615	101.351	Phát hành cổ phiếu để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Nông Thôn Tây Đô	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2004	3	101.351	35.779	137.130	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
	4	137.130	62.870	200.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2005	5	200.000	100.000	300.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2006	6	300.000	267.000	567.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên và phát hành riêng lẻ	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2007	7	567.000	544.111	1.111.111	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên và phát hành riêng lẻ	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ

Năm	Đợt	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn và đối tượng	Cơ quan chấp thuận
2008	8	1.111.111	363.366	1.474.477	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu	NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2009	9	1.474.477	525.523	2.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược PNB Paribas với tỷ lệ sở hữu 15%	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2010	10	2.000.000	635.000	2.635.000	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu; chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược PNB Paribas	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2011	11	2.635.000	365.000	3.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược PNB Paribas	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2012	12	3.000.000	234.000	3.234.000	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2014	13	3.234.000	313.148	3.547.148	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2016	14	3.547.148	452.852	4.000.000	Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu riêng lẻ	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ

Năm	Đợt	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn và đối tượng	Cơ quan chấp thuận
2017	15	4.000.000	1.000.000	5.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ	UBCKNN, NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2018	16	5.000.000	1.599.211	6.599.211	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN, NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2019	17	6.599.211	1.299.360	7.898.571	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2020	18	7.898.571	3.060.493	10.959.063	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành riêng lẻ cho Ngân hàng Aozora (Nhật Bản)	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2021	19	10.959.063	2.739.766	13.698.829	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	NHNN, UBCKNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2023	20	13.698.829	6.849.414	20.548.243	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN, NHNN, Sở KH&ĐT TP. HCM và ĐHĐCĐ
2024	21	20.548.243	4.109.648	24.657.891	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN, NHNN và ĐHĐCĐ
2025	22	24.657.891	197.263.132	26.630.523	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN; NHNN, và ĐHĐCĐ

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Giao dịch	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	2	335.500 cổ phần
Bán	1	93.500 cổ phần
Tổng cộng	3	429.000 cổ phần

Giao dịch cổ phiếu của người có liên quan của người nội bộ:

Giao dịch	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	1	4.877.010 cổ phần
Bán	9	133.996.680 cổ phần
Tổng cộng	10	138.873.690 cổ phần

10) Báo cáo về thù lao, thưởng và các chi phí khác năm 2025

Tính hết ngày 31/12/2025, thù lao, thưởng và các chi phí khác thực tế đã chi trả cho các thành viên HĐQT và thành viên BKS như sau:

(Đơn vị: Đồng)

Đối tượng	Thù lao, thưởng	Chi phí khác	Tổng cộng
Hội đồng quản trị	30.942.516.060	612.059.996	31.554.576.058
Ban Kiểm soát	4.745.123.021	320.382.256	5.065.505.277
Tổng	35.687.639.081	932.442.254	36.620.081.335



CHƯƠNG

03

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động năm 2025	49
Định hướng mục tiêu hoạt động năm 2026	57

» KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1 Kết quả kinh doanh

Năm 2025, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất định khi căng thẳng chính trị tại một số khu vực vẫn kéo dài, cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn gia tăng. Bên cạnh đó, rủi ro từ nợ công cao tại nhiều quốc gia, biến động giá năng lượng và lương thực, cùng với các hiện tượng thời tiết cực đoan tiếp tục tạo áp lực đối với triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, nhờ lạm phát tại nhiều nền kinh tế lớn dần được kiểm soát và chính sách tiền tệ từng bước chuyển sang trạng thái nới lỏng hơn, hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế đã có dấu hiệu cải thiện, góp phần hỗ trợ đà phục hồi của kinh tế thế giới.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Năm 2025, GDP của Việt Nam tăng 8,02% (đạt mục tiêu tăng trưởng Chính phủ đề ra), nằm trong nhóm các nền kinh tế tăng trưởng nhanh trong khu vực. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt khoảng 930 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD và nhập khẩu đạt 455,01 tỷ USD, tiếp tục duy trì thặng dư thương mại. Thu hút đầu tư nước ngoài duy trì khả quan khi vốn FDI thực hiện đạt khoảng 27,6 tỷ USD, tăng khoảng 9% so với năm 2024, mức cao nhất trong nhiều năm gần đây.

Nhờ sự điều hành linh hoạt của chính sách tài khóa và tiền tệ, môi trường kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định; lạm phát được kiểm soát, tỷ giá biến động trong biên độ hợp lý và mặt bằng lãi suất duy trì ở mức hỗ trợ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh. Những yếu tố này đã góp phần củng cố niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư, tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp trong năm 2025.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản của OCB năm 2025 như sau:

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	% tăng/giảm so với 2024	% tăng/giảm so với kế hoạch 2025
1	Tổng tài sản	322.949	▲ 17%	102%
2	Tổng dư nợ TT ⁽¹⁾	205.065	▲ 14%	98%
3	Tổng huy động TT ⁽²⁾	220.958	▲ 15%	101%
4	Lợi nhuận trước thuế	5.022	▲ 25%	94%
5	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	2,30%	-	Đạt

(1) Tổng dư nợ TT⁽¹⁾ gồm: Cho vay khách hàng; TPDN; Mua nợ.

(2) Tổng huy động TT⁽²⁾ gồm: Tiến gửi khách hàng; GTCG; Vốn tài trợ - ủy thác.

2025

2 Hoạt động tín dụng



Trong năm 2025, OCB tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tín dụng thông qua việc triển khai đa dạng các chương trình lãi suất ưu đãi cho cả khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, với tổng quy mô các gói tín dụng khoảng 96.000 tỷ đồng. Doanh số khai thác từ các chương trình đạt gần 23.836 tỷ đồng, hỗ trợ trên 22.000 khách hàng tiếp cận nguồn vốn với chi phí cạnh tranh, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, hỗ trợ nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và nhà ở của khách hàng.

Đối với khách hàng doanh nghiệp, OCB triển khai nhiều chương trình tín dụng ưu đãi phù hợp với từng nhu cầu vốn và đặc điểm dòng tiền của doanh nghiệp, như gói gửi USD vay VND ưu đãi, gói kết hợp tiền gửi trung dài hạn và cho vay, cùng các gói cho vay VND ngắn hạn lãi suất ưu đãi dành cho khách hàng mới và khách hàng hiện hữu. Các chương trình này góp phần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn linh hoạt, tối ưu chi phí tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, với mức lãi suất ưu đãi tốt nhất từ 1,1%/năm đối với một số gói có tài sản đảm bảo đặc thù.

Đối với khách hàng cá nhân, OCB triển khai đồng thời nhiều chương trình ưu đãi lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh, vay thế chấp, vay mua bất động sản, vay tiêu dùng và vay mua ô tô, đồng thời đẩy mạnh các chính sách tài trợ dành cho khách hàng mua nhà tại các dự án/chủ đầu tư chiến lược. Các chương trình này đã giúp khách hàng cá nhân dễ dàng tiếp cận nguồn vốn phục vụ nhu cầu an cư, tiêu dùng và phát triển hoạt động kinh doanh, với mức lãi suất cạnh tranh từ 5,1% đến 10,5%/năm tùy theo sản phẩm và từng phân khúc khách hàng.

3 Hoạt động huy động



Huy động thị trường tăng 14,8% so với cùng kỳ, đạt gần 221 ngàn tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch về quy mô của năm 2025.

Tiền gửi từ khách hàng cá nhân tiếp tục tăng trưởng ổn định với tốc độ xấp xỉ 14% tương đương với trung bình ngành, đóng góp gần 70% tổng quy mô tiền gửi từ khách hàng. Phát hành giấy tờ có giá và vay vốn từ định chế tài chính quốc tế đạt mức tăng trưởng 42% so với cùng kỳ, hoàn thành 159% kế hoạch cả năm 2025.

Bằng việc nâng cấp và liên tục phát triển sản phẩm tiền gửi nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng, OCB đã xây dựng được nền tảng huy động nguồn vốn ổn định từ khách hàng dân cư, cải thiện đáng kể tỷ trọng tiền gửi kỳ hạn dài trong cơ cấu vốn, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh doanh an toàn và bền vững.

4 Hoạt động quản trị rủi ro

Năm 2025 các tỷ lệ an toàn thanh khoản trọng yếu như tỷ lệ dự trữ thanh khoản (LRR), tỷ lệ khả năng chi trả (LCR VND và USD), tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR) và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn của OCB tiếp tục được duy trì và kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các ngưỡng an toàn của NHNN. Ngân hàng ưu tiên quản trị danh mục tài sản thanh khoản cao (tiền mặt, tiền gửi dự trữ, trái phiếu chính phủ) một cách linh hoạt, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn thanh khoản và tính sẵn sàng trước mọi nghĩa vụ tài chính.

Bên cạnh đó, OCB đang chủ động tiệm cận các thông lệ quốc tế thông qua việc định kỳ tính toán các tỷ lệ LCR và NSFR theo chuẩn mực Basel III. Việc đưa các chỉ số này vào hệ thống theo dõi giúp ngân hàng sớm nhận diện các biến động, từ đó điều chỉnh cơ cấu tài sản - nguồn vốn theo hướng bền vững và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

Ngoài ra, OCB đang triển khai quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ thanh khoản (ILAAP) định kỳ hàng năm, kết hợp với việc thực hiện kiểm tra sức chịu đựng (Stress test) rủi ro thanh khoản định kỳ hàng quý. Những nỗ lực này không chỉ giúp OCB khẳng định năng lực thanh khoản trước các kịch bản thị trường thách thức, mà còn đảm bảo kế hoạch nguồn vốn luôn sẵn sàng đáp ứng mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững và ổn định trong dài hạn.

OCB tuân thủ nghiêm ngặt các giới hạn an toàn theo quy định, đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả và kiểm soát rủi ro chặt chẽ trong năm 2025.

Tình hình thực hiện giám sát một số hạn mức rủi ro trọng yếu năm 2025:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Quy định NHNN	Đánh giá
Hệ số an toàn vốn (CAR Basel II)	12.3%	$\geq 8\%$	Tuân thủ
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	28.95%	$\leq 30\%$	Tuân thủ
Hệ số LDR (Cho vay/huy động vốn)	73.08%	$\leq 85\%$	Tuân thủ
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	20.18%	$\geq 10\%$	Tuân thủ
Tỷ lệ nợ xấu	2.30%	$< 3\%$	Tuân thủ



Triển khai thực hiện chính sách quản lý rủi ro

Khẩu vị rủi ro năm 2025 được xây dựng với các mục tiêu kiểm soát rủi ro chặt chẽ và linh hoạt hợp lý để đảm bảo an toàn tài chính cho OCB nhưng vẫn phù hợp với chiến lược kinh doanh. Các chỉ tiêu kiểm soát rủi ro trọng yếu được duy trì và thường xuyên rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời, vừa tạo điều kiện để OCB có thể phát triển quy mô, vừa đảm bảo kiểm soát rủi ro chặt chẽ.

Hệ thống văn bản khung quy định nghiệp vụ được rà soát cập nhật định kỳ, đánh giá và trình phê duyệt tại các cuộc họp của Ủy ban Quản lý rủi ro, Ban Điều hành, Hội đồng rủi ro.

Duy trì thiết lập và giám sát các công cụ đo lường rủi ro hoạt động bao gồm: Nhận diện sớm rủi ro thông qua việc đánh giá rủi ro các sản phẩm, quy trình, quy định, phát triển ứng dụng công nghệ, dự án; Giám sát chặt chẽ các chỉ số rủi ro trọng yếu (KRIs); Thực hiện tự nhận diện rủi ro và chốt kiểm soát (Risk Control Self Assessment - RCSA); Đánh giá rủi ro đối với các hoạt động thuê ngoài.

Cập nhật định kỳ và triển khai quy định xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục và ứng phó với các thảm họa phù hợp theo tình hình hoạt động; Triển khai hệ thống dự phòng thảm họa (DRP) và tổ chức diễn tập theo các kịch bản hằng năm nhằm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra các sự cố hay thảm họa.

Triển khai các công cụ đo lường rủi ro hoạt động

Các công cụ đang triển khai chính:

- Thu thập và phân tích số liệu tổn thất (Loss Data Collection - LDC).
- Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động (Risk Control Self Assessment - RCSA).
- Chỉ số rủi ro trọng yếu (Key Risk Indicators - KRI).
- Nhận diện sớm rủi ro thông qua việc đánh giá mức độ rủi ro hoạt động các sản phẩm, quy trình, quy định, phát triển ứng dụng công nghệ trước khi vận hành.
- Thu thập và phân tích các phát hiện của kiểm toán nội bộ, kiểm soát tuân thủ, các cơ quan thanh tra, v.v..., để đánh giá các điểm yếu kiểm soát và phối hợp phòng ban thực hiện kế hoạch giảm thiểu rủi ro.
- Thu thập các sự kiện tổn thất từ các tổ chức tài chính khác để phân tích bài học kinh nghiệm, bổ sung các biện pháp ngăn ngừa rủi ro.

Triển khai quản lý rủi ro theo các chuẩn mực tiên tiến

Trong những năm gần đây, OCB đã đạt được những bước tiến vượt bậc và tiếp tục khẳng định vị thế ngân hàng tiên phong trong việc áp dụng các tiêu chuẩn quản lý rủi ro quốc tế tiên tiến như Basel.

OCB kiên định trong mục tiêu duy trì nền tảng quản trị rủi ro vững chắc, hướng tới các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe. Trong thời gian tới, OCB sẽ tiếp tục chú trọng công tác quản trị rủi ro, giám sát chất lượng tài sản, trích lập dự phòng đầy đủ, đồng thời triển khai hiệu quả các biện pháp thu hồi nợ, qua đó đảm bảo tuân thủ đầy đủ các tỷ lệ an toàn theo quy định và phù hợp với khẩu vị rủi ro đã được phê duyệt và đảm bảo hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.



5 Hoạt động công nghệ thông tin và ngân hàng số

Trong năm 2025, hoạt động công nghệ thông tin và ngân hàng số của OCB tiếp tục ghi nhận nhiều kết quả tích cực, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tăng cường năng lực quản trị rủi ro và tối ưu hóa hiệu quả vận hành. Các chương trình, sáng kiến công nghệ được triển khai đồng bộ, bám sát định hướng chuyển đổi số và phát triển bền vững của Ngân hàng, cụ thể:

Phát triển và hoàn thiện nền tảng ngân hàng

OCB tiếp tục nâng cấp ứng dụng OCB OMNI theo định hướng Đơn giản - Nhanh - Tiện dụng - Cá nhân hóa, qua đó tăng khả năng phát triển tính năng, tối ưu tốc độ giao dịch và nâng cao trải nghiệm khách hàng trên kênh số. Đồng thời, Ngân hàng đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu trong phân tích hành vi, nhu cầu khách hàng để chủ động đề xuất sản phẩm, dịch vụ và ưu đãi phù hợp, cũng như hoàn tất tích hợp định danh điện tử VNeID, tạo nền tảng mở rộng các dịch vụ số an toàn, thuận tiện. Bên cạnh đó, các sản phẩm số mới như Flexi Savings và Max Savings tiếp tục được hoàn thiện, góp phần đa dạng hóa giải pháp tài chính cho khách hàng.

Phát triển sản phẩm, tiện ích số và số hóa hành trình khách hàng

Trong năm, OCB tiếp tục mở rộng các sản phẩm và tiện ích số như mở thẻ tín dụng 100% trực tuyến, cấp thấu chi online đối với khách hàng có số tiết kiệm trực tuyến, cũng như tính năng cá nhân hóa theo từng phân khúc khách hàng. Đối với khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng đẩy mạnh số hóa các dịch vụ ngân hàng giao dịch và tài trợ thương mại trên nền tảng số, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị tài chính và cải thiện trải nghiệm khách hàng. Nhờ đó, tỷ lệ khách hàng tham gia qua kênh số đạt 88%, tăng 8% so với năm 2024; Tỷ lệ giao dịch trên kênh OCB OMNI đạt 90%, trong khi số lượng và doanh số giao dịch đều tăng trên 90% so với năm trước.

Tăng cường an toàn bảo mật và quản trị rủi ro

OCB tiếp tục triển khai các giải pháp bảo mật, an toàn giao dịch và quản trị rủi ro trên kênh số, bao gồm hoàn tất triển khai định danh khách hàng bằng thẻ căn cước gắn chip trên ứng dụng và tại quầy, đồng thời kết nối với Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng dữ liệu dân cư và căn cước công dân thuộc Bộ Công an nhằm tăng cường bảo mật, giảm thiểu rủi ro giả mạo. Hệ thống phòng chống rửa tiền (AML) cũng chính thức go-live, góp phần nâng cao năng lực tuân thủ và quản lý rủi ro của Ngân hàng. Song song đó, mô hình DevSecOps tiếp tục được áp dụng nhằm tích hợp bảo mật xuyên suốt quá trình phát triển và vận hành ứng dụng.

Số hóa quy trình, nâng cao hiệu quả vận hành và đầu tư nền tảng công nghệ

OCB tiếp tục số hóa, tự động hóa nhiều quy trình nội bộ trọng yếu như thanh toán, kiểm soát kế toán chi phí, quy trình tín dụng cá nhân và giải ngân hạn mức cho khách hàng doanh nghiệp, qua đó rút ngắn thời gian xử lý, tăng tính minh bạch và nâng cao hiệu quả vận hành. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục đầu tư trọng điểm vào hạ tầng công nghệ, tiêu biểu là triển khai mạng SD-WAN và khởi động dự án Basel III, tạo nền tảng nâng cao năng lực quản trị rủi ro và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Bên cạnh đó, hệ sinh thái số tiếp tục được mở rộng thông qua nền tảng Open API với hơn 300 đối tác, hơn 200 API và khối lượng xử lý gần 10 triệu giao dịch/tháng, góp phần hỗ trợ khách hàng, đặc biệt là khách hàng doanh nghiệp, tối ưu hóa quản trị dòng tiền, thanh toán và tích hợp dịch vụ ngân hàng vào hệ sinh thái kinh doanh.



6 Hoạt động về phát triển thương hiệu

Năm 2025 hoạt động Truyền thông, Marketing của OCB đã có sự duy trì ổn định thông qua các hoạt động AWW trên Social, PR, cùng các chiến dịch trọng điểm như Tết, sinh nhật OCB29... qua đó giúp thương hiệu giữ được sự hiện diện nhất quán và vị trí cạnh tranh trong bối cảnh thị trường nhiều biến động. Cụ thể, nhờ nền tảng thương hiệu tốt, năm 2025 OCB tiếp tục nằm trong Top 8 ngân hàng dẫn đầu về sức khỏe thương hiệu, Top các ngân hàng có độ phủ rộng trên truyền thông Báo chí. Đáng chú ý, chỉ số yêu thích thương hiệu OCB ghi nhận sự gia tăng thứ hạng đáng kể (tăng 5 bậc) so với năm 2024, phản ánh mức độ thiện cảm và gắn kết của khách hàng đã được cải thiện.

Độ phủ thương hiệu của Ngân hàng có mặt trên cả nước với gần 200 đơn vị kinh doanh tại 29 tỉnh thành kinh tế, nhờ đó khách hàng thuận tiện và dễ dàng tiếp cận được các dịch vụ tài chính hiện đại. Bên cạnh đó, OCB còn chú trọng nâng cao trải nghiệm thương hiệu tại các điểm chạm, từ giao diện số đến không gian giao dịch trực tiếp, giúp khách hàng cảm nhận rõ nét giá trị và sự khác biệt của ngân hàng, đồng thời dễ dàng tiếp cận các thông tin, sản phẩm, dịch vụ qua đó gia tăng lợi ích khi nhận thêm ưu đãi, cơ hội trúng thưởng từ các chương trình khuyến mãi.

Bảng việc hoạt động Truyền thông, Marketing được đẩy mạnh, OCB cũng đã đón nhận những giải thưởng danh giá trong năm 2025:



THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM



TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM 2025



NGÂN HÀNG TƯ NHÂN XANH VÀ BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM



NGÂN HÀNG BỀN VỮNG XUẤT SẮC 2025



NGÂN HÀNG SỐ TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM 2025



TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT ĐÔNG NAM Á



TOP DOANH NGHIỆP NỘP NGÂN SÁCH LỚN NHẤT VIỆT NAM 2025



TOP 50 DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIÊU BIỂU VIỆT NAM 2025

Năm 2025, hoạt động Truyền thông, Marketing của OCB tập trung mạnh mẽ vào thông điệp "Kỷ nguyên vươn mình", nhấn mạnh chiến lược chuyển đổi số toàn diện, phát triển bền vững (ESG) và nâng cao trải nghiệm khách hàng để hướng tới mục tiêu Top 5 ngân hàng TMCP về hiệu quả và ESG vào năm 2030, thể hiện hình ảnh thương hiệu năng động và tin cậy.

Bên cạnh việc tập trung vào các hoạt động kinh doanh, OCB còn tích cực đồng hành cùng các hoạt động an sinh xã hội, chia sẻ với cộng đồng như: Hỗ trợ người dân chịu ảnh hưởng của bão, lũ; Đồng hành cùng Quỹ khuyến học Kiên Giang; Chung tay cùng ngành Ngân hàng trong các chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát; Tham gia Triển lãm Thành tựu Đất nước 2025 (A80) cùng nhiều chương trình nổi bật khác.



7 Hoạt động phát triển kênh phân phối



Tính đến 31/12/2025, OCB có 01 Hội sở, 62 Chi nhánh, 113 Phòng Giao dịch tại 29/34 tỉnh thành của cả nước (theo địa giới hành chính mới).



8 Công tác quản trị nhân sự và đào tạo

Tính đến 31/12/2025, tổng số CBNV của OCB là gần

7.000 nhân sự

đảm bảo nguồn nhân lực cho toàn bộ hoạt động kinh doanh và vận hành của tất cả các Đơn vị trong hệ thống.

Việc triển khai các hoạt động phát triển nguồn nhân lực tại OCB luôn có sự định hướng và chỉ đạo sát sao từ HĐQT, BĐH nhằm đáp ứng nguồn nhân lực trong ngắn và dài hạn, cả về số lượng và chất lượng. Hoạt động phát triển nguồn nhân lực đều có sự tham gia phối hợp trực tiếp của các Khối, Phòng ban Hội sở và Đơn vị kinh doanh, từ cấp quản lý đến đội ngũ nhân sự chuyên môn nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự đáp ứng nhu cầu của OCB. Trong năm 2025, OCB tiếp tục triển khai các hoạt động phát triển nguồn nhân lực tập trung vào:

- Đội ngũ nhân sự kế cận được củng cố thông qua việc đánh giá tiềm năng và quy hoạch đội ngũ kế thừa dựa trên các chương trình phát triển trọng điểm như: Giám đốc Trung tâm Chuyên doanh tiềm năng, Giám đốc Duan hệ khách hàng, Giám đốc Tín dụng tiềm năng và Kiểm soát viên Dịch vụ khách hàng tiềm năng. Với phương pháp triển khai được đổi mới từ tiêu chuẩn lựa chọn, quy trình đánh giá đến mô hình đào tạo - ngân hàng đã bổ sung thêm 207 nhân sự chất lượng cao vào lực lượng kế thừa trong năm 2025.
- Các chương trình phát triển năng lực cho CBNV và CBQL được triển khai xuyên suốt như OCB Management 1 (quản lý cấp cơ sở), OCB Management 2 (quản lý cấp trung); đồng thời tập trung đào tạo cho BM môi, nâng cao năng lực bán hàng và tối ưu trải nghiệm khách hàng cho đội ngũ bán hàng và ĐVKH tại ĐVKD.
- Các khóa học về tín dụng xanh, ESG và nâng cao năng lực số cho toàn hệ thống luôn được đào tạo kịp thời theo định hướng chung, đồng thời đẩy mạnh văn hóa học tập thông qua nhiều hình thức đa dạng: chuỗi Learn & Share, Team Active Learning, Thi đua Quân quân học tập và hoạt động huấn luyện/kèm cặp tại Đơn vị.



9 Hoạt động về Phát triển Bền vững (ESG)

Trong năm 2025 OCB tập trung củng cố nền tảng quản trị ESG, hoàn thiện chính sách tín dụng xanh, tiếp tục nghiên cứu phát triển chính sách, sản phẩm, mở rộng danh mục ra các lĩnh vực năng lượng tái tạo, công trình xanh, hạ tầng nước và nông nghiệp bền vững, đồng thời từng bước tích hợp đo lường rủi ro ESG, khí hậu và phát thải vào quản lý danh mục. Ngân hàng cũng tăng cường vận hành hiệu quả hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, đảm bảo sàng lọc, đánh giá và giám sát rủi ro được thực hiện xuyên suốt vòng đời khoản vay.

Song song đó, OCB đẩy mạnh vận hành xanh thông qua tiết kiệm tài nguyên, số hóa quy trình và tăng cường đào tạo nội bộ về ESG, tích cực triển khai các chương trình an sinh xã hội và bảo vệ môi trường; đồng thời nâng cao chất lượng công bố thông tin và Báo cáo Phát triển Bền vững theo hướng tiệm cận chuẩn mực quốc tế.



» ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	So sánh KH 2026 và TH 2025	
1	Tổng tài sản	322.949	354.214	▲ 31.265	▲ 10%
2	Tổng huy động TTI	220.958	251.919	▲ 30.960	▲ 14%
3	Tổng dư nợ TTI	205.065	235.875	▲ 30.810	▲ 15%
4	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	2,30%	< 3,00%	-	-
5	Lợi nhuận trước thuế	5.022	6.960	▲ 1.938	▲ 39%

2026 2027

CHƯƠNG

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA OCB

Đánh giá chung về công tác Quản trị doanh nghiệp 59

Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2026 63

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA OCB

» ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1 Công tác Quản trị

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, HĐQT của OCB hoạt động với tổng cộng 9 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập. Nhiệm kỳ 2025 - 2030, kể từ ngày 20/4/2025, HĐQT của OCB hoạt động với tổng cộng 7 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập. Từng thành viên HĐQT đã thực hiện công tác quản trị trên nguyên tắc công khai, minh bạch, tách bạch giữa hoạt động quản trị và hoạt động điều hành.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 30 phiên họp, bao gồm 6 phiên họp HĐQT trực tiếp và 24 phiên họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giao nhiệm vụ cho BĐH và kiểm tra kết quả thực hiện các chỉ tiêu. HĐQT đã thảo luận và thông qua 98 Nghị quyết và Quyết định về nhiều lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

HĐQT đã ban hành mới và sửa đổi, bổ sung một số văn bản như: Quy chế cơ cấu tổ chức Ngân hàng TMCP Phương Đông; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban quản lý rủi ro; Quy chế phân cấp phân quyền đối với nghiệp vụ liên quan rủi ro tín dụng; Quy chế quản lý an toàn hệ thống thông tin; Quy chế quản lý rủi ro thị trường...

2 Hoạt động của các Ủy ban

Nhằm giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị, HĐQT đã thành lập các cơ quan trực thuộc để triển khai các công việc. HĐQT có các Ủy ban trực thuộc gồm: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban XLRR, Ban Hợp tác chiến lược, Ban Chiến lược, Ban Phát triển bền vững.

Chi tiết hoạt động của các Ủy ban như sau:

Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR)

Trong năm 2025, UBQLRR đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và 04 lần lấy ý kiến qua email nhằm trao đổi và thống nhất về các nội dung:

- Giám sát Khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro, trạng thái rủi ro toàn hàng, nội dung Công bố thông tin an toàn vốn, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn định kỳ hàng năm.
- Đánh giá và chỉ đạo triển khai các chương trình hành động, biện pháp kiểm soát rủi ro và ứng phó thay đổi hoặc tác động hoạt động kinh doanh do diễn biến thông tin thị trường bất lợi.
- Thông qua các đề xuất ban hành các văn bản phù hợp và tuân thủ quy định pháp luật và thực tiễn kinh doanh.
- Tổ chức lấy ý kiến phê duyệt các nội dung đề xuất kịp thời nhằm phù hợp với hiệu lực của các quy định pháp luật được cập nhật bổ sung hoặc ban hành mới.

Ủy ban Xử lý rủi ro (UBXLRR)

Trong năm 2025, đã có 48 cuộc họp UBXLRR được tổ chức và 56 hồ sơ lấy ý kiến UBXLRR qua email; tổng cộng UBXLRR đã xem xét và xử lý 1.208 hồ sơ xử lý rủi ro tín dụng và 3 hồ sơ xử lý rủi ro hoạt động. UBXLRR chịu trách nhiệm:

- Quản lý chính sách dự phòng.
- Quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đối với nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống, bao gồm cả việc xử lý tài sản bảo đảm.
- Quyết định các biện pháp xử lý các khoản nợ quá hạn hoặc trong hạn tiềm ẩn rủi ro.
- Quyết định và phê duyệt các biện pháp xử lý đối với các sự kiện rủi ro hoạt động có phát sinh tổn thất tài chính sau khi thực hiện các giải pháp nhưng không có khả năng thu hồi một phần/toàn phần theo khẩu vị rủi ro từng thời kỳ.

Ban Chiến lược

Giữ vai trò đầu mối định hướng và thúc đẩy triển khai các hành động trọng tâm theo định hướng chiến lược của Ngân hàng, đồng thời gia tăng mức độ áp dụng mô hình Agile trong toàn Ngân hàng nhằm nâng cao tốc độ thực thi và hiệu quả phối hợp liên đơn vị, bảo đảm thống nhất giữa mục tiêu chiến lược và kế hoạch hành động tại từng đơn vị. Đồng thời, Ban Chiến lược là đầu mối tổng hợp, chuẩn hóa và hoàn thiện các báo cáo mang tính chiến lược gửi Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý cấp ngành theo yêu cầu, bảo đảm phản ánh đầy đủ tình hình thực thi chiến lược tại OCB và việc đáp ứng các yêu cầu quản lý cấp ngành.

Ban Phát triển bền vững

Ban PTBV thực hiện vai trò tham mưu cho HĐQT về định hướng, chiến lược và các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững. Trong năm 2025, Ban PTBV đã tổ chức 3 cuộc họp định kỳ nhằm xem xét, cho ý kiến về việc triển khai Chiến lược Phát triển bền vững; Các nội dung liên quan đến tài chính bền vững, tài chính xanh; Công tác quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng; Kết quả giám sát các chỉ số môi trường, xã hội trong hoạt động nội bộ; đồng thời theo dõi, đánh giá hiệu quả các chương trình hợp tác, tư vấn và các dự án liên quan đến phát triển bền vững.

Ban Hợp tác Chiến lược ("SAC")

Ban Hợp tác Chiến lược tham mưu cho HĐQT trong việc hợp tác chiến lược giữa OCB và Ngân hàng Aozora ("AOZ"), tham mưu về vấn đề hợp tác và phát triển kinh doanh cho OCB. Trong năm 2025 đã có 4 cuộc họp SAC được tổ chức nhằm trao đổi và thống nhất về định hướng hợp tác chiến lược và phát triển kinh doanh cho OCB như: đẩy mạnh hoạt động huy động, tăng CASA, kinh doanh ngoại tệ và các sản phẩm tín dụng cho nhóm khách hàng doanh nghiệp và cá nhân Nhật Bản, phát triển chương trình cho vay các công ty startup do quỹ của AOZ đầu tư, phát triển các chương trình ưu đãi cho nhóm khách hàng cá nhân người Nhật Bản.

Ủy ban Nhân sự (UBNS)

Trong năm 2025, UBNS tham vấn trong việc rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức và bổ nhiệm các cán bộ quản lý. Đồng thời, UBNS tập trung vào việc đánh giá năng suất làm việc và tối ưu hiệu quả vận hành, qua đó xây dựng các kế hoạch hành động cụ thể nhằm xác định cơ chế chi trả hiệu quả công việc phù hợp, đẩy mạnh đào tạo phát triển nội bộ, nâng cao năng lực đội ngũ, xây dựng đội ngũ kế cận. UBNS cũng định hướng tiếp tục phát triển văn hóa doanh nghiệp và phương thức làm việc chuẩn mực, góp phần gia tăng sự gắn kết và hiệu quả tổ chức.

3) Hoạt động của thành viên độc lập của HĐQT và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

Năm 2025 là năm thứ 1 trong nhiệm kỳ (2025 - 2030) của HĐQT, HĐQT OCB có 1 (một) thành viên độc lập là Ông Dương Kỳ Hiệp. Ông Dương Kỳ Hiệp giữ vị trí thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro và thực hiện nhiệm vụ của Thành viên độc lập HĐQT.

- Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện việc xem xét và đóng góp ý kiến đối với chiến lược, kế hoạch kinh doanh và các văn bản của Ngân hàng thuộc thẩm quyền; Tham gia giám sát và đôn đốc BDH trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Thành viên HĐQT độc lập đã có những đóng góp tích cực về công tác quản trị của Ngân hàng, bảo đảm tính độc lập và khách quan trong việc ra quyết định của HĐQT.

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT OCB:

- HĐQT OCB đã hoạt động theo đúng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ OCB, Quy chế tổ chức hoạt động, quy định của pháp luật.
- Thành viên HĐQT làm việc tích cực và hiệu quả trên tinh thần cẩn trọng, minh bạch và trách nhiệm.
- HĐQT cũng đã thực hiện tốt việc hoạch định chiến lược cho Ngân hàng và hỗ trợ BDH trong kế hoạch kinh doanh năm 2025.

4) Hoạt động giám sát đối với Ban Điều hành

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện theo Điều lệ và các quy định nội bộ của OCB, tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp hoạt động kinh doanh của OCB.

Hàng quý, HĐQT tổ chức phiên họp định kỳ để cập nhật tình hình kinh doanh cũng như rà soát, xem xét các kế hoạch hành động của BĐH đảm bảo các định hướng đề ra tại ĐHĐCĐ đã được thực hiện đúng và theo quy định, phê duyệt các đề xuất của BĐH.

Đồng thời, HĐQT cũng tham gia trong việc định hướng, giám sát các hoạt động điều hành được thể hiện qua việc ban hành các Nghị quyết HĐQT trong năm 2025.

5) Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025

Ngoài việc thực hiện Nghị quyết về hoạt động kinh doanh nêu tại Báo cáo này, trong năm 2025 OCB đã hoàn thành các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025 đề ra như sau:

- Đã thực hiện trích lập các quỹ năm 2024.
- Đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 26.630.522.840.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Đã chọn Công ty TNHH KPMG thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025.
- Hoàn thành phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.
- Hoàn thành việc bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Tuân thủ về tổng mức ngân sách hoạt động, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của HĐQT và BKS năm 2025.
- Tuân thủ việc quyết định một số vấn đề thuộc quyền hạn của ĐHĐCĐ.

6) Báo cáo công khai các lợi ích liên quan

Theo quy định tại Điều 49 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, OCB cung cấp, công bố công khai đến ĐHĐCĐ các thông tin liên quan đến HĐQT, BKS, BĐH tính đến thời điểm 31/12/2025 như sau:

Dối tượng	Số lượng thành viên	Số doanh nghiệp là người có liên quan
Hội đồng Quản trị	7 thành viên	13 doanh nghiệp
Ban Kiểm soát	3 thành viên	4 doanh nghiệp
Ban Điều hành	0 thành viên	0 doanh nghiệp

7 Các nội dung khác HĐQT cần báo cáo ĐHCĐ theo luật định

- Báo cáo về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan: có phát sinh (chi tiết theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025).
- Báo cáo về các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không phát sinh.

Báo cáo công khai danh sách người vay:

Theo quy định tại Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, OCB báo cáo công khai với ĐHCĐ về việc cho vay đối tượng hạn chế cấp tín dụng đến thời điểm ngày 31/12/2025 như sau:

a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại OCB; người ra quyết định thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, người giám sát hoạt động Đoàn thanh tra đang thanh tra tại OCB: Không có

b) Kế toán trưởng của OCB: Không có

c) Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập của OCB: Không có

d) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật các tổ chức tín dụng 2024 sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó: Không có

đ) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại OCB (trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân): 24 nhân viên

e) Công ty con, công ty liên kết của OCB: Không có

Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ là 311 tỷ đồng, tương đương 0,90% vốn tự có của OCB, đảm bảo không vượt quá 05% vốn tự có của OCB.

Việc cho vay các đối tượng nói trên đã được OCB thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật và quy định của OCB.

Về việc công khai thông tin:

Theo quy định tại Điều 49 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, OCB báo cáo công khai với ĐHCĐ các thông tin liên quan về cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của OCB và người có liên quan là doanh nghiệp của Thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD tính đến thời điểm ngày 31/12/2025 như sau:

Đối với Thành viên HĐQT: có 13 doanh nghiệp/tổ chức kinh tế liên quan đến 07 thành viên.

Đối với Thành viên Ban kiểm soát: có 4 doanh nghiệp/tổ chức kinh tế liên quan đến 3 thành viên.

Đối với Thành viên Ban TGD: có 0 doanh nghiệp/tổ chức kinh tế liên quan đến 0 thành viên Ban TGD.

Chi tiết theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025.

Thông tin liên quan về cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của OCB và người có liên quan: đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của OCB tại mục nhà đầu tư/công bố thông tin.

- Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan chi tiết theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025.
- Báo cáo kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, sử dụng dự phòng rủi ro:

Theo quy định tại Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 và Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024, OCB báo cáo ĐHCĐ về kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, sử dụng dự phòng rủi ro chốt tại thời điểm ngày 31/12/2025 như sau:

Kết quả phân loại nợ tại 31/12/2025:

Tổng nợ nội bảng (tổng Tài sản có) là 293.366 tỷ đồng;

Tổng nợ xấu là 6.746 đồng;

Tỷ lệ nợ xấu tuân thủ dưới 3%.

Tổng cam kết ngoại bảng: 13.978 tỷ đồng.

Kết quả trích lập dự phòng rủi ro tại ngày 31/12/2025: 3.621 tỷ đồng.

Kết quả sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong năm 2025: 1.129 tỷ đồng.

» ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

Bước sang năm 2026 OCB tròn 30 năm, cột mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ của OCB. Ngân hàng đặt ra những mục tiêu chiến lược đầy tham vọng, hướng đến quản trị hiệu quả và tối ưu vận hành. Trên cơ sở đó, OCB định hướng tập trung vào các trọng tâm sau:

- Tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động, hướng tới mục tiêu nâng tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) lên trên 15%.
- Tập trung thúc đẩy tăng trưởng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng, đồng thời nâng cấp toàn diện công tác quản trị rủi ro tín dụng và xử lý nợ trong toàn hệ thống.
- Thực hiện điều chỉnh cơ cấu danh mục tín dụng theo hướng gia tăng tỷ trọng cho vay ngắn hạn, chú trọng vào nhóm Khách hàng doanh nghiệp thông qua việc mở rộng vào các lĩnh vực sản xuất và xuất nhập khẩu.
- Đẩy mạnh huy động nguồn vốn trung và dài hạn, với trọng tâm là tăng cường phối hợp giữa Khối Bán lẻ và Khối Nguồn vốn (Treasury), nhằm bảo đảm cân đối nguồn vốn phù hợp với cơ cấu danh mục cho vay.
- Phát huy vai trò của Khối Quản lý rủi ro trong việc kiểm soát chất lượng tín dụng và hỗ trợ triển khai các sản phẩm, hoạt động tín dụng mới thông qua việc nâng cấp mô hình quản trị rủi ro, tăng cường phê duyệt tự động và ứng dụng công nghệ.
- Tăng cường phát triển các hoạt động kinh doanh trái phiếu và dịch vụ Ngân hàng giao dịch (Transaction Banking), qua đó mở rộng nguồn thu phí và thúc đẩy tăng trưởng nguồn vốn CASA.
- Tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số và tự động hóa trên toàn hệ thống theo lộ trình số hóa, tự động hóa và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sử dụng chi phí.
- Triển khai chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin và hoàn thiện nền tảng dữ liệu của Ngân hàng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng quy mô giao dịch, nâng cao năng lực phân tích dữ liệu và hỗ trợ hiệu quả hơn cho hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống.

Định hướng về chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2026 như sau:

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	So sánh KH 2026 và TH 2025	
				+/-	%
1	Tổng tài sản	322.949	354.214	▲ 31.265	▲10%
2	Tổng huy động TT1	220.958	251.919	▲ 30.960	▲14%
3	Tổng dư nợ TT1	205.065	235.875	▲ 30.810	▲15%
4	Tỷ lệ nợ xấu (SBV)	2.30%	< 3.00%	-	-
5	Lợi nhuận trước thuế	5.022	6.960	▲ 1.938	▲39%

Tình hình thị trường tuy còn rất nhiều khó khăn thử thách nhưng với sự đoàn kết nhất trí cao của HĐQT, sự nỗ lực làm việc không mệt mỏi của BĐH và cán bộ nhân viên OCB cùng với sự ủng hộ của cổ đông và hướng dẫn chỉ đạo của NHNN và các cơ quan hữu quan, OCB sẽ hoàn thành nhiệm vụ 2026.



CHƯƠNG

05

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các phiên họp của BKS	65
Giám sát tình hình hoạt động và tài chính năm 2025	66
Phương hướng hoạt động năm 2026	68

BÁO CÁO

CỦA BAN KIỂM SOÁT

» CÁC PHIÊN HỌP CỦA BKS

1 Cơ cấu tổ chức và nhân sự của BKS

BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030 gồm 5 thành viên chuyên trách, đáp ứng theo điều 51 Luật các TCTD 2024. BKS đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho từng thành viên BKS để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của BKS theo quy định Pháp luật và Điều lệ OCB.

Đơn vị trực thuộc, giúp việc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của BKS là Phòng Kiểm toán nội bộ (KTNB), đáp ứng Điều 51, Điều 58 Luật các TCTD 2024 và Thông tư 13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2 Tổng kết các phiên họp BKS

Trong năm 2025, BKS đã họp 6 phiên họp định kỳ vào ngày 13/01/2025, 12/03/2025, 22/04/2025, 13/05/2025, 15/07/2025, 13/10/2025 và 4 phiên họp thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (ban hành Quy định về hoạt động giám sát của Kiểm toán nội bộ, Quy chế Kiểm toán nội bộ, thông qua Kế hoạch kiểm toán 2026 và thông qua việc điều chỉnh thời gian kiểm toán theo Kế hoạch kiểm toán 2026).

Các phiên họp BKS do Trưởng BKS triệu tập, có sự tham gia đầy đủ của các thành viên BKS (100% tham dự họp và biểu quyết). Biên bản họp BKS được lập và lưu trữ đầy đủ theo quy định.

Ngoài ra BKS còn tham gia:

- Các phiên họp định kỳ của HĐQT để cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh và đưa ra các kiến nghị thông qua kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ để ngăn ngừa rủi ro và bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh.
- Các cuộc họp định kỳ của Ban điều hành, để trao đổi về các kiến nghị thông qua kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ cũng như thảo luận và đánh giá hoạt động của Kiểm toán nội bộ để phục vụ cho mục đích kiểm soát của BKS.
- Các cuộc họp định kỳ về công tác kiểm toán nội bộ.

3 Kết quả hoạt động của các thành viên BKS; Thủ lao, chi phí và các quyền lợi khác của BKS

Trong năm 2025 BKS đã tổ chức đầy đủ chức năng nhiệm vụ của BKS theo quy định Pháp luật, Điều lệ OCB và Quy chế BKS OCB. Các thành viên BKS đã hoàn thành nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Mức thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS trong phạm vi ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS đã được HĐQT năm 2025 thông qua.

4 Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông

Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông OCB được thực hiện theo nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, quy định của OCB và vì lợi ích chung của OCB.

BKS tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT, trong các phiên họp, BKS thông báo về hoạt động của BKS, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến của từng phiên họp. Tham dự các phiên họp của Ủy ban quản lý rủi ro, các Hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

BKS thường xuyên tham dự các cuộc họp của Ban Điều hành, yêu cầu Ban Điều hành cung cấp các thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu liên quan để BKS thực hiện nhiệm vụ.

HĐQT và Ban Điều hành triển khai chỉ đạo kịp thời các Bộ phận nghiệp vụ có liên quan thực hiện các kiến nghị của BKS và KTNB. BKS tiếp nhận và chỉ đạo Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán, kiểm tra các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và NHNN.

Từ kết quả giám sát và kiểm toán nội bộ, BKS đã đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành về việc tăng cường các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ OCB, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn, bền vững trong hoạt động OCB; Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, triển khai quyết liệt, hiệu quả các biện pháp xử lý nợ xấu nhằm gia tăng kết quả hoạt động kinh doanh; Tiếp tục điều hành cân đối vốn linh hoạt, hiệu quả, an toàn.

» GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH NĂM 2025

1 Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025

1.1 Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính ĐHĐCĐ năm 2025 giao cho

Về cơ bản HĐQT và Ban Điều hành đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ năm 2025 giao, cụ thể như sau:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh	Thực hiện 31/12/2025	Kế hoạch 2025 do ĐHĐCĐ giao	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Tổng tài sản	322.949	316.779	102%
2	Tổng dư nợ TT1	205.085	208.472	98%
3	Tổng huy động TT1	220.958	218.842	101%
4	Lợi nhuận trước thuế	5.022	5.338	94%
5	Tỷ lệ nợ xấu (theo SBV)	2,3%	<3%	Đạt

Các chỉ số về quản lý rủi ro cũng được quản trị và tuân thủ đầy đủ theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước.

1.2 Kết quả thực hiện các nghị quyết khác của ĐHĐCĐ 2025 giao cho

Ngoài việc thực hiện Nghị quyết về hoạt động kinh doanh, trong năm 2025 OCB đã hoàn thành tất cả các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025 đề ra như sau:

- Thực hiện trích lập các quỹ năm 2024.
- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 26.630.522.840.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Chọn Công ty TNHH KPMG thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025.
- Hoàn thành phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.
- Hoàn thành việc Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025 - 2030.
- Tuân thủ về tổng mức ngân sách hoạt động, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của HĐQT và BKS năm 2025.

2 Giám sát hoạt động quản trị và điều hành

Trong năm 2025, BKS đã thực hiện giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành về hoạt động quản trị điều hành thông qua kết quả hoạt động kiểm toán nội bộ với các nội dung sau:

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
 - Giám sát triển khai hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ.
 - Rà soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc xây dựng và ban hành quy chế, quy định nội bộ của HĐQT và TGD.
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 của OCB và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025.
- Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Giám sát việc quản lý các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ thị của NHNN liên quan đến nhiệm vụ BKS, kiểm toán nội bộ.
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác của BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ của OCB.

Qua công tác giám sát, BKS đánh giá hoạt động quản trị, điều hành đã được triển khai phù hợp theo quy định pháp luật và quy định của nội bộ OCB.

3 Hoạt động Kiểm toán nội bộ

Trong năm 2025, BKS đã giám sát, chỉ đạo Kiểm toán nội bộ triển khai các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Hoàn thành 100% chương trình kiểm toán theo đúng kế hoạch kiểm toán năm 2025 đã được BKS phê duyệt và báo cáo NHNN theo quy định.
- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 theo định hướng rủi ro và quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Hoàn thiện các quy định nội bộ trình BKS ban hành: Quy chế kiểm toán nội bộ, Quy định về hoạt động giám sát của kiểm toán nội bộ tại OCB.
- Tổ chức thực hiện công tác báo cáo định kỳ cho NHNN và BKS.
- Cải tiến công tác kiểm toán nội bộ thông qua xây dựng tài liệu/giấy tờ làm việc/hướng dẫn kiểm toán/phân tích data dữ liệu theo các rủi ro trọng yếu phục vụ cho công tác cảnh báo sớm, khoanh vùng rủi ro.
- Bám sát, thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, khuyến nghị, cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước và của Ban Kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giám sát, kiểm toán nội bộ.
- Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ.
- Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

Qua kết quả kiểm toán, các vấn đề phát hiện và khuyến nghị trọng yếu đã được Phòng KTNB trao đổi với cấp có thẩm quyền để đưa ra các chỉ đạo kịp thời các đơn vị/bộ phận liên quan triển khai thực hiện.

4 Kết quả thẩm định báo cáo tài chính

Trên cơ sở Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG và đã được công bố trên website của OCB theo quy định hiện hành, BKS thống nhất với các ý kiến, nhận xét tại Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH KPMG như sau: Báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của OCB tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5 Kết quả giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác trong năm 2025 thuộc thẩm quyền HĐQT, HĐQT

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS quy định tại khoản 5 Điều 52 Luật các TCTD năm 2024, BKS tổ chức giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.

- Thuộc thẩm quyền HĐQT: Không phát sinh
- Thuộc thẩm quyền HĐQT: Trong năm 2025, HĐQT OCB đã thông qua 17 nghị quyết/quyết định liên quan đến các dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT.

Các nghị quyết/quyết định trong phạm vi giám sát được HĐQT thông qua theo đúng thẩm quyền và được bộ phận nghiệp vụ có liên quan tuân thủ triển khai thực hiện.

» PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2026

Về phương hướng hoạt động năm 2026, BKS tiếp tục duy trì và phát huy các kết quả hoạt động đã đạt nêu trên, trong đó BKS xác định các hoạt động trọng tâm như sau:

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của OCB thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Giám sát việc chấp hành các quy định của Luật các TCTD 2024 về các giới hạn, hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng.
- Theo dõi, cập nhật danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, TGD và cổ đông lớn theo quy định.
- rà soát, cập nhật, bổ sung quy định nội bộ của BKS, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- Chỉ đạo kiểm toán nội bộ xây dựng và hoàn thiện các quy trình kiểm toán nội bộ, cải tiến quy trình giám sát từ xa để nâng cao hiệu quả kiểm toán, giảm bớt thời gian thực địa cũng như chi phí công tác; ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm toán nội bộ để nâng cao năng suất lao động, hoàn thiện phần mềm kiểm toán nội bộ và đưa vào sử dụng.
- Nâng cao chất lượng kiểm toán viên thông qua hoạt động đào tạo chương trình kiểm toán viên theo chuẩn quốc tế cũng như tăng điều kiện xét tuyển các kiểm toán viên mới.
- Thực hiện và chỉ đạo thực hiện các yêu cầu của NHNN và các cơ quan chức năng theo quy định pháp luật.
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác của BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ OCB.

A person in a dark suit and white shirt is holding a tablet. The image is overlaid with various financial data visualizations. A large green bar chart is in the background. A line graph with a sharp upward arrow is on the left. A network diagram with nodes and lines is on the right. A bright light flare is on the left side of the tablet. Financial numbers are displayed in the center-left area.

210.95

149.16

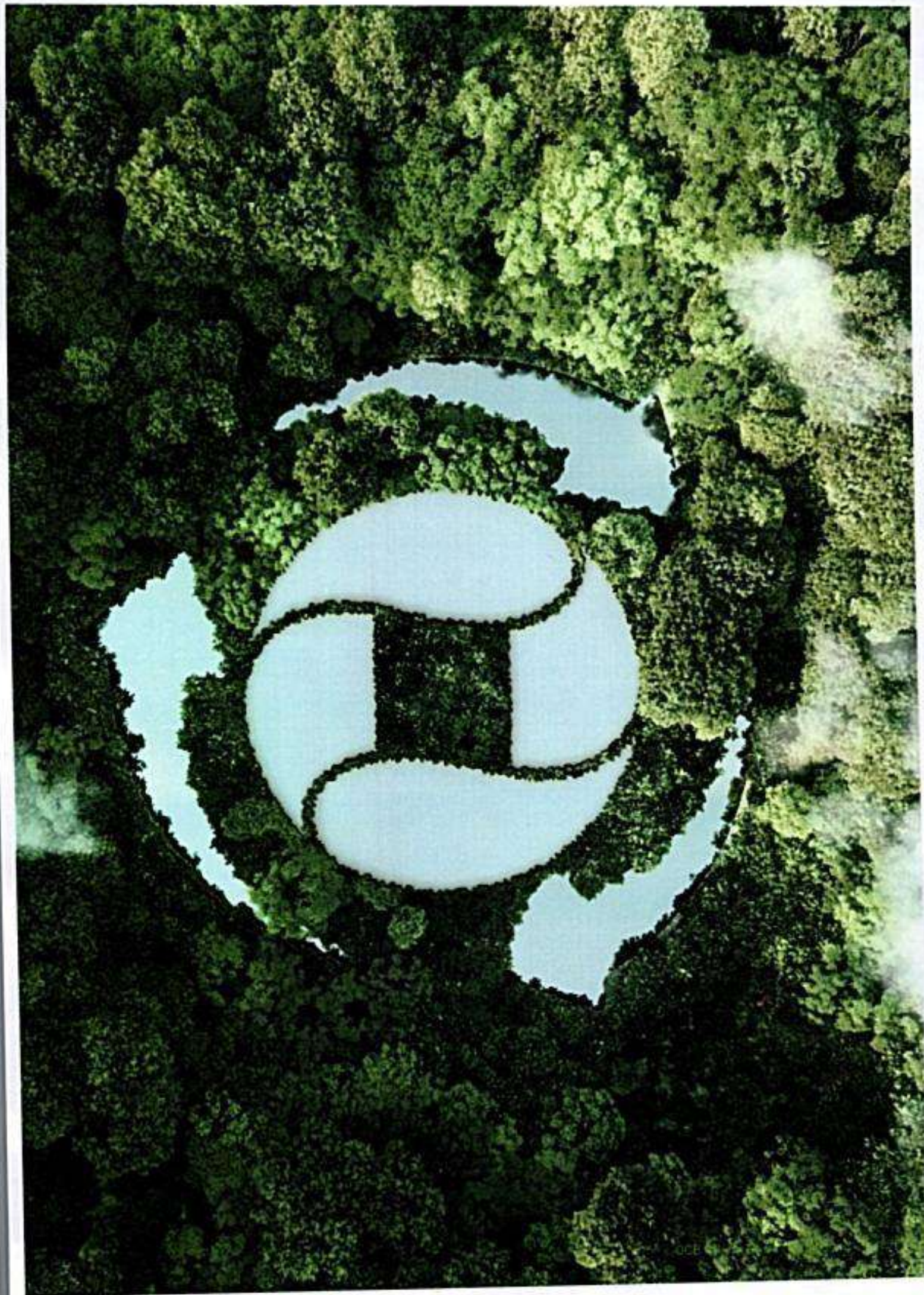
23.26

1.41%

CHƯƠNG

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Thông điệp

CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI OCB

Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể CBNV OCB,

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh thế giới tiếp tục trải qua nhiều biến động sâu sắc. Căng thẳng địa chính trị kéo dài, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, áp lực lạm phát cùng những rủi ro ngày càng rõ nét từ biến đổi khí hậu đã tái định hình môi trường kinh doanh toàn cầu. Trong bức tranh nhiều thách thức đó, Việt Nam đã chứng minh năng lực chống chịu và bản lĩnh tăng trưởng đáng ghi nhận. GDP năm 2025 tăng 8.02%, mức cao thứ hai trong 15 năm và là mức tăng trưởng nhanh nhất tại Đông Nam Á. Đây không chỉ là con số ấn tượng, mà còn là minh chứng rõ ràng cho sức bật của nền kinh tế, cho hiệu quả điều hành vĩ mô và cho niềm tin cộng đồng doanh nghiệp.

Song hành cùng khu vực doanh nghiệp, hệ thống ngân hàng tiếp tục đóng vai trò là kênh dẫn vốn chủ lực của nền kinh tế. Với định hướng tin dụng tập trung vào sản xuất - kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên, dòng vốn đã được phân bổ hiệu quả hơn, hỗ trợ doanh nghiệp chủ động tái cấu trúc, chuyển đổi mô hình, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực tăng trưởng bền vững.

Hòa nhịp cùng tiến trình chuyển mình của đất nước, càng nhận thức rõ trách nhiệm của mình không chỉ là một ngân hàng hoạt động trên phạm vi toàn quốc, mà còn là một định chế tài chính có vai trò dẫn dắt và lan tỏa các chuẩn mực phát triển bền vững trong nền kinh tế. Chúng tôi tin rằng tăng trưởng chỉ thực sự có ý nghĩa khi đi cùng quản trị minh bạch, kiểm soát rủi ro chặt chẽ và cam kết tạo ra giá trị dài hạn cho cộng đồng.

Với tinh thần đó, trong năm 2025, OCB tiếp tục kiên định triển khai Chiến lược Phát triển bền vững dựa trên bốn trụ cột cốt lõi: Quản trị - Kinh tế - Môi trường - Xã hội, tích hợp các nguyên tắc ESG vào chiến lược kinh doanh, quản lý rủi ro và vận hành toàn hệ thống. Định hướng này cho phép OCB vượt lên trên mục tiêu tăng trưởng đơn thuần, trở thành tác nhân thúc đẩy chuyển dịch cấu trúc kinh tế theo hướng bền vững, nâng cao năng lực chống chịu và tạo ra giá trị lâu dài cho xã hội.

Với sự định hướng nhất quán từ Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành cùng tinh thần kỷ luật và quyết tâm cao của toàn thể cán bộ nhân viên, OCB tái lập đã tăng trưởng một cách vững chắc trong năm 2025, ghi nhận những kết quả nổi bật cả về quy mô, hiệu quả và chất lượng hoạt động:

Tổng tài sản đạt

322.949 tỷ đồng

▲ 17% so với năm 2024

tiếp tục củng cố nền tảng tài chính của Ngân hàng

Lợi nhuận trước thuế

5.022 tỷ đồng

▲ 25% so với năm 2024

phản ánh sự cải thiện rõ nét về hiệu quả kinh doanh

Quy mô dư nợ tín dụng xanh vượt

21.000 tỷ đồng

▲ 10,5% so với năm 2024

khẳng định định hướng chuyển dịch danh mục theo hướng bền vững

Không phát sinh

vụ việc liên quan tham nhũng, bảo mật thông tin khách hàng, tai nạn lao động, vi phạm luật môi trường, thể hiện cam kết mạnh mẽ về quản trị và tuân thủ.

Tỷ lệ sở hữu vốn (CAR)

duy trì ở mức vững chắc theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo năng lực chống chịu và an toàn hệ thống

Những kết quả trên không chỉ cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ về tăng trưởng, mà còn phản ánh chất lượng quản trị ngày càng được nâng cao và nền tảng vận hành ngày càng chuẩn mực, minh bạch.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, OCB cam kết tiếp tục tăng tốc trên hành trình phát triển bền vững: mở rộng tín dụng xanh và tài chính bền vững, chú trọng nâng cao chuẩn mực quản trị và năng lực quản lý rủi ro, cải thiện chất lượng tài sản, đẩy mạnh chuyển đổi số, tự động hóa, tối ưu vận hành theo hướng minh bạch - hiệu quả - dài hạn. Chúng tôi sẽ tiếp tục đồng hành cùng khách hàng, doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi, đổi mới và kiến tạo giá trị bền vững, thịnh vượng.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý Đối tác đã tin tưởng và đồng hành cùng OCB trong suốt thời gian qua. Đồng thời, tôi đặc biệt ghi nhận và tri ân toàn thể cán bộ nhân viên - những người đã nỗ lực không ngừng, tận tâm và bản lĩnh vượt qua thách thức để đóng góp vào những kết quả hôm nay. Sự tin nhiệm của Quý vị và sự cống hiến của đội ngũ chính là nền tảng vững chắc để OCB tiếp tục vươn xa, nâng cao vị thế và tạo dựng giá trị bền vững dài hạn cho cổ đông, cộng đồng và toàn xã hội.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM HỒNG HẢI



>> CƠ CẤU QUẢN TRỊ THÙC ĐẨY TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1 Chiến lược phát triển bền vững

Với tầm nhìn trở thành Ngân hàng Xanh tiên phong tại Việt Nam, OCB xác định phát triển bền vững (PTBV) không phải là một chương trình riêng lẻ mà là một định hướng chiến lược tích hợp xuyên suốt vào chiến lược phát triển chung của toàn hệ thống. Cách tiếp cận này đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng dài hạn của Ngân hàng và cam kết đóng góp vào các mục tiêu PTBV của quốc gia. Chúng tôi nhận rằng giá trị kinh tế chỉ thực sự bền vững khi được xây dựng trên nền tảng quản trị minh bạch, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Vì vậy, bên cạnh việc gia tăng hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh, OCB chú trọng triển khai các hành động về Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG), hướng đến gìn giữ tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến. Những định hướng này được cụ thể hóa thành các mục tiêu và lộ trình theo từng giai đoạn, đảm bảo mỗi bước phát triển của OCB đều gắn liền với tiến trình chuyển đổi xanh và PTBV của nền kinh tế.



OCB cam kết kiên định theo đuổi hành trình PTBV một cách nhất quán và dài hạn, tích hợp các nguyên tắc về PTBV vào các hoạt động kinh doanh, vận hành và quản trị theo bốn định hướng trọng tâm:

- Quản trị theo thông lệ và các chuẩn mực tốt nhất: Điều hành các hoạt động ngân hàng trên nguyên tắc minh bạch, đề cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức trong công việc.
- Tăng trưởng ổn định và bền vững thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả: Đóng góp giá trị kinh tế cho quốc gia, tổ chức, cổ đông và khách hàng.
- Tác động tích cực đến môi trường thông qua các hành động bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu BĐKH và xanh hóa nền kinh tế.
- Góp phần kiến tạo nên xã hội hiện đại, văn minh thông qua các sản phẩm, dịch vụ có giá trị thiết thực và trải nghiệm cao cho khách hàng cũng như các hoạt động đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.





MỤC TIÊU

2025

KIỆN TOÀN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ PTBV

Theo đuổi hành trình phát triển doanh nghiệp bền vững

- Kiến toàn mô hình quản trị theo các tiêu chuẩn và thông lệ trong nước và quốc tế về phát triển bền vững

2050 NET ZERO

Đồng hành Chính phủ và Cơ quan Quản lý cho mục tiêu Net Zero năm 2050

- Nội bộ OCB:** Thực hiện mục tiêu giảm tiêu thụ tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, khí thải tác động lên môi trường.
- Đối tác và khách hàng:** Xây dựng sản phẩm dịch vụ và khung chính sách định hướng góp phần thực hiện việc giảm BDKH và khuyến khích năng lượng tái tạo.
- Xã hội:** Tích cực tham gia và triển khai các chương trình cải thiện môi trường, xã hội và tạo mảng xanh mới.

2027

TIỀN PHONG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Top 5 Ngân hàng TMCP về PTBV

- Định hướng hoạt động theo nguyên tắc ngân hàng có trách nhiệm của Sáng kiến tài chính Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc (UNEP FI)
- Trở thành ngân hàng thuộc top đầu trong những khảo sát đánh giá về sức khỏe tổ chức, môi trường làm việc, trưởng thành số, trải nghiệm khách hàng, trách nhiệm MT&XH.

Cam kết thúc đẩy toàn diện mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc

OCB tin rằng những giá trị PTBV mà Ngân hàng theo đuổi không chỉ là định hướng nội tại của một tổ chức hay trong ranh giới quốc gia, mà là một phần của nỗ lực chung toàn cầu nhằm kiến tạo một tương lai ổn định, bao trùm và thịnh vượng hơn. Từ niềm tin đó, OCB đã chủ động lồng ghép các nguyên tắc của 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững Liên Hợp Quốc (UN SDGs) vào định hướng, chiến lược và hệ thống mục tiêu phát triển dài hạn của Ngân hàng. Đây không chỉ là lời cam kết, mà là sự quyết tâm, định hướng hành động xuyên suốt, được cụ thể hóa bằng các chương trình, chính sách và hành động cụ thể trong toàn hệ thống. Thông qua đó, OCB vừa củng cố nền tảng PTBV của chính mình, vừa đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh, bao trùm và có khả năng chống chịu cao hơn trước các thách thức toàn cầu.



2) Mô hình quản trị về phát triển bền vững

Xác định quản trị là nền tảng cốt lõi định hướng toàn bộ hành trình chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, trong năm 2025, OCB tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị PTBV theo hướng bài bản, chuyên sâu và tiệm cận thông lệ quốc tế. Hệ thống quản trị được thiết kế theo cấu trúc ba tầng rõ ràng, đảm bảo sự xuyên suốt từ định hướng chiến lược đến triển khai thực thi.

- **Ở cấp cao nhất**, Hội đồng quản trị thực hiện vai trò giám sát và định hướng thông qua Ban PTBV trực thuộc Hội đồng quản trị. Ban có chức năng tham mưu chiến lược và giám sát cấp cao các vấn đề liên quan đến PTBV, đảm bảo các yếu tố ESG được tích hợp nhất quán vào định hướng dài hạn, quản trị rủi ro và hoạt động kinh doanh cốt lõi.
- **Ở cấp điều hành**, Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách và chịu trách nhiệm toàn diện đối với các vấn đề liên quan đến PTBV. Cơ chế này thể hiện cam kết ở cấp cao nhất của Ban Điều hành, đồng thời bảo đảm các nguyên tắc ESG được lồng ghép chặt chẽ vào chiến lược kinh doanh, quản trị rủi ro và vận hành toàn hệ thống.
- **Ở cấp triển khai**, OCB tiếp tục kiện toàn bộ máy chuyên trách về PTBV nhằm nâng cao năng lực xây dựng chính sách, quản lý tín dụng xanh và triển khai các sáng kiến tái chính bền vững. Cấu trúc này giúp bảo đảm các mục tiêu PTBV không chỉ dừng lại ở định hướng, mà được cụ thể hóa bằng chương trình hành động và kết quả thực chất.

Mô hình quản trị ba tầng này khẳng định sự trưởng thành của OCB trong việc đưa PTBV trở thành một cấu phần cốt lõi trong hệ thống quản trị Ngân hàng, gắn liền với chiến lược tăng trưởng dài hạn và năng lực cạnh tranh bền vững.



» TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1 Giới thiệu chung về Báo cáo Phát triển bền vững

OCB luôn xác định PTBV là định hướng chiến lược xuyên suốt trong mô hình hoạt động, đóng vai trò kim chỉ nam trong quản trị rủi ro, ra quyết định kinh doanh và tạo lập giá trị dài hạn cho cổ đông, khách hàng, cộng đồng. Năm 2025 tiếp tục đặt ra nhiều thách thức đối với nền kinh tế và ngành ngân hàng trong bối cảnh tăng trưởng phục hồi chậm, thị trường tài chính còn nhiều biến động, bên cạnh đó yêu cầu về minh bạch, quản trị rủi ro ngày càng cao. Trước những biến động đó, OCB kiên định với Chiến lược PTBV đã đề ra, coi đây là định hướng nhất quán trong mọi quyết định kinh doanh và phân bổ nguồn lực.

Ngân hàng tiếp tục kiện toàn mô hình quản trị theo các tiêu chuẩn và thông lệ trong nước và quốc tế, từng bước tích hợp các yếu tố ESG vào hoạt động cấp tín dụng, quản trị rủi ro, vận hành nội bộ và văn hóa doanh nghiệp, bảo đảm các quyết định kinh doanh được thực hiện một cách có trách nhiệm, minh bạch và bền vững. Chúng tôi tin rằng nỗ lực kiên định thực hành PTBV trong năm 2025 không chỉ củng cố nền tảng tăng trưởng dài hạn của OCB mà còn tạo ra giá trị dài lâu cho nền kinh tế, cộng đồng và các thế hệ tương lai. Đích đến của hành trình này là đem lại giá trị bền vững và lâu dài về tài chính, nâng cao trải nghiệm khách hàng, gia tăng lợi ích cho cổ đông, góp phần kiến tạo một xã hội tốt đẹp hơn. Đây sẽ là nguồn cảm hứng để Ban lãnh đạo và toàn thể CBNV tiếp tục đổi mới, sáng tạo, hiện thực hóa tầm nhìn **Ngân hàng XANH hiện đại, nhân văn - OCB GREENBANK**.

Báo cáo này ghi nhận những bước tiến quan trọng trong hành trình triển khai Chiến lược PTBV của OCB trong năm 2025, cũng như một số định hướng tham vọng của Ngân hàng trong thời gian tới.

1.1 Phạm vi và chu kỳ báo cáo

- Chu kỳ báo cáo: Thường niên
- Kỳ báo cáo: Báo cáo PTBV năm 2025 được lập theo niên độ kế toán, bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.
- Phạm vi và dữ liệu báo cáo: Thông tin công bố trong báo cáo được tổng hợp từ số liệu thực tế của Ngân hàng, bao gồm Trụ sở chính, Chi nhánh, phòng giao dịch của OCB. Các nội dung có phạm vi khác biệt (nếu có) được nêu rõ tại từng mục liên quan.

1.2 Cơ sở lập báo cáo

- Nội dung của báo cáo được lập dựa trên cơ sở đáp ứng và tuân thủ quy định về công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, đồng thời tham chiếu đến Tiêu chuẩn Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI - Global Reporting Initiative). Nội dung gồm 4 cấu phần chính: Thông tin chung, các tiêu chuẩn về kinh tế (GRI 200), các tiêu chuẩn về môi trường (GRI 300) và các tiêu chuẩn về xã hội (GRI 400).



Dấu ấn Phát triển bền vững nổi bật

GIẢI THƯỞNG



**NGÂN HÀNG TƯ NHÂN XANH VÀ
BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM**
Do The Asian Banker công bố



**TOP 50 DOANH NGHIỆP
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2025**
Do Tạp chí Nhip cầu đầu tư bình chọn



**NGÂN HÀNG BỀN VỮNG
XUẤT SẮC 2025**
Do Finance Asia công bố



**TOP 10 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG
VIỆT NAM 2025 (CSI 2025)**
Do VCCI bình chọn



**NGÂN HÀNG SỐ TĂNG TRƯỞNG
NHANH NHẤT VIỆT NAM 2025**
Do Global Banking and Finance Review công bố



**TOP 500 DOANH NGHIỆP
LỚN NHẤT ĐÔNG NAM Á 2025**
Do Fortune công bố



**TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH
HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM 2025**
Do Tạp chí Nhip cầu đầu tư bình chọn



**GIẢI TIẾN BỘ VƯỢT TRỘI
TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TY**
Do VLCA bình chọn



**NGÂN HÀNG CÓ SẢN PHẨM DỊCH VỤ
SÁNG TẠO TIÊU BIỂU 2025**
Do VQBA bình chọn

Trên
3.300 tỷ
đồng

dư nợ cho doanh nghiệp
nhỏ và vừa có nữ là chủ
(WSMEs)

Trên
13.500 tỷ
đồng

dư nợ cho vay cho doanh
nghiệp nhỏ và vừa (SMEs)^(*)

Tăng gần **25%**

quy mô dư nợ hỗ trợ công ty
khởi nghiệp (Start-ups) so với
năm 2024

Tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh
đạt

10,7%

Ra mắt

Green x Pink Deposit

Bộ đôi sản phẩm tiền gửi chuyên biệt, đồng hành cùng
doanh nghiệp PTBV

Triển khai chương trình ưu đãi

**Hỗ trợ phát triển thị trường
xây dựng xanh (MAGC)**

^(*) Bao gồm khách hàng SME và MSME theo định nghĩa của DGB



Dấu ấn Phát triển bền vững nổi bật

MÔI TRƯỜNG

Chính thức trở thành thành viên

**Liên minh ngân hàng
thương mại Xanh**

Giảm hơn

250 tấn
CO₂ eq

lượng phát thải khí nhà kính
(KNK) phạm vi 1 so với năm 2024

Gần

10.000 người
tham gia

chiến dịch Pin Hunter

Gần

5.000 kg
pin cũ

được thu gom và chuyển
giao xử lý

Giảm hơn

20%

năng lượng tiêu thụ từ xăng
đầu so với năm 2024

100%

hoạt động mua sắm cung ứng đã áp
dụng yêu cầu đánh giá tiêu chí
MT&XH đối với các nhà cung cấp
thuộc phạm vi điều chỉnh



XÃ HỘI

Chỉ số hài lòng chung của khách hàng về CBNV OCB (CSAT)

99,41%

Tỷ lệ CBNV nữ trên tổng số CBNV

56%

Thời gian đào tạo cho toàn bộ CBNV

264.607 giờ

Thời gian đào tạo cho mỗi CBNV

37,5 giờ

08 khóa đào tạo

về phát triển bền vững thu hút gần

3.800 lượt CBNV

tham gia đào tạo

Hơn **50** tỷ đồng

tài trợ cho các hoạt động thiện nguyện, xã hội, các chương trình liên quan đến cộng đồng trong giai đoạn 2022-2025

Không phát sinh

ví phạm tham nhũng, bảo mật thông tin khách hàng, tai nạn lao động nghiêm trọng, vi phạm môi trường

2 Tiêu chuẩn Kinh tế GRI 200

2.1 Tài chính toàn diện

2.1.1 Mở rộng tiếp cận tài chính cho các lĩnh vực thiết yếu

Trong những năm qua, OCB nhất quán xác định phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ thiết yếu phục vụ cộng đồng là một trọng tâm trong định hướng phân bổ nguồn vốn. Với tầm nhìn dài hạn, OCB chủ động thiết kế và điều chỉnh các chính sách tài chính theo hướng linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng lĩnh vực, qua đó thúc đẩy dòng vốn vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo, hạ tầng xã hội cũng như các dịch vụ tiện ích thiết yếu cho cộng đồng. Thông qua đó, OCB không chỉ góp phần nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ thiết yếu cho người dân, mà còn đồng hành cùng quá trình phát triển hạ tầng xã hội theo hướng bền vững và bao trùm hơn.

Bước sang năm 2025, OCB tiếp tục kiên định bám sát Chiến lược PTBV, đồng thời định hướng tiếp tục đảm bảo bố trí nguồn lực và hoàn thiện các chính sách tài chính theo hướng hỗ trợ có trọng tâm đối với các lĩnh vực hạ tầng dịch vụ thiết yếu như y tế, giáo dục, nước sạch, năng lượng, logistics, nhà ở và các tiện ích dân sinh, nhằm nâng cao chất lượng sống, thúc đẩy đời sống ổn định, tiện nghi cho cộng đồng.

2.1.2 Thúc đẩy tiến bộ kinh tế - xã hội và trao quyền cho các nhóm đối tượng ưu tiên

Trong chiến lược phát triển của Ngân hàng, OCB thực hiện phân bổ nguồn vốn theo hướng đa dạng hóa, cân bằng và tối ưu hóa hiệu quả danh mục giữa các phân khúc trọng yếu. Hiện nay, OCB triển khai hoạt động kinh doanh trên đầy đủ các phân khúc khách hàng, bao gồm Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn & Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (CIB), Khối Khách hàng Doanh nghiệp (CMB) và Khối Bán lẻ (RB). Cấu trúc danh mục toàn diện này cho phép Ngân hàng chủ động quản trị rủi ro, tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, duy trì nền tảng tăng trưởng ổn định trong dài hạn. Việc hiện diện ở cả ba trụ cột phân khúc tạo điều kiện để OCB phát triển hệ sinh thái khách hàng toàn diện, xuyên suốt chuỗi giá trị kinh tế từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ, doanh nghiệp vừa, đến các tập đoàn lớn. Cách tiếp cận này không chỉ tăng cường khả năng liên kết chuỗi cung ứng và dòng vốn trong nền kinh tế mà còn tạo điều kiện phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn giữa các khu vực có mức độ rủi ro và nhu cầu vốn khác nhau.

Trên cơ sở đó, OCB triển khai các chương trình tài trợ và giải pháp tài chính theo định hướng phân khúc rõ ràng, gắn với mục tiêu tối ưu phân bổ nguồn lực và tạo tác động PTBV. Thông qua chiến lược phân bổ vốn có trọng tâm, Ngân hàng mở rộng khả năng tiếp cận tài chính cho các nhóm khách hàng trọng yếu và ưu tiên, góp phần thúc đẩy bao trùm tài chính, nâng cao cơ hội phát triển bình đẳng và củng cố sức chống chịu của nền kinh tế trong dài hạn. Với định hướng phân bổ nguồn vốn theo hướng bao trùm và PTBV, trong năm 2025, OCB ghi nhận những bước tiến đáng kể tại một số nhóm khách hàng còn khoảng cách tiếp cận tài chính sau:

SMEs

OCB xác định SMEs - khu vực tạo nhiều việc làm và giá trị gia tăng cho nền kinh tế - là một trong những trụ cột chiến lược trong cấu trúc danh mục khách hàng, ưu tiên đồng hành lâu dài, không chỉ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh mà còn góp phần nâng cao tinh bao trùm tài chính và sức chống chịu của nền kinh tế trong dài hạn. Trong năm 2025, SMEs tiếp tục là phân khúc được Ngân hàng ưu tiên phân bổ nguồn lực và thiết kế các giải pháp tài chính phù hợp nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Ngân hàng chủ động triển khai nhiều giải pháp tài chính nhằm giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động, mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao năng lực PTBV như bán hành sản phẩm bổ sung vốn kinh doanh dưới 10 tỷ đồng, ưu đãi lãi suất chỉ từ 2%/năm cho doanh nghiệp có nguồn tiền gửi USD vay VND.



VỐN ĐẾN NHANH LỢI NHUẬN XANH

Bổ sung vốn kinh doanh dành cho SME

- 1 Hạn mức đến 10 tỷ đồng
- 2 Giảm đến 0,5% lãi suất vay
- 3 Hồ sơ đơn giản, xử lý trong 8h

Song song với việc đa dạng hóa sản phẩm, OCB cũng cải tiến mạnh mẽ về quy trình và chính sách nhằm gia tăng khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp. Thủ tục vay vốn được đơn giản hóa, hồ sơ yêu cầu tinh gọn hơn so với khoản vay thông thường; việc thẩm định tín dụng được thực hiện dựa trên đánh giá thực tế hoạt động kinh doanh. Thông qua các giải pháp này, OCB không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua thách thức ngắn hạn, mà còn đồng hành trong quá trình củng cố năng lực tài chính và PTBV trong dài hạn.

Theo đó, dư nợ phân khúc khách hàng SMEs đạt hơn 13.500 tỷ đồng. Điều này cho thấy những nỗ lực của OCB trong việc tích cực hỗ trợ SMEs trong bối cảnh thị trường trong nước và quốc tế có nhiều biến động, thách thức bằng những định hướng sản phẩm và giải pháp kinh doanh hiệu quả.





TIẾP VỐN DOANH NGHIỆP

START-UP

KHÔNG TÀI SẢN BẢO ĐẢM

 Thời gian hoạt động tối thiểu 1 năm

 Hạn mức đến 3 tỷ đồng

 Thời hạn vay tối đa 12 tháng

Nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hình thành thể hệ doanh nghiệp tăng trưởng mới, OCB chủ động thiết kế các giải pháp tài chính phù hợp với đặc thù của mô hình kinh doanh khởi nghiệp, trong đó trọng tâm là phương thức thẩm định dựa trên dòng tiền, năng lực thực thi và tiềm năng phát triển thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào tài sản bảo đảm.

Chính thức triển khai từ tháng 10 năm 2024, sản phẩm cho vay không tài sản bảo đảm dành riêng cho các Start-ups của OCB đã góp phần tháo gỡ rào cản lớn nhất của doanh nghiệp giai đoạn đầu - tiếp cận nguồn vốn trong nước với chi phí hợp lý và điều kiện linh hoạt. So với hình thức huy động vốn từ các quỹ đầu tư với chi phí vốn cao và áp lực pha loãng cổ phần, giải pháp tài chính từ OCB mang lại lựa chọn bền vững và chủ động hơn cho doanh nghiệp.

Khởi đầu với gói vay tài trợ vốn lưu động không tài sản bảo đảm hạn mức lên đến 3 tỷ đồng trong thời gian vay tối đa 12 tháng, OCB đã hỗ trợ các Start-ups đáp ứng nhu cầu vận hành và mở rộng kinh doanh. Trên cơ sở đồng hành và thấu hiểu nhu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp, OCB không chỉ giới hạn về hạn mức vốn lưu động, mà còn mở rộng danh mục sản phẩm hỗ trợ thêm bao gồm cho vay đầu tư tài sản cố định, tài trợ thương mại, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh...

Hưởng ứng tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW năm 2025 về phát triển kinh tế tư nhân do Ban Chấp hành Trung ương ban hành, OCB là Ngân hàng tiên phong tại Việt Nam xây dựng hệ sinh thái sản phẩm tài chính chuyên biệt để hỗ trợ cho các công ty khởi nghiệp. OCB đã hợp tác cùng nhiều quỹ đầu tư và tổ chức uy tín như Genesis Ventures, Do Ventures, Innoven Capital, Genesis, Vertex, VCPA, BSSC - Trung tâm hỗ trợ Thanh niên Khởi nghiệp và Endeavour... nhằm mở rộng mạng lưới hỗ trợ và gia tăng giá trị cho doanh nghiệp.

Trong năm 2025, OCB đã giải ngân gần 900 tỷ VNĐ cho các Start-ups, ghi nhận mức tăng trưởng dư nợ gần 25% so với năm trước. Dự kiến trong năm 2026, Ngân hàng sẽ tiếp tục mở rộng hỗ trợ tới nhiều Start-ups khác đang hoạt động tại Việt Nam, góp phần củng cố hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia.

Thấu hiểu những thách thức đặc thù của doanh nghiệp Start-ups, song song với mở rộng quy mô, OCB đã liên tục cải tiến quy trình và tối ưu hóa hồ sơ, giảm thiểu thủ tục nhưng vẫn đảm bảo quản trị rủi ro hiệu quả. Đầu năm 2026, Ngân hàng tiếp tục ra mắt sản phẩm cho vay không tài sản đảm bảo dành riêng cho các doanh nghiệp SMEs có thời gian hoạt động từ 3 năm trở lên, tạo bước chuyển tiếp quan trọng từ giai đoạn khởi nghiệp sang tăng trưởng bền vững.





WSMEs

Tăng cường khả năng tiếp cận vốn và thiết kế các cơ chế ưu đãi phù hợp cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (WSMEs) là một trong những định hướng nhất quán của OCB nhằm thúc đẩy bình đẳng cơ hội kinh doanh và nâng cao vị thế kinh tế của phụ nữ.

Thực tế cho thấy số lượng WSMEs tại Việt Nam thời gian qua ghi nhận xu hướng tăng trưởng ổn định. Đây là tín hiệu tích cực, phản ánh hiệu quả của các chính sách khuyến khích bình đẳng giới, nâng cao vị thế phụ nữ và thúc đẩy sự tham gia của họ vào hoạt động kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp nữ chủ đã khẳng định năng lực điều hành linh hoạt, phát huy sức sáng tạo và đóng góp những giá trị bền vững cho nền kinh tế.



Tuy nhiên, hành trình phát triển của WSMEs vẫn còn không ít thách thức, khó khăn trong tiếp cận vốn, hạn chế về năng lực quản trị, công nghệ và áp lực cân bằng giữa công việc - gia đình khiến nhiều doanh nghiệp chưa thể khai thác hết tiềm năng của mình. Nhận thức sâu sắc vai trò của phụ nữ trong sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập quốc tế, OCB luôn duy trì sự quan tâm đặc biệt cho nhóm khách hàng doanh nghiệp nữ chủ. Cụ thể trong nhiều năm qua, OCB duy trì ổn định lượng khách hàng WSMEs. Tính đến 31/12/2025 dư nợ cho nhóm khách hàng này đạt trên 3.300 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng dư nợ SMEs (gần 25%), phản ánh sự hiện diện ổn định của phân khúc này trong cơ cấu danh mục tín dụng của Ngân hàng. Việc duy trì phân bổ nguồn vốn hợp lý cho nhóm doanh nghiệp này không chỉ góp phần mở rộng bao trùm tài chính, mà còn củng cố nền tảng tăng trưởng dài hạn của khu vực kinh tế tư nhân.

2 Tiêu chuẩn Kinh tế GRI 200

2.1 Tài chính bền vững

2.2.1 Định hướng chiến lược và mục tiêu chuyển dịch danh mục

Kiên định với chiến lược PTBV, OCB xác định tài chính bền vững là một trong những định hướng chiến lược xuyên suốt, nhằm hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh doanh với trách nhiệm môi trường và xã hội (MT&XH). Trên nền tảng đó, trong những năm qua, OCB từng bước mở rộng danh mục tín dụng xanh, ưu tiên tài trợ cho các doanh nghiệp theo đuổi mô hình kinh doanh bền vững, có mục tiêu giảm phát thải rõ ràng và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Đồng thời, Ngân hàng cũng phát triển các giải pháp tài chính dành cho khách hàng cá nhân phục vụ nhu cầu nhà ở xanh, đầu tư thân thiện môi trường và phát triển kinh tế nông thôn, qua đó thúc đẩy chuyển dịch xanh trên diện rộng. Định hướng chiến lược này không chỉ nhằm giảm thiểu rủi ro chuyển đổi và rủi ro khí hậu trong dài hạn, mà còn mở ra cơ hội tăng trưởng mới thông qua việc đồng hành cùng khách hàng trong lộ trình chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng bền vững.

Tính đến cuối năm 2025, dư nợ tín dụng xanh của OCB đạt trên 21.000 tỷ đồng, tăng hơn 10% so với năm 2024 và chiếm 10,7% tổng dư nợ. Danh mục tín dụng xanh của OCB tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu bao gồm năng lượng tái tạo, công trình xanh, quản lý nước và nước thải bền vững, nông nghiệp bền vững và vận tải sạch. Nhìn chung, kết quả năm 2025 cho thấy OCB đang duy trì đa dạng tăng trưởng tín dụng xanh tích cực về quy mô và tỷ trọng, đồng thời đa dạng hóa lĩnh vực tài trợ. Kết quả này khẳng định vai trò của tài chính xanh như một động lực tăng trưởng chiến lược, góp phần nâng cao năng lực chống chịu của nền kinh tế và đồng hành cùng khách hàng trong lộ trình chuyển đổi xanh toàn diện.

Quy mô dư nợ tín dụng xanh

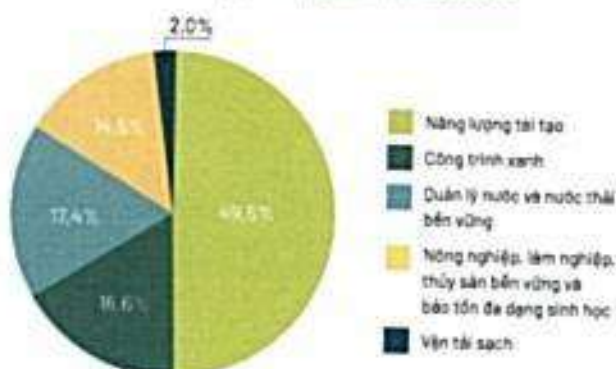
21.000 tỷ đồng

▲ 10% so với năm 2024

Tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh

10,7%

Cơ cấu dư nợ tín dụng xanh năm 2025



2.2.2 Hoàn thiện mô hình quản trị và tích hợp ESG vào hoạt động tín dụng

Song song với việc mở rộng quy mô tín dụng xanh, OCB tập trung củng cố nền tảng quản trị rủi ro MT&XH trong hoạt động cấp tín dụng theo hướng toàn diện và tiệm cận thông lệ quốc tế. Các yếu tố ESG được tích hợp xuyên suốt toàn bộ vòng đời khoản cấp tín dụng, từ khâu sàng lọc, phân loại rủi ro, thẩm định, phê duyệt đến quản lý và giám sát sau giải ngân.

Trong quá trình thẩm định, Ngân hàng thực hiện đánh giá song song hiệu quả tài chính và tác động MT&XH của dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng, xem xét mức độ sẵn sàng chuyển đổi và năng lực quản trị ESG của khách hàng. Trên cơ sở đó, các điều kiện tín dụng được hệ thống hóa và gắn với tiêu chí MT&XH phù hợp, tạo động lực để doanh nghiệp cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm phát thải và nâng cao chuẩn mực quản trị.

Năm 2025, OCB triển khai thí điểm đo lường phát thải tài trợ theo phương pháp luận của Partnership for Carbon Accounting Financials (PCAF), làm cơ sở đánh giá mức độ phát thải của danh mục tín dụng, quản lý rủi ro chuyển đổi và định hướng lộ trình giảm phát thải phù hợp.

Cách tiếp cận này giúp OCB không chỉ kiểm soát rủi ro một cách chủ động mà còn từng bước nâng cao chất lượng tài sản trong dài hạn. Trong giai đoạn 2026, Ngân hàng định hướng tiếp tục hoàn thiện khung quản lý rủi ro MT&XH theo thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực đo lường tác động và gia tăng tỷ trọng tài sản bền vững trong danh mục tài trợ.

2.2.3 Phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính xanh

Trên nền tảng định hướng chiến lược về tài chính xanh và PTBV, OCB triển khai các giải pháp cụ thể theo từng nhóm khách hàng, bảo đảm sự lan tỏa đồng bộ trong toàn bộ hoạt động kinh doanh, thúc đẩy chuyển dịch danh mục theo hướng phát thải thấp và sử dụng tài nguyên hiệu quả.

Nhóm khách hàng doanh nghiệp

OCB ưu tiên phân bổ nguồn vốn vào các lĩnh vực có tác động MT&XH tích cực, sử dụng tài nguyên hiệu quả và có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, qua đó thúc đẩy quá trình chuyển dịch danh mục theo hướng bền vững và nâng cao chất lượng tài sản trong dài hạn.

Trên cơ sở đánh giá tổng thể về nhu cầu vốn, tác động MT&XH cũng các rủi ro liên quan như mức độ sẵn sàng chuyển đổi và khả năng quản trị ESG của khách hàng, OCB xây dựng và áp dụng các chính sách hỗ trợ phù hợp, bao gồm cơ chế ưu đãi lãi suất, hệ thống hóa điều kiện tín dụng gắn với tiêu chí MT&XH, quy trình cấp tín dụng được chuẩn hóa, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn thuận lợi, thúc đẩy quá trình chuyển dịch xanh.

Trong năm 2025, Ngân hàng tiếp tục duy trì và mở rộng tài trợ đối với các lĩnh vực xanh như năng lượng tái tạo, công trình xanh, cấp nước và xử lý nước thải; đồng thời ghi nhận sự gia tăng nhu cầu vốn đối với nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Song song với hoạt động tín dụng, OCB tăng cường phát triển hệ sinh thái sản phẩm và giải pháp tài chính xanh, thể hiện cam kết đồng hành hướng tới mục tiêu PTBV dài hạn. Ngân hàng cũng ra mắt sản phẩm Green Deposit - sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn cho loại tiền VND và USD dành cho khách hàng doanh nghiệp. Sản phẩm giúp đảm bảo nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng được tận dụng để tài trợ cho các dự án xanh, thân thiện với môi trường. Ngân hàng cũng triển khai chương trình ưu đãi hỗ trợ phát triển thị trường xây dựng xanh - MAGC, nhằm khuyến khích khách hàng doanh nghiệp và cá nhân phát triển, đầu tư sở hữu nhà ở giá phải chăng đạt chuẩn công trình xanh. Chương trình do Bộ An ninh Năng lượng và Không phát thải ròng Vương quốc Anh (DESNZ) tài trợ, được triển khai trong khuôn khổ hợp tác giữa OCB và Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), qua đó góp phần thúc đẩy phân khúc nhà ở bền vững, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường tại Việt Nam.

Năm 2026, OCB định hướng nâng cao tỷ trọng tín dụng xanh trong danh mục doanh nghiệp, hoàn thiện khung quản lý rủi ro MT&XH theo thông lệ quốc tế và mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính phát triển nhằm huy động nguồn vốn trung dài hạn. Ngân hàng dự kiến triển khai các sản phẩm tín dụng xanh chuyên biệt, gắn điều kiện tài trợ với các chỉ tiêu môi trường, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm phát thải và nâng cao năng lực quản trị bền vững.



Trong năm 2025, OCB đã cho ra mắt sản phẩm **GREEN DEPOSIT** - sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn cho phép khách hàng doanh nghiệp gửi tiền tạm thời nhàn rỗi đồng thời đóng góp tài trợ cho các dự án xanh thân thiện với môi trường.



Chương trình ưu đãi tài chính dành cho Công trình Xanh: Áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân phát triển, đầu tư hoặc sở hữu các công trình đạt chuẩn xanh với giá phải chăng. Chương trình do DESNZ tài trợ, được triển khai trong khuôn khổ hợp tác giữa OCB và IFC.

Nhóm khách hàng cá nhân

Đối với khách hàng cá nhân, OCB tập trung vào các sản phẩm thuộc thể mạnh cốt lõi của Ngân hàng và có nhu cầu cao trên thị trường, đồng thời bảo đảm nguyên tắc tăng trưởng an toàn, bền vững. Song song đó, Ngân hàng từng bước tích hợp định hướng tín dụng xanh vào danh mục sản phẩm bán lẻ, hướng đến tài trợ khách hàng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, cũng như các khoản vay phục vụ nhu cầu sở hữu căn hộ đạt tiêu chuẩn công trình xanh.

Với mong muốn mang đến những trải nghiệm tốt nhất thông qua các sản phẩm xanh, kết hợp với giải pháp đặc biệt ưu đãi và hấp dẫn so với các chính sách vay thông thường, từ cuối năm 2023, OCB đã bắt đầu triển khai Chương trình "**Vay Mua Nhà Xanh - Mô Tương Lại Xanh**" mang đến cho khách hàng thêm sự lựa chọn tín cậy trên hành trình thể hiện phong cách sống xanh cùng OCB. Chương trình ưu đãi dành cho khách hàng có nhu cầu vay vốn để mua hoặc nhận chuyển nhượng bất động sản tại các dự án đạt chứng chỉ xanh, với các ưu đãi về lãi suất và phí hấp dẫn. Tiếp nối sáng kiến này, trong năm 2025, OCB tiếp tục triển khai chương trình MAGC cho các dự án nhà ở giá phải chăng trong khuôn khổ hợp tác giữa OCB và IFC. Việc triển khai các sản phẩm và chương trình nêu trên thể hiện định hướng nhất quán của OCB trong việc lồng ghép yếu tố MT&XH vào hoạt động ngân hàng bán lẻ, đồng thời góp phần thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển theo hướng bền vững và bao trùm hơn trong dài hạn.



2.2.4 Tăng cường hợp tác quốc tế và huy động nguồn vốn phát triển

Trong những năm qua, OCB đã chủ động thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với các định chế tài chính quốc tế uy tín nhằm thúc đẩy huy động nguồn vốn trung và dài hạn, phát triển tín dụng bền vững, tài trợ chuỗi, đặc biệt tín dụng xanh và tài chính bền vững.

Trong năm 2025, OCB tập trung tăng cường hợp tác và triển khai hiệu quả các thỏa thuận đã ký kết, qua đó mở rộng danh mục tài chính bền vững, gia tăng quy mô tài trợ các dự án, doanh nghiệp giúp giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thúc đẩy phát triển xã hội bền vững.

Sự đồng hành của các đối tác quốc tế trong những năm vừa qua tiếp tục khẳng định niềm tin đối với năng lực quản trị, hệ thống quản lý rủi ro MT&XH và định hướng PTBV của OCB. Với sự đồng hành này, Ngân hàng đã từng bước chuẩn hóa sản phẩm tín dụng theo thông lệ quốc tế, nâng cao chất lượng thẩm định và mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm SMEs và WSMEs.

Đặc biệt trong năm 2025, OCB chính thức trở thành thành viên của Liên minh Ngân hàng Thương mại Xanh do IFC - thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới (World Bank Group) khởi xướng, đánh dấu bước tiến quan trọng trong hành trình hội nhập quốc tế về tài chính xanh. Việc tham gia Liên minh khẳng định cam kết của OCB trong việc áp dụng các thông lệ tốt về quản trị rủi ro MT&XH, đo lường tác động và phát triển sản phẩm tài chính bền vững. Đồng thời, OCB được tiếp cận các khuôn khổ kỹ thuật và mạng lưới chuyên môn quốc tế, qua đó nâng cao năng lực triển khai tài chính xanh, củng cố vị thế ngân hàng tiên phong trong chuyển đổi xanh.



Ngoài ra, OCB vẫn tích cực đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam thông qua các Dự án Tài chính nông thôn II (RDFII) và Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới (World Bank) nhằm hỗ trợ cho vay các cá nhân, hộ gia đình cũng như doanh nghiệp sở hữu tư nhân liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

3 Tiêu chuẩn Môi trường GRI 300

5.1 Sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả

3.1.1 Tiêu thụ năng lượng

Sử dụng năng lượng hiệu quả và trân trọng tài nguyên là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động vận hành của OCB, phù hợp với định hướng PTBV và quản trị ESG của Ngân hàng. OCB chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý, giám sát và tối ưu tiêu thụ điện tại Hội sở cùng mạng lưới đơn vị, qua đó không chỉ góp phần tiết kiệm chi phí vận hành mà còn giảm phát thải khí nhà kính (KNK), nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động đến môi trường. Các chính sách và giải pháp trọng tâm liên quan đến quản lý và tiêu thụ năng lượng tại OCB bao gồm:

Quản lý sử dụng thiết bị điện hiệu quả, tiết kiệm

Thiết bị chiếu sáng

- Triển khai thay thế, sử dụng hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng.
- Ứng dụng công nghệ cảm biến chuyển động để tắt đèn tự động tại khu vực không có người sử dụng.
- Tích hợp cảm biến ánh sáng tự nhiên để tự động điều chỉnh độ sáng của các thiết bị theo điều kiện thực tế nhằm tối ưu mức tiêu thụ điện.
- Thiết lập chế độ hẹn giờ mở - ngắt đối với đèn chiếu sáng của poster, màn hình truyền thông và khu vực văn phòng ngoài giờ làm việc.
- Cài đặt hẹn giờ mở - ngắt với bảng hiệu, bảng quảng cáo tại các chi nhánh, phòng giao dịch nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng điện năng.

Tiết kiệm năng lượng tòa nhà

- Chú trọng đến giải pháp cách nhiệt cho tường, mái và sàn, góp phần điều hòa nhiệt độ tự nhiên, hạn chế thất thoát nhiệt.
- Trong thiết kế, xây dựng, ưu tiên hệ thống thông gió và điều hòa không khí hiệu suất cao, giúp giảm tiêu thụ năng lượng và tối ưu chi phí vận hành.
- Lắp đặt cửa sổ hiệu suất cao với kính phủ màng (low-e) phát tán nhiệt lượng, giảm thiểu tia cực tím góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.
- Lắp kính phản quang bao quanh mặt tiền tại Hội sở và khoảng 80% chi nhánh, phòng giao dịch để cách nhiệt.

Thiết bị vận hành

- Ưu tiên lựa chọn thiết bị tiết kiệm năng lượng, có thiết kế, kích cỡ, dung tích, công năng và công suất phù hợp khi mua mới (máy nóng lạnh, máy điều hòa, tủ lạnh, tivi, v.v.).
- Thực hiện kiểm tra, vệ sinh và bảo dưỡng thiết bị định kỳ, tiến hành thay mới kịp thời các thiết bị điện cũ bằng các thiết bị hiệu suất năng lượng cao hơn nhằm giảm tiêu thụ điện và chi phí vận hành.

Quản lý phương tiện vận chuyển

- Ưu tiên chọn mua các phương tiện di chuyển mới từ các dòng xe tiết kiệm xăng như các dòng xe điện, xe kết hợp động cơ chạy xăng và chạy điện (hybrid) ... cho các xe công vụ, chuyển chỗ nhân viên, đồng thời đáp ứng được các yêu cầu quy định tiêu chuẩn kỹ thuật đối với xe chỗ tiền theo quy định của NHNN, nhằm giảm thiểu năng lượng tiêu thụ và bảo đảm an toàn, an ninh.
- Lựa chọn và xây dựng lộ trình đường đi ngắn nhất và cố định đối với xe chỗ tiền để đảm bảo an toàn cũng như tiết kiệm năng lượng.



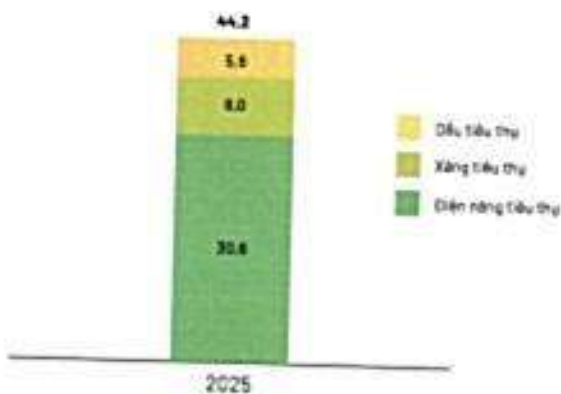
Tại OCB, năng lượng được tiêu thụ đến từ việc sử dụng điện cho các hoạt động kinh doanh, vận hành tại Hội sở, chi nhánh, phòng giao dịch và xăng dầu cho các phương tiện vận chuyển chuyên dụng tiến và xe công vụ, máy phát điện của Ngân hàng.

Trong giai đoạn 2023-2025, xu hướng tiêu thụ năng lượng tại OCB có xu hướng dần ổn định hơn. Đáng chú ý, mức tiêu thụ năng lượng từ việc sử dụng xăng dầu có xu hướng giảm nhờ việc triển khai các chính sách quản lý phương tiện, kiểm soát di chuyển công tác. Nhờ đó, tổng năng lượng tiêu thụ tại OCB năm 2025 giảm so với năm 2024, cho thấy những cải thiện bước đầu trong công tác quản lý năng lượng. Tuy nhiên, mức tiêu thụ điện năng có xu hướng tăng do nhu cầu phục vụ hoạt động kinh doanh, vận hành mở rộng, bao gồm tăng cường hạ tầng công nghệ, hệ thống dữ liệu và mạng lưới hoạt động. Diễn biến này phản ánh nỗ lực của Ngân hàng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu năng lượng theo hướng giảm dần phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch trực tiếp, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng điện năng và xem xét các giải pháp năng lượng tái tạo trong giai đoạn tiếp theo.

Theo đó, ngay từ đầu năm 2025, OCB đã triển khai và duy trì nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy sử dụng năng lượng hiệu quả trên toàn hệ thống. Cụ thể:

- Ban hành chính sách giảm thời gian hoạt động của các bảng điện quảng cáo nhằm tối ưu mức tiêu thụ điện năng ngoài giờ cao điểm.
- Thực hành tắt toàn bộ bảng điện quảng cáo vào Giờ Trái Đất, thể hiện cam kết nâng cao nhận thức về tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.
- Nghiên cứu cơ hội chuyển một phần nguồn điện sử dụng tại các tòa nhà là tài sản OCB sang năng lượng điện mặt trời áp mái.
- Tăng cường truyền thông nội bộ, xây dựng ý thức tiết kiệm điện nhằm thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả năng lượng tại OCB.

Năng lượng tiêu thụ năm 2025 tại OCB (TeraJun)



Những hành động này cho thấy sự quan tâm và cam kết của OCB trong việc lồng ghép yếu tố quản lý tài nguyên môi trường trong hoạt động vận hành. Đây là nền tảng quan trọng để Ngân hàng tiếp tục cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm thiểu phát thải trực tiếp và hướng tới mục tiêu PTBV trong dài hạn.



3.1.2 Tiêu thụ nước

Bên cạnh sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm nước cũng là một trong những mối quan tâm trong công tác kiểm soát vận hành tại OCB. Nhận thức được vai trò của quản lý tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu và áp lực hạ tầng đô thị ngày càng gia tăng, OCB đã chủ động triển khai các giải pháp sau:

Nâng cấp thiết bị tiết kiệm nước

- Lắp đặt thiết bị tiết kiệm nước như vòi hoa sen, bồn vệ sinh có lưu lượng thấp,... để giảm lượng nước tiêu thụ và chi phí năng lượng.
- Tại văn phòng Hội sở và các địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch thiết bị cảm biến tự động, hoặc vòi tự ngắt khi đạt lượng nước mỗi lần chảy ra nhất định, không chảy xuyên suốt trong lúc sử dụng, tránh rò rỉ nước từ vòi.

Kiểm tra định kỳ và khắc phục kịp thời sự cố rò rỉ nước

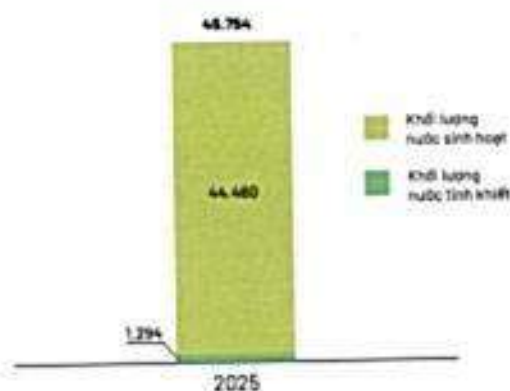
- Định kỳ rà soát lượng nước sử dụng để nhận diện những biến động bất thường, xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở để phát hiện những sự cố hư hỏng, rò rỉ,... và tiếp nhận phản hồi, yêu cầu sửa chữa từ các đơn vị. Kịp thời khắc phục, sửa chữa trong thời gian sớm nhất nhằm hạn chế thất thoát gây lãng phí nước.
- Trong thời gian tới, OCB sẽ nhân rộng các biện pháp tiết kiệm nước trên cấp toàn hàng, xây dựng bổ sung đội ngũ nhằm mở rộng phạm vi kiểm tra định kỳ và kịp thời khắc phục các sự cố hạn chế lãng phí nguồn nước.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức

- OCB luôn khuyến khích và thực hiện nhiều biện pháp nâng cao ý thức tiết kiệm tài nguyên
- Tích hợp tuyên truyền sử dụng hiệu quả tài nguyên vào chương trình đào tạo

Tại OCB, nước được sử dụng được cấp từ các công ty cấp nước tỉnh, thành phố, đảm bảo Quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT chất lượng nước sạch sinh hoạt. Nguồn nước này được sử dụng chủ yếu cho nhu cầu sinh hoạt của CBNV, khách hàng và công tác dọn dẹp vệ sinh hàng ngày. Bên cạnh đó, nguồn nước uống cho CBNV và khách hàng là nước khoáng, nước tinh khiết đảm bảo chất lượng.

Lượng nước tiêu thụ năm 2025 tại OCB (m³)



Trong năm 2025, để nâng cao độ chính xác và khả năng chủ động kiểm soát hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, OCB đã ban hành Quy định thu thập dữ liệu các chỉ số môi trường và triển khai thí điểm phương pháp theo dõi, tổng hợp dữ liệu tiêu thụ nước từ việc ước tính số liệu hoạt động dựa vào kết quả hạch toán chi phí sang hình thức thu thập và theo dõi trực tiếp số liệu tiêu thụ thực tế trên hóa đơn của các đơn vị cấp nước theo hướng dẫn của Quy định. Bên cạnh đó, OCB còn triển khai thí điểm phần mềm tổng hợp dữ liệu tiêu thụ nước tại các đơn vị áp dụng thuộc Quy định nhằm tạo nền tảng tiến đề cho việc tích hợp dữ liệu tài nguyên vào hệ thống quản lý ESG tập trung trong tương lai. Do sự thay đổi trong phương pháp thu thập dữ liệu, tổng lượng nước ghi nhận trong năm 2025 tăng đáng kể so với năm 2024. Tuy nhiên, mức tăng này chủ yếu phản ánh sự cải thiện về độ đầy đủ và chính xác của dữ liệu báo cáo, thay vì sự gia tăng tương ứng trong nhu cầu sử dụng nước thực tế. Cách tiếp cận này thể hiện định hướng tăng cường quản trị dữ liệu môi trường của OCB, tạo nền tảng cho việc theo dõi xu hướng sử dụng nước một cách minh bạch và nhất quán trong dài hạn.

net zero

3.1.3 Tiêu thụ tài nguyên giấy, mực in

Giấy và mực in là những vật liệu được sử dụng chính trong hoạt động vận hành tại OCB, phục vụ cho các hoạt động kinh doanh bao gồm việc in ấn các tài liệu, văn bản, chứng từ,... Do đó, sử dụng hiệu quả tài nguyên giấy và mực in được xác định là một trong những ưu tiên trong kiểm soát chi phí và quản lý tác động môi trường tại OCB. Nhằm tối ưu hóa việc sử dụng các vật liệu này, từ năm 2021 OCB đã triển khai đồng loạt các giải pháp như sau:

Tự động hóa các quy trình nghiệp vụ, số hóa các biểu mẫu, tài liệu, chứng từ

- Thực hiện phê duyệt hồ sơ bằng phần mềm đã giúp Ngân hàng giảm thiểu phần lớn lượng giấy và mực in sử dụng để in bản cứng khi trình phê duyệt, góp phần tiết kiệm tài nguyên sản xuất giấy và không gian lưu trữ, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

Sử dụng tiết kiệm giấy in/photo

- Khuyến khích CBNV tận dụng giấy in/photo 02 mặt đối với bản soạn thảo, hồ sơ phục vụ hội họp nội bộ, các nội dung in ấn không quan trọng hoặc không phải hồ sơ trình duyệt đặc thù lên cấp lãnh đạo hoặc hồ sơ in bản cứng cần lưu trữ theo quy định.

Theo số liệu thống kê, tổng lượng giấy và mực in sử dụng có xu hướng tăng trong giai đoạn 2023 - 2025. Nguyên nhân chủ yếu do OCB mở rộng quy mô hoạt động, tăng số lượng khách hàng, khối lượng giao dịch. Bên cạnh đó, một phần nguyên nhân đến từ việc thay đổi phương pháp thu thập dữ liệu từ ước tính dựa trên chi phí hạch toán sang ghi nhận số liệu thực tế sử dụng tại đơn vị.

Để sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và tối ưu chi phí vận hành, OCB đã và luôn ưu tiên số hóa quy trình nghiệp vụ và tự động hóa hoạt động vận hành. Trong những năm tiếp theo, OCB cam kết tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường tự động hóa và tối ưu quy trình nhằm giảm dần sự phụ thuộc vào tài liệu giấy.

Bên cạnh đó, OCB cũng tích cực áp dụng các chính sách về chọn lựa sản phẩm có nguồn gốc tái chế, tái sử dụng, tối đa hóa hiệu quả sử dụng vật liệu, như sử dụng hộp mực có dung lượng in lớn hơn, giúp giảm lượng hộp mực và cường độ sử dụng mực in, hay sử dụng các hộp mực tái sử dụng từ nhà cung cấp nhưng vẫn đảm bảo hiệu suất in trong mỗi chu kỳ. Trong năm 2025, 7.167 hộp mực được tái sử dụng tại Hội sở và các CN/POD ở khu vực thành phố Hồ Chí Minh, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vật liệu, giảm phát sinh chất thải.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức

- Truyền thông nhắc nhở và nâng cao ý thức CBNV trong việc sử dụng tiết kiệm giấy.
- Tích hợp tuyên truyền sử dụng hiệu quả tài nguyên vào chương trình đào tạo

Các giải pháp này không chỉ góp phần tiết giảm chi phí vận hành mà còn hỗ trợ giảm tiêu thụ tài nguyên rừng, giảm phát sinh chất thải và phát thải gián tiếp liên quan đến chuỗi cung ứng vật tư văn phòng. Đây là một phần trong định hướng chuyển đổi vận hành theo hướng số hóa và bền vững tại OCB.

Lượng giấy in sử dụng năm 2025 tại OCB (tấn)



Lượng mực in sử dụng năm 2025 tại OCB (hộp mực)



3.2 Quản lý tác động môi trường

3.2.1 Tuân thủ pháp luật môi trường

Tuân thủ pháp luật và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan luôn là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động vận hành của Ngân hàng. Theo đó, OCB thường xuyên rà soát, đánh giá, cập nhật các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đối chiếu với thực tiễn triển khai tại đơn vị kinh doanh để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời và phù hợp theo từng giai đoạn phát triển.

Cụ thể bằng hành động, OCB duy trì thực hiện các yêu cầu về hồ sơ môi trường đối với các địa điểm kinh doanh thuộc diện quy định. Ngân hàng cũng thiết lập chính sách yêu cầu đối tác cung ứng tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật hiện hành, theo dõi, giám sát, đảm bảo các đối tác tuân thủ các yêu cầu này. Đặc biệt từ năm 2024, OCB chính thức tích hợp các tiêu chí về MT&XH vào quy trình đánh giá nhà cung cấp ngay từ giai đoạn chào thầu các dự án nhằm nâng cao tiêu chuẩn lựa chọn và quản lý chuỗi cung ứng có trách nhiệm. OCB yêu cầu các đối tác cho thuê tòa nhà, văn phòng cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành, đồng thời thực hiện rà soát phù hợp trong quá trình hợp tác.

Hàng năm, OCB triển khai các hoạt động kiểm tra theo kế hoạch tại các đơn vị kinh doanh nhằm đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về HSE (Sức khỏe - An toàn - Môi trường) và các tiêu chuẩn vận hành nội bộ. Hoạt động này giúp Ngân hàng kịp thời nhận diện, xử lý các vấn đề phát sinh và duy trì môi trường làm việc an toàn, tuân thủ, chuyên nghiệp trên toàn hệ thống.

Trong định hướng năm 2026, OCB dự kiến tiếp tục hoàn thiện chính sách và hướng dẫn nội bộ. Đồng thời, Ngân hàng có kế hoạch xây dựng công cụ, nền tảng trực tuyến hỗ trợ CBNV chủ động báo cáo sớm các rủi ro môi trường, an toàn lao động, qua đó nâng cao hiệu quả giám sát, phản ứng kịp thời và củng cố hệ thống quản lý trong toàn hệ thống.

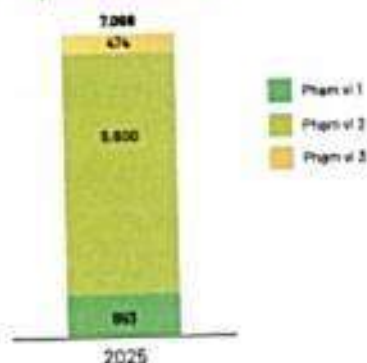
Đến nay, OCB không phát sinh bất cứ vụ việc vi phạm luật bảo vệ môi trường

3.2.2 Khí nhà kính

Giảm phát thải khí nhà kính (KNK) trong hoạt động vận hành và hoạt động CTD là định hướng chung của OCB. Để quản lý hiệu quả lượng KNK phát thải, OCB đã thực hiện kiểm đếm xác định nguồn thải và đo lường lượng phát thải KNK đối với phạm vi 1, 2, 3 theo hướng dẫn của tiêu chuẩn quốc tế Giao thức báo cáo KNK (Greenhouse Gas Protocol) được phát triển bởi Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Thế giới (WBCSD) và ISO 14064. Các nguồn phát thải chính theo 3 phạm vi trên được Ngân hàng báo cáo trong Báo cáo này bao gồm:

Phạm vi 1 Phát thải trực tiếp từ các nguồn do OCB sở hữu	Phạm vi 2 Phát thải gián tiếp từ năng lượng	Phạm vi 3 Phát thải gián tiếp từ chuỗi cung ứng, vận tải, và hoạt động của đối tác
- Tiêu thụ xăng, dầu Mới bổ sung: Rò rỉ KNK bình phòng cháy chữa cháy (PCCC) - Phạm vi thu thập số liệu: Toàn hàng	- Tiêu thụ điện năng mua từ Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) - Phạm vi thu thập số liệu: Toàn hàng	- Tiêu thụ giấy in - Di chuyển công tác bằng máy bay - Phạm vi thu thập số liệu: Toàn hàng

Tổng phát thải khí nhà kính (tấn CO₂d) tại OCB năm 2025



Ghi chú: Nguồn hệ số phát thải sử dụng trong tính toán: (1) Hệ số phát thải đối với xăng áp dụng theo Quyết định số 2626/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường; (2) Hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam theo Công văn của Cục BDKH, Bộ Tài nguyên và Môi trường; (3) Hệ số phát thải của tiêu thụ giấy in theo công bố của Vương quốc Anh; (4) Hệ số phát thải các chuyến công tác bằng máy bay dựa trên ICAO Carbon Emissions Calculator (ICEC).

3.2.3. Chất thải rắn

Phân loại và xử lý chất thải

- Hiện nay, OCB đã triển khai hướng dẫn phân loại chất thải đối với các chi nhánh, phòng giao dịch và cơ sở hoạt động thuê ngoài. Đối với các địa điểm được OCB thuê một phần làm chi nhánh, phòng giao dịch, OCB cũng yêu cầu bên cho thuê chịu trách nhiệm trong việc bán giao chất thải tới đơn vị có chức năng theo đúng quy định của pháp luật.
- Đối với rác thải nguy hại (chủ yếu là mực in), 100% được thu gom xử lý bởi các đơn vị cung cấp cho thuê hộp mực. Năm 2025, Hội sở OCB đã sử dụng các hộp mực tái sử dụng với tỷ lệ đạt gần 80%, nhằm gia tăng vòng đời sản phẩm, giảm phát sinh chất thải nhựa, chất thải nguy hại ra môi trường.

Hạn chế rác thải nhựa

- Nhằm giảm rác thải nhựa trong hoạt động của Ngân hàng, trong năm 2025 OCB tiếp tục triển khai các hành động trong việc giảm rác thải nhựa tại OCB trong đó việc chuyển đổi không dùng chai suối nhựa tại các cuộc họp thay vào đó là dùng bộ bình và ly thủy tinh được CBNV ủng hộ. Hiện nay, sáng kiến chương trình này đã được triển khai toàn hàng đồng nghĩa với việc tại các ĐVKD sẽ chỉ dùng bình, ly thủy tinh cho các cuộc họp, gặp mặt đối tác. Điều này thể hiện sự đồng lòng và quyết tâm cao của toàn thể CBNV trong Chiến lược chuyển đổi xanh của Ngân hàng.
- Mặt khác, OCB còn có kế hoạch sử dụng các sản phẩm quà tặng mang ý nghĩa tiêu dùng "bền vững" như cốc sứ, bình giữ nhiệt, túi vải sử dụng nhiều lần, những chương trình tri ân khách hàng bằng phần thưởng, quà tặng có giá trị bền vững.



Chiến dịch thu gom, chuyển giao xử lý chất thải nguy hại

Năm 2025, đánh dấu năm đầu tiên DCB chính thức triển khai Chiến dịch Pin Hunter, chiến dịch này không dừng lại ở việc thu gom chất thải nguy hại là pin sau khi sử dụng, mà đây còn là hành trình truyền cảm hứng, kết nối từng cá nhân với trách nhiệm bảo vệ môi trường, khuyến khích cộng đồng hành động vì hệ sinh thái bền vững.

OCB Pin Hunter

Tất cả pin sau khi thu gom sẽ được chuyển giao cho đơn vị chuyên trách và có thẩm quyền để xử lý đúng quy trình, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường.

Kết quả chương trình

Thu hồi gần
10.000 chiếc pin đã
được thu gom

Tổng
5.000 kg
pin đã
được thu gom trên toàn quốc

- Thời gian: 03/3 - 03/6/2025
- Phạm vi: CN/PGD OCB trên toàn quốc
- Đối tượng tham gia: Khách hàng, CBNV



4 Tiêu chuẩn Xã hội GRI 400

4.1 Đầu tư và phát triển nguồn nhân lực

4.1.1 Tuyển dụng công khai và minh bạch

OCB thực hiện công tác tuyển dụng dựa trên nguyên tắc công khai - minh bạch - bình đẳng - không phân biệt đối xử, áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống. Quy trình tuyển dụng quy định rõ tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng, vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan nhằm đảm bảo tính khách quan và tuân thủ. Cụ thể:

Ứng viên được đánh giá thông qua quy trình nhiều vòng gồm sàng lọc hồ sơ, kiểm tra năng lực và phỏng vấn, đảm bảo đánh giá toàn diện về chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng và phẩm chất đạo đức. Việc lựa chọn nhân sự không chỉ dựa trên năng lực đáp ứng công việc mà còn trên mức độ phù hợp với văn hóa và giá trị cốt lõi của Ngân hàng.



OCB đồng thời ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nội bộ thông qua cơ chế tự ứng cử và đề cử minh bạch. Thông tin tuyển dụng nội bộ được công bố công khai trên hệ thống, tạo điều kiện thúc đẩy lộ trình nghề nghiệp và gia tăng mức độ gắn kết của CBNV.

Trong năm 2025, OCB triển khai các chương trình kết nối sinh viên và xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng, bao gồm các chương trình OCB Fresh Bankers, Career Fair, Office Tour và Hội thảo tuyển dụng. Các chương trình này nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận thông tin nghề nghiệp, hỗ trợ định hướng và tạo cầu nối giữa sinh viên với môi trường làm việc thực tế trong ngành ngân hàng. Song song đó, OCB duy trì kênh truyền thông tuyển dụng trên nền tảng số nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin.



4.1.2 Hòa nhập và định hướng nghề nghiệp rõ ràng

Hỗ trợ nhanh chóng hòa nhập

OCB xây dựng trải nghiệm hội nhập chuyên nghiệp và nhất quán trên toàn hệ thống, bảo đảm mỗi CBNV mới được trang bị đầy đủ thông tin, công cụ và sự đồng hành cần thiết ngay từ ngày đầu nhận việc. Quy trình tiếp nhận và đào tạo hội nhập được chuẩn hóa, phân định rõ vai trò các bên liên quan, góp phần rút ngắn thời gian thích nghi và nâng cao hiệu quả làm việc ban đầu.

OCB triển khai lộ trình hội nhập chuẩn hóa trong 02 tháng đầu tiên, đảm bảo CBNV mới được trang bị đầy đủ thông tin, công cụ làm việc, sự đồng hành từ Nhân sự, Trưởng Đơn vị và Người hướng dẫn. Chương trình đào tạo hội nhập được tổ chức định kỳ, giúp CBNV nhanh chóng nắm vững chuyên môn, hiểu rõ văn hóa và quy trình nội bộ.

Lộ trình nghề nghiệp được thiết kế rõ ràng

OCB thiết kế lộ trình phát triển theo từng chức danh, gắn với khung năng lực và chiến lược phát triển của Ngân hàng. Bên cạnh đó, ngoài quy trình đánh giá, quản lý trực tiếp cũng sẽ trao đổi với CBNV để trao đổi và đưa ra định hướng. Lộ trình phát triển đối với nhân sự thuộc cấp quản lý, CBNV được hướng dẫn để xác định mục tiêu nghề nghiệp cũng như cách đặt mục tiêu, lên kế hoạch, lộ trình phát triển cụ thể, khả thi và đóng góp vào mục tiêu chung.

Bên cạnh đó, các buổi hội thảo về văn hóa, giải đáp thắc mắc về chính sách nhân sự, quy trình làm việc cũng được triển khai, giúp nhân sự mới hiểu rõ hơn về OCB, nắm vững nguyên tắc và quy trình làm việc để việc hội nhập diễn ra nhanh chóng, suôn sẻ.

Nhận thức được vai trò quan trọng của Người đồng hành trong quá trình hội nhập của nhân sự mới, OCB đã triển khai các chương trình định hướng và ban hành Cẩm nang hướng dẫn kèm cặp, nhằm chuẩn hóa phương pháp hỗ trợ, bảo đảm việc kèm cặp được thực hiện một cách bài bản, chuyên nghiệp và đúng thực tế.

Đồng thời, kế hoạch phát triển này cũng sẽ được đánh giá định kỳ, nhận phản hồi và điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế để đảm bảo rằng mỗi bước đi trên con đường sự nghiệp của mỗi CBNV đều được theo dõi và hỗ trợ một cách kịp thời, hiệu quả.

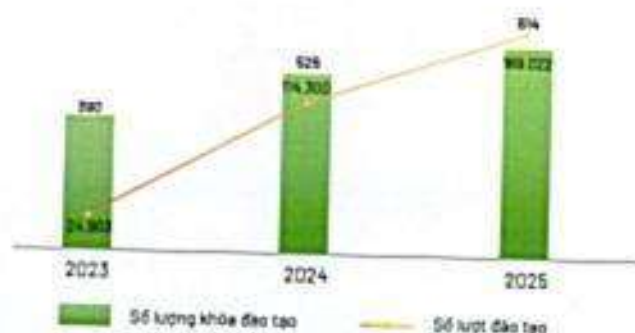
4.1.3 Đào tạo và phát triển toàn diện

Hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện cho CBNV, OCB đẩy mạnh xây dựng lộ trình học tập cho mỗi CBNV dựa theo lộ trình chức danh. Lộ trình học tập này được thiết lập và cập nhật định kỳ hàng năm hoặc khi có nhu cầu mới bởi các phòng ban nghiệp vụ chuyên môn, quản lý ngành dọc và ban đào tạo. Nội dung đào tạo được thiết kế giúp CBNV trang bị kiến thức và kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc, đồng thời thích ứng với những thay đổi, xu hướng mới trong ngành.

Đào tạo đa dạng, toàn diện:

- Các khóa đào tạo tại OCB bao gồm cả đào tạo nội bộ cũng như bên ngoài, đều được thiết kế phong phú, khoa học về nội dung và phương pháp phù hợp với năng lực của từng cấp độ CBNV. Chương trình học tập không chỉ tập trung vào kiến thức chuyên môn mà còn bao gồm các kỹ năng mềm quan trọng với đa dạng các hình thức đào tạo khác nhau, từ các lớp học trực tiếp, trực tuyến đến tích hợp (blended, hybrid learning) hoặc các bài giảng điện tử (E-learning). Thư viện nội dung số trên hệ thống E-learning cũng được cập nhật, bổ sung thường xuyên với đa dạng chủ đề để giúp CBNV chủ động học tập, tự nâng cấp và phát triển bản thân theo đúng mục tiêu của từng cá nhân.
- Nội dung chương trình đào tạo đa dạng tập trung vào các nghiệp vụ chuyên môn cho CBNV bao gồm sản phẩm tín dụng và phi tín dụng, OMNI, quản lý vận hành, kiến thức pháp lý, chính sách và quy trình cấp tín dụng, các quy định, nghiệp vụ nội bộ, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, chính sách KPI, kiểm soát tuân thủ, thẩm định tài sản bảo đảm, tài chính xanh, các khóa học ESG và các chương trình nâng cao năng lực về tài chính ngân hàng khác.
- Bên cạnh đó, việc trang bị kiến thức về kỹ năng mềm và năng lực lãnh đạo cho đội ngũ Cán bộ quản lý cũng được OCB chú trọng triển khai. Các nội dung đào tạo có thể kể đến như nền tảng (tổng quan về văn hóa, con người), kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng, phát triển kinh doanh, phát triển danh mục khách hàng, năng lực quản lý, lãnh đạo và các khóa học nâng cao năng lực số cho CBNV.
- Trong năm 2025, OCB đã tổ chức 614 khóa đào tạo, tăng 17% so với năm 2024, bao gồm 203 khóa đào tạo trực tiếp và 411 khóa E-learning được triển khai cho toàn bộ CBNV. Số lượt CBNV tham gia đào tạo cũng tăng lên 54.722 lượt với tổng số lượt tham gia năm 2025 là 169.022 lượt so với năm 2024 là 114.300 lượt đào tạo. Trong đó thời lượng đào tạo cho CBNV chiếm đa số với 93% tổng số giờ, còn lại 7% là thời gian đào tạo cho cấp quản lý. Số giờ đào tạo trung bình cho từng CBNV là 37,5 giờ/người.

Tổng quan về số lượng khóa đào tạo và số lượt đào tạo CBNV



Văn hóa học tập chủ động, hợp tác

Phát triển văn hóa học tập chủ động là một mục tiêu quan trọng mà OCB hướng đến để khuyến khích CBNV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và phát triển cá nhân. Các chương trình thi đua về học tập không chỉ tạo động lực cho CBNV tự giác học tập mà còn xây dựng một môi trường thúc đẩy ý thức nâng cao trình độ chuyên môn. Một trong những chương trình thi đua nổi bật trong năm 2025 của Ngân hàng là "Đuàn quân học tập" với tiêu chí khuyến khích CBNV hoàn thành nhiều nhất các khóa học ngoài lộ trình học tập theo hình thức tự đăng ký và có số giờ tự học nhiều nhất. Chương trình đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của CBNV, với 1.453 người tham gia với số giờ tự học trung bình hơn 4 giờ, đạt 6.051 tổng số giờ tự học. Đồng thời, chuỗi các khóa Micro-learning về kỹ năng làm việc với AI và cập nhật các tính năng mới của ứng dụng ngân hàng số OCB OMNI cũng thu hút nhiều CBNV tích cực tham gia. Ngoài ra, chương trình Learn & Share được triển khai định kỳ mỗi tháng 1 số, thu hút 2.156 CBNV tham gia, chương trình Team Active Learning với sự tham gia của 405 CBNV với hơn 20 giờ tự học, góp phần lan tỏa tinh thần học tập chủ động và trách nhiệm tại OCB.

Tổng số khóa học trong năm 2024	614 khóa học	▲ 17%
Khóa học cung cấp kiến thức về kỹ năng	259 khóa học	▲ 52%
Khóa học đào tạo về sản phẩm, nghiệp vụ, quy trình	355 khóa học	Duy trì
Tổng thời lượng đào tạo bình quân trên toàn hệ thống	264.607 giờ	▲ 4%
Số giờ đào tạo bình quân cho CBNV	37,5 giờ	▲ 1%

Trong năm 2026, với mục tiêu gắn học tập với kết quả kinh doanh, xây dựng nguồn lực nhân sự kế cận cho những vị trí chủ chốt, nâng cao tinh thần học tập chủ động của toàn bộ CBNV, OCB tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo như:

- Nâng cao năng lực bán hàng cho đội ngũ bán hàng tại ĐVKD;
- Nâng cao Trải nghiệm Khách hàng cho nhóm ĐVKH;
- Nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo và đặc biệt là các chương trình quy hoạch nhân sự tiềm năng được đẩy mạnh và triển khai toàn diện từ Hội sở đến ĐVKD.

Bên cạnh đó, việc số hóa các khóa học, gia tăng thư viện nội dung số hay các chương trình, dự án thúc đẩy văn hóa học tập sẽ tiếp tục triển khai để giúp nâng cao năng lực CBNV, theo chiến lược PTBV của OCB.

4.1.4 Đánh giá hiệu quả làm việc công bằng và minh bạch

OCB đã thiết lập một hệ thống đánh giá KPI công bằng và minh bạch về hiệu quả làm việc cũng như học tập, sử dụng các tiêu chí rõ ràng để đánh giá và phát triển năng lực CBNV. Định kỳ nửa năm, CBNV sẽ được đánh giá và đối thoại hai chiều với cấp trên để nhận ra các điểm mạnh và những vấn đề cần cải thiện, từ đó điều chỉnh kế hoạch phát triển cá nhân phù hợp với thực tế nhu cầu của Ngân hàng.

Ngoài ra, OCB còn thực hiện đánh giá năng lực hành vi của CBNV trong toàn bộ hoạt động nhân sự từ tuyển dụng, thăng tiến, bổ nhiệm, chuyển chuyển nội bộ đến tài ký hợp đồng lao động và đặc biệt trong đánh giá tiềm năng để phát triển đội ngũ kế thừa. Nội dung đánh giá xoay quanh 5 giá trị cốt lõi của OCB bao gồm:



**100%
CBNV**

đủ điều kiện (*) của OCB đã được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp trong năm 2025.

Mỗi giá trị được OCB chia thành 05 cấp độ với các định nghĩa chi tiết dưới nhiều hình thức khác nhau như bài kiểm tra hoặc trải nghiệm online, kiểm tra thực hành thực tế theo tình huống, phỏng vấn trực tiếp và quan sát hành vi để đảm bảo tính chính xác, minh bạch trong khâu đánh giá.

(*) CBNV đủ điều kiện đánh giá là CBNV có thời gian làm việc chính thức trên 2 tháng

4.2 Kiến tạo môi trường làm việc hạnh phúc và hiệu quả

4.2.1 Đa dạng các chính sách phúc lợi, đãi ngộ

Trong năm 2025, OCB tiếp tục thực hiện các chính sách phúc lợi toàn diện, công bằng, cạnh tranh, hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng đời sống, gia tăng mức độ gắn kết và PTBV nguồn nhân lực.

OCB luôn duy trì một chính sách tiền lương - thưởng minh bạch và công bằng, gắn liền với hiệu quả làm việc của CBNV. Mức lương - thưởng được đánh giá và điều chỉnh dựa trên năng suất công việc, đóng góp của từng CBNV. Chính sách này không chỉ giúp khuyến khích CBNV cống hiến mà còn thúc đẩy sự PTBV của tổ chức.

Ngân hàng thường xuyên thực hiện đánh giá, so sánh mức chi trả với thị trường để thực hiện điều chỉnh lương, thưởng và phúc lợi kịp thời nhằm ghi nhận, khuyến khích sự cống hiến của CBNV. Điều này đảm bảo rằng CBNV được hưởng chế độ đãi ngộ cạnh tranh so với thị trường, công bằng cho những đóng góp và kết quả làm việc xuất sắc, đồng thời giữ chân nhân tài, tạo động lực phát triển.

OCB triển khai hệ thống phúc lợi đa tầng bao gồm:

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI THIẾT THỰC

- Chính sách cho vay ưu đãi CBNV cung cấp các gói vay ưu đãi để hỗ trợ tài chính
- Chính sách thâm niên nhằm ghi nhận và tưởng thưởng cho sự gắn bó lâu dài của CBNV
- Chính sách ngày nghỉ phép tăng thêm tạo điều kiện cho CBNV tái tạo năng lượng và cải thiện chất lượng cuộc sống
- Chính sách bảo hiểm sức khỏe mở rộng nhằm nâng cao các quyền lợi bảo hiểm sức khỏe, giúp CBNV an tâm về mặt sức khỏe và chăm sóc y tế
- Chính sách khám sức khỏe định kỳ để bảo vệ sức khỏe và phát hiện sớm các vấn đề y tế
- Chính sách nghỉ mát giúp CBNV thư giãn, kết nối với nhau trong một môi trường làm việc vui vẻ và lành mạnh.

CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG

- Chương trình OCB Star of the Quarter và OCB Star of the Year ghi nhận kịp thời đối với những CBNV xuất sắc
- Hoạt động ghi nhận thâm niên, OCB tổ chức các hoạt động ghi nhận thâm niên cho CBNV. Trong năm 2025, Ngân hàng đã gửi đề xuất và nhận được phê duyệt Thống đốc NHNN về việc trao tặng kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp ngân hàng Việt Nam" cho 95 CBNV
- Chính sách tặng quà sinh nhật dành cho mỗi CBNV.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ TIỀM NĂNG

- Chương trình quy hoạch nhân sự tiềm năng cho các chức danh Giám đốc Trung tâm Chuyên doanh tiềm năng, Giám đốc Quan hệ Khách hàng/Tín dụng tiềm năng và Kiểm soát viên tiềm năng
- Đánh giá nhân sự tiềm năng định kỳ để tìm kiếm và phát triển các CBNV có khả năng lãnh đạo, đóng góp cho sự phát triển lâu dài của Ngân hàng.

CHĂM LO CBNV, ĐẶC BIỆT LÀ CBNV NỮ

- Tổ chức sự kiện, trao quà tặng nhân dịp ngày lễ như Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10
- Chăm lo cho con em của CBNV như trao học bổng khuyến học, tặng quà ngày Quốc tế Thiếu nhi (1/6), Trung thu
- Quà Tết cho CBNV gồm tặng quà Tết, hỗ trợ vé tàu xe, giúp CBNV có một cái Tết đầy đủ và ấm áp.

Năm 2025, OCB còn tiếp tục duy trì và phát triển các chính sách phúc lợi toàn diện, không chỉ giúp CBNV cải thiện chất lượng cuộc sống mà còn thúc đẩy sự phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Ngân hàng. Các chương trình phúc lợi của OCB phản ánh cam kết mạnh mẽ đối với CBNV, tạo môi trường làm việc công bằng, minh bạch và gắn kết, từ đó đóng góp vào sự thành công chung của Ngân hàng. OCB cam kết tiếp tục phát huy những chính sách này để duy trì sự PTBV, tạo dựng một đội ngũ CBNV xuất sắc, giàu tiềm năng, gắn kết và hạnh phúc.

Số liệu nhân sự tính đến 31/12/2025	Cấp quản lý ^(*)	Cấp nhân viên	Tổng số
Tổng số nhân viên	408	6.495	6.901
Phân loại theo giới tính			
Nam	287	2.774	3.061
Nữ	119	3.721	3.840
Phân loại theo độ tuổi			
Dưới 30 tuổi	1	2.109	2.110
Từ 30 - 50 tuổi	367	4.280	4.647
Trên 50 tuổi	38	106	144

(*) Cấp quản lý được tính gồm trưởng phòng, phó phòng tại HQ, Giám đốc chi nhánh tại ĐVKĐ trở lên.

Số liệu nhân sự tính đến 31/12/2025	Tổng số nhân viên	Tỷ trọng	Số lượng NV tuyển mới	Tỷ trọng	Số lượng NV thời việc	Tỷ trọng
Phân loại theo giới tính						
Nam	3.061	44,4%	1.331	54,1%	1.428	55,4%
Nữ	3.840	55,6%	1.129	45,9%	1.150	44,6%
Phân loại theo độ tuổi						
Dưới 30 tuổi	2.110	30,6%	1.082	44,0%	995	38,6%
Từ 30 - 50 tuổi	4.647	67,3%	1.364	55,4%	1.557	60,4%
Trên 50 tuổi	144	2,1%	14	0,6%	26	1,0%
Phân loại theo quốc tịch						
Việt Nam	6.896	99,9%	2.458	99,9%	2.573	99,8%
Nước ngoài	5	0,1%	2	0,1%	5	0,2%
Tổng số	6.901	100%	2.460	100%	2.578	100%



4.2.2 Đa dạng, bình đẳng, đảm bảo quyền con người trong toàn thể CBNV

Tôn trọng quyền con người và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của CBNV

OCB cam kết tôn trọng và bảo đảm quyền con người trong toàn bộ hoạt động, tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và không chấp nhận bất cứ hình thức lao động cưỡng bức nào. Hoạt động tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động được thực hiện minh bạch, tuân thủ pháp luật, mọi hợp đồng đều lập bằng văn bản, quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên trên cơ sở tự nguyện.

OCB thúc đẩy môi trường làm việc dân chủ, khuyến khích CBNV tham gia vào các quyết định quan trọng. Quy chế dân chủ được thực hiện tại OCB thông qua hình thức tổ chức đối thoại tại nơi làm việc, đối thoại thường xuyên tập thể thông qua Hội nghị Người Lao động và các hình thức thực hiện dân chủ khác. Khi có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến điều kiện làm việc, OCB sẽ thông báo và thảo luận với CBNV một cách minh bạch, đảm bảo CBNV hiểu rõ cũng như có đủ thông tin để đưa ra quyết định. Theo Thỏa ước lao động tập thể, OCB sẽ báo trước ít nhất 10 ngày cho CBNV nếu có thay đổi cách thức trả lương. Chúng tôi cam kết rằng không có bất kỳ quyết định trọng yếu nào được đưa ra mà không có sự tham gia và đồng thuận từ phía người lao động.

Ngân hàng duy trì tổ chức Công đoàn, nhằm đảm bảo rằng tiếng nói của người lao động luôn được lắng nghe và quyền lợi của họ luôn được bảo vệ. Công đoàn đóng vai trò là cầu nối giữa CBNV và Ngân hàng, đại diện cho CBNV trong các cuộc thương lượng, hỗ trợ giải quyết các tranh chấp một cách công bằng, hợp lý, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mỗi CBNV.

Đa dạng, bình đẳng trong toàn thể hoạt động

Tại OCB, tất cả CBNV đều có cơ hội bình đẳng để phát triển sự nghiệp, được đánh giá, thăng tiến dựa trên năng lực và đóng góp của họ. Chúng tôi luôn cam kết xây dựng một môi trường làm việc công bằng, đa dạng không phân biệt đối xử dựa trên giới tính, tuổi tác, chủng tộc, tôn giáo, xuất xứ hoặc bất kỳ yếu tố cá nhân nào khác. Chính sách tuyển dụng của Ngân hàng luôn mở cửa đón nhận những ứng viên đa dạng từ các nền tảng văn hóa và kinh nghiệm khác nhau, nhằm tạo nên một đội ngũ nhân sự phong phú và đa dạng.

Chính sách đa dạng và bình đẳng của Ngân hàng không chỉ giúp mọi CBNV đều được đối xử công bằng mà còn đảm bảo rằng các ý tưởng, quan điểm khác nhau luôn được tôn trọng, lắng nghe, một không gian làm việc đa dạng về văn hóa, tư duy và kỹ năng liên tục được thúc đẩy.

Theo số liệu năm 2025, tỷ lệ giới tính CBNV tại OCB tương đối cân bằng với tỷ lệ CBNV nữ chiếm 56% tổng CBNV. Đa số (99,5%) các CBNV nữ ký hợp đồng toàn thời gian và ngày càng có nhiều cơ hội nắm giữ các vị trí quản lý tại Ngân hàng. Với 29% cấp quản lý là nữ trong năm 2025 - tỷ lệ này ngày càng tăng qua các năm, minh chứng cho những nỗ lực thực hiện bình đẳng giới và nâng cao vai trò của CBNV nữ trong toàn hàng.

CBNV tại OCB thuộc đa dạng các độ tuổi nhưng phần lớn là CBNV trẻ với độ tuổi từ 30 đến 50 tuổi, chiếm tỷ lệ 67% tổng số CBNV.

OCB cũng ban hành và truyền thông rộng rãi Bộ quy tắc đạo đức, ứng xử cho toàn thể CBNV của Ngân hàng nhằm xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, văn hóa ứng xử tốt đẹp, đảm bảo hành vi đạo đức, tôn trọng lẫn nhau giữa các CBNV. OCB cương quyết xử lý mọi hành vi quấy rối tình dục, tạo môi trường làm việc an toàn và tôn trọng.

CBNV cũng được khuyến khích báo cáo khi phát hiện các hành vi vi phạm hoặc các vụ việc đáng ngờ có liên quan đến việc vi phạm để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình thông qua các kênh tiếp nhận (email/điện thoại/trao đổi trực tiếp...) của Phòng Kiểm soát tuân thủ hoặc Trung tâm Nhân sự và Đào tạo. Các khiếu nại của CBNV sẽ được tiếp nhận, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời, tuân theo các quy định của pháp luật và của Ngân hàng. Thông tin về danh tính của người khiếu nại luôn được OCB bảo mật để đảm bảo sự yên tâm và quyền lợi của họ.

Cơ cấu cán bộ nhân viên năm 2025



Nam Nữ

Cơ cấu giới tính cấp quản lý^(*) năm 2025



Cơ cấu giới tính nhân viên năm 2025



(*) Cấp quản lý được tính gồm trưởng phòng, phó phòng tại HQ, Giám đốc chi nhánh tại ĐVKD trở lên





Tăng cường gắn kết CBNV

Nhằm xây dựng một môi trường làm việc tích cực, tạo động lực cho CBNV và nâng cao sự gắn kết nội bộ, OCB đã triển khai hàng loạt chương trình phát triển văn hóa và kết nối CBNV với đa dạng hình thức từ xây dựng đội nhóm (teambuilding), đến các câu lạc bộ, chương trình hội thao, hội diễn, các hoạt động phong trào, hội thảo. Các hoạt động này không chỉ giúp củng cố tinh thần tập thể, mà còn thúc đẩy sự đồng hành, chia sẻ giữa các bộ phận, góp phần tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả và hạnh phúc.

- Tổ chức tham quan, nghỉ mát cho toàn thể CBNV trong để mang lại tinh thần đồng đội mạnh mẽ, từ đó tạo dựng một Ngân hàng đoàn kết, đồng lòng và quyết tâm thực hiện mục tiêu.
- Hàng năm OCB triển khai chương trình ghi nhận và lan tỏa tinh thần tri ân trong tổ chức với tên gọi OCB Appreciation, tạo cơ hội để CBNV bày tỏ sự cảm kích với đồng nghiệp, cấp trên và cấp dưới, giúp củng cố mối quan hệ làm việc tích cực. Chương trình đã thu hút sự tham gia của CBNV toàn hệ thống, ghi nhận gần 8.000 thiệp Appreciation đã được gửi đi. Chương trình thể hiện tinh thần hỗ trợ và ghi nhận lẫn nhau giữa CBNV OCB, góp phần tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp.
- Bên cạnh đó, OCB cũng tổ chức các sự kiện gắn kết CBNV như: Green Talk, Sổ tay Giá trị cốt lõi, Culture Nudge, Video lan tỏa Giá trị cốt lõi từ CBNV và BDH, sân chơi thi đua học tập Race to The Top, giải chạy bộ và Rung chuông vàng cho con, em CBNV, chương trình Trung thu và các hoạt động đón Giáng sinh nhằm tạo môi trường làm việc thân thiện, giúp CBNV cảm thấy được trân trọng. Đặc biệt, hoạt động thiện nguyện thông qua Phiên chợ Giáng sinh đã mang đến 460 phần quà cho các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật tại các mái ấm trên địa bàn TP.HCM đã góp phần lan tỏa thông điệp yêu thương từ OCB đến cộng đồng.



Những con số ấn tượng

Đáp lại những nỗ lực, OCB tự hào khi tiếp tục khẳng định vị thế trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam với các thứ hạng ấn tượng tại **Employer of Choice : 025 (Careerviet)**: Top 9 ngành Tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán (Khối Doanh nghiệp Lớn), Top 30 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững (Khối Doanh nghiệp Lớn), Top 33 Doanh nghiệp Được Yêu Thích Nhất (Khối Doanh nghiệp Lớn).

100%
CBNV

(đã điều kiện theo quy định)
được hưởng chế độ thai sản theo
quy định

95,4%

tỷ lệ nhân sự quay lại làm việc
sau khi kết thúc thai sản



4.2.3 Đề cao an toàn và chăm sóc sức khỏe toàn diện

OCB luôn chú trọng đến an toàn và sức khỏe của CBNV. Các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) luôn được Ngân hàng tuân thủ nghiêm ngặt, từ việc đảm bảo các tiêu chuẩn về PCCC, an toàn điện, đến các cuộc diễn tập PCCC, đào tạo về ứng phó tình huống ngân hàng bị cướp cũng được tổ chức để nâng cao nhận thức và kỹ năng xử lý tình huống của CBNV. Các tiêu chuẩn an toàn này còn được quy định cụ thể trong Nội quy lao động áp dụng trên toàn hệ thống. CBNV không chỉ phải tuyệt đối tuân thủ các quy định ATVSLĐ, phòng chống cháy nổ mà còn phải nhanh chóng báo cáo ngay về bất kỳ thương tích hay điều kiện không an toàn nào tại nơi làm việc để Ngân hàng xử lý và hỗ trợ kịp thời.

Ngoài các chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm, OCB cũng đã triển khai các chính sách bảo hiểm y tế toàn diện và bảo hiểm tai nạn cho toàn bộ CBNV nhằm tạo điều kiện để CBNV được kiểm tra tình trạng sức khỏe thường xuyên và kịp thời, giúp phát hiện và có những điều trị kịp thời khi cần.

6.557

CBNV
khám sức khỏe định kỳ

4.018

CBNV
được chỉ mua bảo hiểm sức khỏe

Đối với một số nhóm đối tượng như giao dịch viên, CBNV kho quỹ thường xuyên tiếp xúc với tiền và các chất độc hại, cũng như CBNV công nghệ làm việc trong phòng máy chủ, OCB áp dụng chính sách hỗ trợ phụ cấp độc hại hoặc cung cấp các chế độ bồi dưỡng đặc biệt bằng hiện vật trong suốt thời gian làm việc để đảm bảo sức khỏe và hiệu quả công việc.

Bên cạnh việc chăm sóc sức khỏe thể chất, OCB cũng đặc biệt chú trọng đến sức khỏe tinh thần của CBNV. Các chương trình hỗ trợ tâm lý, cải thiện sức khỏe tinh thần như thư giãn, giảm căng thẳng... cũng được tổ chức để giúp CBNV thư giãn và giảm áp lực trong công việc.

Với những nỗ lực không ngừng, Ngân hàng tự hào mang đến một môi trường làm việc an toàn cho CBNV khi không có bất kỳ trường hợp sức khỏe kém, chấn thương hay tử vong nào liên quan đến công việc xảy ra trong suốt những năm qua.

Trong giai đoạn tới, OCB định hướng phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn - chất lượng - kế thừa bền vững, gắn chặt với chiến lược tăng trưởng và chuyển đổi của Ngân hàng. Trọng tâm bao gồm:

- **Hoạch định nguồn lực dài hạn:** xây dựng kế hoạch nhân sự trung - dài hạn theo từng khối/đơn vị, đảm bảo cân đối giữa tăng trưởng kinh doanh và hiệu quả chi phí.
- **Phát triển đội ngũ kế thừa:** đẩy mạnh quy hoạch, đào tạo và luân chuyển nhân sự tiềm năng nhằm chuẩn bị nguồn lãnh đạo cho các vị trí trọng yếu.
- **Nâng cao năng lực số và chuyên môn:** ưu tiên đào tạo kỹ năng số, phân tích dữ liệu, quản trị rủi ro, tài chính bền vững và các năng lực cốt lõi đáp ứng yêu cầu chuyển đổi.
- **Tối ưu trải nghiệm và gắn kết CBNV:** hoàn thiện chính sách phúc lợi, lộ trình nghề nghiệp và môi trường làm việc nhằm thu hút, giữ chân nhân tài.
- **Quản trị hiệu suất minh bạch:** tiếp tục hoàn thiện hệ thống đánh giá hiệu quả làm việc gắn với mục tiêu chiến lược và văn hóa hiệu suất cao.

Định hướng này nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực cạnh tranh, thích ứng linh hoạt và đồng hành cùng mục tiêu PTBV của Ngân hàng.



4.3 Xây dựng và phát triển cộng đồng bền vững

Với hành trình 30 năm hình thành và phát triển, OCB kiên định theo đuổi định hướng tăng trưởng gắn liền với trách nhiệm xã hội và giá trị bền vững. Ngân hàng xác định hoạt động cộng đồng không chỉ là nghĩa vụ mà còn là một phần cốt lõi trong chiến lược PTBV, góp phần tạo ra tác động tích cực và lâu dài cho xã hội. Theo đó, Ngân hàng chủ động chung tay cùng cộng đồng, hợp tác với các tổ chức thiện nguyện và cơ quan quản lý để triển khai các sáng kiến, chương trình hỗ trợ thiết thực, hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy giáo dục, bảo vệ môi trường và tăng cường sức khỏe cộng đồng.

Năm 2025, bám sát các ưu tiên chiến lược của Ngân hàng, nguồn lực của OCB dành cho các hoạt động xã hội và đầu tư cộng đồng được phân bổ có trọng tâm, tập trung vào các lĩnh vực thiết thực nhất cho cộng đồng.

4.3.1 Nâng cao sức khỏe cộng đồng

Hỗ trợ phẫu thuật tim bẩm sinh

Năm 2025, Ngân hàng tiếp tục phối hợp cùng Quỹ Hiếu về Trái Tim hỗ trợ chi phí phẫu thuật tim bẩm sinh cho hơn 40 trường hợp bệnh nhi với tổng chi phí lên đến 1 tỷ đồng. Chương trình góp phần mang lại cơ hội sống khỏe mạnh cho các em nhỏ và giảm bớt gánh nặng tài chính cho gia đình.



Đồng hành cùng các hoạt động thể thao

OCB không ngừng đồng hành cùng khách hàng và đối tác trong các chương trình thể thao - văn hóa - cộng đồng, góp phần lan tỏa lối sống xanh và nâng cao thể chất. Cụ thể, năm 2025, Ngân hàng đã tài trợ cho các chương trình thể thao uy tín như Gemadept Run, thu hút 5.000 vận động viên tại TP.HCM và Hải Phòng, cùng lan tỏa năng lượng tích cực và tinh thần sống khỏe - sống xanh - sống bền vững. OCB cũng là đơn vị đồng hành cùng sự kiện "Sports Festival 2025" - chương trình thể thao đặc biệt nhân kỷ niệm 80 năm Quốc khánh 2/9, góp phần cổ vũ tinh thần vận động, gắn kết và chăm sóc sức khỏe cho người tham dự. Thông qua các hoạt động này, OCB mong muốn tiếp tục truyền cảm hứng về việc chủ động bảo vệ sức khỏe, xây dựng một cộng đồng khỏe mạnh và PTBV.



Đồng hành cùng mùa giải đặc biệt "Gemadept Run - Special Edition 2025"



Đồng hành cùng Giải Việt Nam Shipping Golf Tournament 2025

4.3.2 Giáo dục và Phát triển nguồn nhân lực

Học bổng và hỗ trợ giáo dục

Hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục, đồng hành cùng học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn trên hành trình phát triển hướng đến tương lai từ lâu đã là định hướng của OCB. Bên cạnh việc phát triển các sản phẩm, giải pháp tài chính cho lĩnh vực giáo dục, OCB tích cực đóng góp vào những hoạt động thiện nguyện nhằm mang đến nguồn hỗ trợ thiết thực nhất đến học sinh, sinh viên tại các khu vực khó khăn. Trong năm 2025, OCB tiếp tục tài trợ Quỹ Khuyến học tỉnh Kiên Giang, đồng hành Quý Trò nghèo Vùng cao cũng nhiều hoạt động tài trợ giáo dục khác. Những đóng góp này hướng đến mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi hơn cho học sinh, sinh viên trên hành trình đến trường, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tương lai.



4.3.3 Bảo vệ môi trường và Nâng cao nhận thức cộng đồng

Chiến dịch Pin Hunter

Năm 2025, OCB đã triển khai Chiến dịch Pin Hunter trên phạm vi toàn quốc thu hút sự tham gia của cả CBNV và khách hàng. Chiến dịch này nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về tác hại của việc thải bỏ pin không đúng quy định, đồng thời đồng hành cùng cơ quan chức năng trong việc thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy trình, góp phần bảo vệ môi trường.

Kết thúc giai đoạn 1, chiến dịch thu hút gần 10.000 người tham gia trên toàn quốc. Tổng lượng pin thu gom đạt gần 5.000 kg và được xử lý theo đúng quy trình an toàn. Hoạt động này ghi nhận hơn 11 triệu lượt tiếp cận, 5 triệu lượt xem và hơn 80.000 lượt tương tác trên các nền tảng truyền thông, đồng thời trao hơn 8.300 phần quà tặng xanh nhằm khuyến khích các hành động bảo vệ môi trường...

Chiến dịch này không chỉ diễn ra hoạt động tại các ĐVKD trong hệ thống mà các hoạt động còn lan tỏa đến các trường học nhằm cung cấp cho các bạn học sinh cách thức hành động để thu gom, phân loại chất thải, đặc biệt là chất thải nguy hại, từ đó xây dựng ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho thế hệ trẻ.



4.3.4 Văn hóa – Quốc gia – Giá trị cộng đồng

Chương trình Chiến sĩ quả cảm

OCB vinh dự trở thành đơn vị đồng hành Chương trình “Chiến sĩ quả cảm” – một chương trình truyền hình thực tế được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Bộ Công An. Chương trình gồm các thử thách và tình huống mô phỏng các nhiệm vụ nghiệp vụ đặc thù mang đến những thước phim chân thật về lực lượng bảo vệ bình yên cho người dân. Thông qua việc tài trợ chương trình, OCB mong muốn:

- Tôn vinh những nỗ lực và đóng góp thầm lặng của các cán bộ, chiến sĩ trong công tác giữ gìn an ninh quốc gia.
- Khơi dậy niềm tự hào, tinh thần trách nhiệm và ý thức bảo vệ Tổ quốc trong thế hệ trẻ.
- Góp phần lan tỏa kiến thức hữu ích đến cộng đồng về kỹ năng xử lý tình huống khi xảy ra cháy, tai nạn hay các tình huống khẩn cấp khác.



Đồng hành Triển lãm Thành tựu Đất nước

Nằm trong chuỗi các hoạt động chào mừng 80 năm Quốc khánh 2/9, OCB vinh dự được tham gia Triển lãm Thành tựu Đất nước 2025 (A80): Đồng hành cùng UBND phường An Khánh trong lễ khánh thành không gian triển lãm “Dấu Ấn Vàng Sơn”.

- Được diễn ra từ 28/8 - 15/9/2025, Triển lãm Thành tựu Đất nước 2025 là một trong các hoạt động trọng điểm với mong muốn lan tỏa, quảng bá và tôn vinh những thành tựu nổi bật của đất nước trong 80 năm qua. Triển lãm được diễn ra với quy mô lớn chưa từng có lên đến 600.000m² không gian trong nhà và ngoài trời, quy tụ 34 tỉnh thành, các Bộ, Ban, Ngành và hơn 200 doanh nghiệp hàng đầu, thu hút hơn 10 triệu lượt khách tham quan.
- “Dấu Ấn Vàng Sơn” không chỉ đơn thuần là một không gian triển lãm, mà còn là chuyến tàu đặc biệt đưa người xem ngược dòng kỷ ức, trở về với những trang sử hào hùng của dân tộc. Tại đây, hành trình đất nước được tái hiện một cách sinh động: từ ý chí kiên cường, bất khuất trong công cuộc đấu tranh thống nhất, cho đến những dấu ấn của thời kỳ đổi mới và bước tiến mạnh mẽ trong công cuộc phát triển, hội nhập của Việt Nam hôm nay.



Thông qua việc đồng hành cùng các hoạt động, sự kiện lớn của đất nước, OCB mong muốn đóng góp vào hoạt động tôn vinh và bảo tồn những giá trị văn hóa – lịch sử, đồng thời làm phong phú thêm đời sống tinh thần của cộng đồng. Đây cũng chính là cách OCB lan tỏa những giá trị nhân văn tốt đẹp, khẳng định rõ chiến lược PTBV của Ngân hàng; luôn song hành giữa hoạt động kinh doanh hiệu quả với sứ mệnh xã hội - chung tay xây dựng cộng đồng ngày càng văn minh, bền vững và giàu bản sắc.





4.3.5 An sinh xã hội và Hỗ trợ nhóm yếu thế

Bên cạnh các chương trình trọng điểm, OCB còn triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ trực tiếp đến nhóm yếu thế và các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại nhiều địa phương. Các hoạt động tập trung vào việc trao tặng nhu yếu phẩm, hỗ trợ tài chính khẩn cấp, cải thiện điều kiện sinh hoạt và tiếp cận các dịch vụ thiết yếu như y tế và giáo dục.

Thông qua những hành động thiết thực này, OCB không chỉ kịp thời chia sẻ khó khăn với cộng đồng mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách cơ hội giữa các nhóm xã hội, thúc đẩy tinh bao trùm và nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển. Đây cũng là cách Ngân hàng hiện thực hóa cam kết PTBV theo định hướng tăng trưởng đi đôi với công bằng xã hội, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau.

Dự án OCB Warm Project – Giảm sinh yếu thương

- Chương trình được tổ chức với nhiều hoạt động ý nghĩa, không chỉ dừng lại ở các phiên chợ nội bộ gây quỹ cuối năm. Chương trình đã trao tặng 460 phần quà thiết thực cho các hoàn cảnh khó khăn tại mái ấm tình thương dành cho các em nhỏ và người khuyết tật tại TP.HCM vào ngày 25/12/2025



CHƯƠNG

07

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

Là một phần trong kế hoạch giúp OCB gia tăng nhận diện thương hiệu tại các khu vực kinh tế trọng điểm, đồng thời góp phần vào việc phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế địa phương. Mỗi chi nhánh và phòng giao dịch là một mắt xích quan trọng trong việc xây dựng mạng lưới ngân hàng, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ tài chính chất lượng.

Tất cả điểm giao dịch mới của OCB đều được thiết kế hiện đại theo quy chuẩn nhận diện thương hiệu. OCB kỳ vọng bên cạnh mục tiêu khai thác và phục vụ tốt hơn thị trường dịch vụ ngân hàng bản lẻ đầy tiềm năng, các CN/PGD sẽ đồng hành cùng sự thịnh vượng của người dân và doanh nghiệp thông qua việc tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng dễ dàng tiếp cận nguồn vốn, thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn cùng các giải pháp tài chính thông minh, linh hoạt khác tại địa phương.

Trong năm 2025, OCB cũng đã tiến hành **đi đổi trụ sở 9 CN/PGD** nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ. Các CN/PGD đi đổi bao gồm: **PGD Sóng Đốc, PGD Tân Châu, PGD Cẩm Phả, PGD Uông Bi, CN Nghệ An, PGD Minh Khai, PGD Lý Thường Kiệt, PGD Hoàng Văn Thụ, PGD Eatam.**

Không chỉ vậy, OCB đã cho ra mắt **Trung tâm Khách hàng ưu tiên (HUB Priority)** - một không gian sang trọng được thiết kế theo mô hình dịch vụ cao cấp, đề cao sự riêng tư và cá nhân hóa, nơi đây sẽ mang đến cho khách hàng cảm giác thư thái và tinh tế bởi từng chi tiết - từ cách bày trí đến phong cách phục vụ. HUB Priority được đặt tại Hội Sở OCB, The Hallmark - tòa nhà văn phòng hạng A+ hiện đại nằm ở trung tâm tài chính - thương mại mới của thành phố. Đây là bước khởi đầu của hành trình mở rộng mô hình này trên toàn quốc, hướng đến việc hình thành hệ sinh thái dịch vụ cao cấp đồng nhất, chuyên nghiệp và xứng tầm quốc tế.





Tính đến 31/12/2025, OCB sở hữu mạng lưới hoạt động gồm:

01 Hội sở

62 Chi nhánh

113 Phòng Giao dịch

Với mạng lưới hoạt động hiện diện trên cả nước, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đến giao dịch và sử dụng các dịch vụ của ngân hàng. Trong năm 2026, OCB sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch di dời trụ sở các chi nhánh và phòng giao dịch. Với định hướng "**Lấy khách hàng làm trọng tâm**", ngân hàng sẽ không ngừng cải tiến và phát triển hệ thống, đảm bảo phục vụ khách hàng một cách nhanh chóng, hiệu quả và chuyên nghiệp nhất.

Tên	Địa chỉ
HỘI SỞ	Tòa nhà The Hallmark, số 15 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh
CN TP. HỒ CHÍ MINH	Một phần tầng trệt và một phần tầng 7, Cao ốc 123, số 123-127 Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh
PGD CỘNG HÒA	Số 341 đường Cộng Hòa, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
PGD NGUYỄN THÁI BÌNH	Số 194 Nguyễn Công Trứ, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh
PGD NAM SÀI GÒN	Số 950B - 950C đường Tạ Quang Bửu, phường Bình Đông, thành phố Hồ Chí Minh
PGD BẠCH ĐẰNG	Một phần tầng trệt và một phần tầng lửng căn nhà số 117 - 119 Bạch Đằng, phường Gia Định, thành phố Hồ Chí Minh
PGD NGUYỄN VĂN TRỖI	Một phần nhà số 157 Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
CN BẾN THÀNH	Một phần tầng trệt, Tòa nhà Golden Tower, Số 06 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh
PGD THANH MỸ LỢI	Một phần căn nhà số 36 đường Tạ Hiện, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh
PGD KINH TẾ	Số 135 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh
PGD QUẬN 9	Số 95 Đường Nguyễn Văn Tăng, phường Long Bình, thành phố Hồ Chí Minh
PGD TRUNG SƠN	Tầng trệt, tầng lửng và lầu 1 số 20 - 22 đường số 9A, khu dân cư Trung Sơn, ấp 4B, xã Bình Hưng, thành phố Hồ Chí Minh
CN PHÚ NHUẬN	Số 146 Lê Văn Sỹ, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
PGD PHAN XÍCH LONG	Số 173 Phan Xích Long, phường Cầu Kiệu, thành phố Hồ Chí Minh
PGD CỬ CHI	Số 93 Tinh Lộ 8, xã Tân An Hội, thành phố Hồ Chí Minh
PGD HỌC MÔN	Một phần căn nhà số 46/1B đường Lý Thường Kiệt, xã Học Môn, thành phố Hồ Chí Minh
CN CHỢ LỚN	Số 419 - 421 An Dương Vương, phường Chợ Quái, thành phố Hồ Chí Minh
PGD PHÚ THỌ	Một phần căn nhà số 347 đường Lê Đại Hành, phường Phú Thọ, thành phố Hồ Chí Minh
PGD LÝ THƯỜNG KIỆT	Số 276 và 278 Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, thành phố Hồ Chí Minh
PGD NGUYỄN TRI PHƯƠNG	Tầng trệt tòa nhà B1 - 279 Nguyễn Tri Phương, phường Diên Hồng, thành phố Hồ Chí Minh
PGD SÀI GÒN	Số 159 Tô Hiến Thành, phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh
CN GIA ĐỊNH	Tầng trệt, 24C Phan Đăng Lưu, phường Gia Định, thành phố Hồ Chí Minh
PGD GÒ VẤP	Số 588-590 Phan Văn Trị, phường Hạnh Thông, thành phố Hồ Chí Minh
PGD PHẠM NGỌC THẠCH	17 Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh
PGD QUANG TRUNG HCM	Một phần căn nhà số 311 và toàn bộ căn nhà số 313 Quang Trung, phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
PGD PHỐ QUANG	GM-119D và GM-119E Dự án Golden Mansion, số 119 Phố Quang, phường Đức Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
CN PHÚ LÂM	Số 277 - 279 đường Nguyễn Văn Lương, phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh

Tên	Địa chỉ
PGD HÒA BÌNH	Số 270 - 272 đường Hòa Bình, phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
PGD BÌNH TÂN	Số 253 và 255 đường Tân Lúa, phường An Lạc, thành phố Hồ Chí Minh
PGD BÌNH PHÚ	Một phần căn nhà số 177 - 179 đường số 23, phường Bình Phú, thành phố Hồ Chí Minh
PGD NGUYỄN SƠN	Một phần tầng 1 (tầng trệt), tầng 2, tầng 3 và tầng 4 căn nhà số 287 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
CN TÂN THUẬN	Số 252A Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh
PGD PHÚ MỸ HƯNG	Số 0.01, khu dân cư đa hợp tại địa chỉ số 89 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh
CN THỦ DỨC	Số 751A đường Kha Vạn Cân, phường Linh Xuân, thành phố Hồ Chí Minh
PGD CÁT LÀI	Số 286 Nguyễn Thị Định, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh
CN TÂN BÌNH	Số 435G - 435H Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh
PGD TÂN PHÚ	Số 829A và một phần nhà số 827A đường Lũy Bán Bích, phường Phú Thọ Hòa, thành phố Hồ Chí Minh
CN QUẬN 4	Số 39 - 41 Hoàng Diệu, phường Xóm Chiếu, thành phố Hồ Chí Minh
PGD THỦ THIÊM	Một phần căn nhà số 14-16 Trần Nãi, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh
CN BẠC LIÊU	Số 442 Trần Phú, khóm 21, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
PGD TRẦN PHÚ	B7-B9 Trung tâm thương mại, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
PGD HỘ PHÒNG	Số 275, Quốc Lộ 1A, khóm Hộ Phòng, phường Giá Rai, tỉnh Cà Mau
PGD GÀNH HẠO	Ấp 3, đường Phan Ngọc Hiển, xã Gành Hào, tỉnh Cà Mau
PGD PHƯỚC LONG	Ấp Long Thành, xã Phước Long, tỉnh Cà Mau
CN SÓC TRĂNG	Số 53 đường Trần Hưng Đạo, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ
PGD LONG PHÚ	Số 203 Đoàn Thế Trung, Ấp 4, xã Long Phú, thành phố Cần Thơ
CN CÀ MAU	Số 137K đường Nguyễn Tất Thành, khóm 1, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau
PGD PHAN NGỌC HIỂN	Số 90 và 90B, đường Trần Hưng Đạo, khóm 21, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
PGD SÔNG ĐỐC	Đường số 6, Ấp 10, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau
PGD ĐẮM DƠI	Số 38, 39, đường Dương Thị Cẩm Vân, ấp 4, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
CN KIÊN GIANG	Số 281 đường Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
PGD PHÚ QUỐC	Số 56 Nguyễn Trung Trực, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang
PGD RẠCH SÓI	Lô L4-15 và L4-16 đường Mai Thị Hồng Hạnh, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
PGD RẠCH GIÁ	Số 223 - 225 Trần Phú và số 86/7 - 86/9 Nguyễn Hùng Sơn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

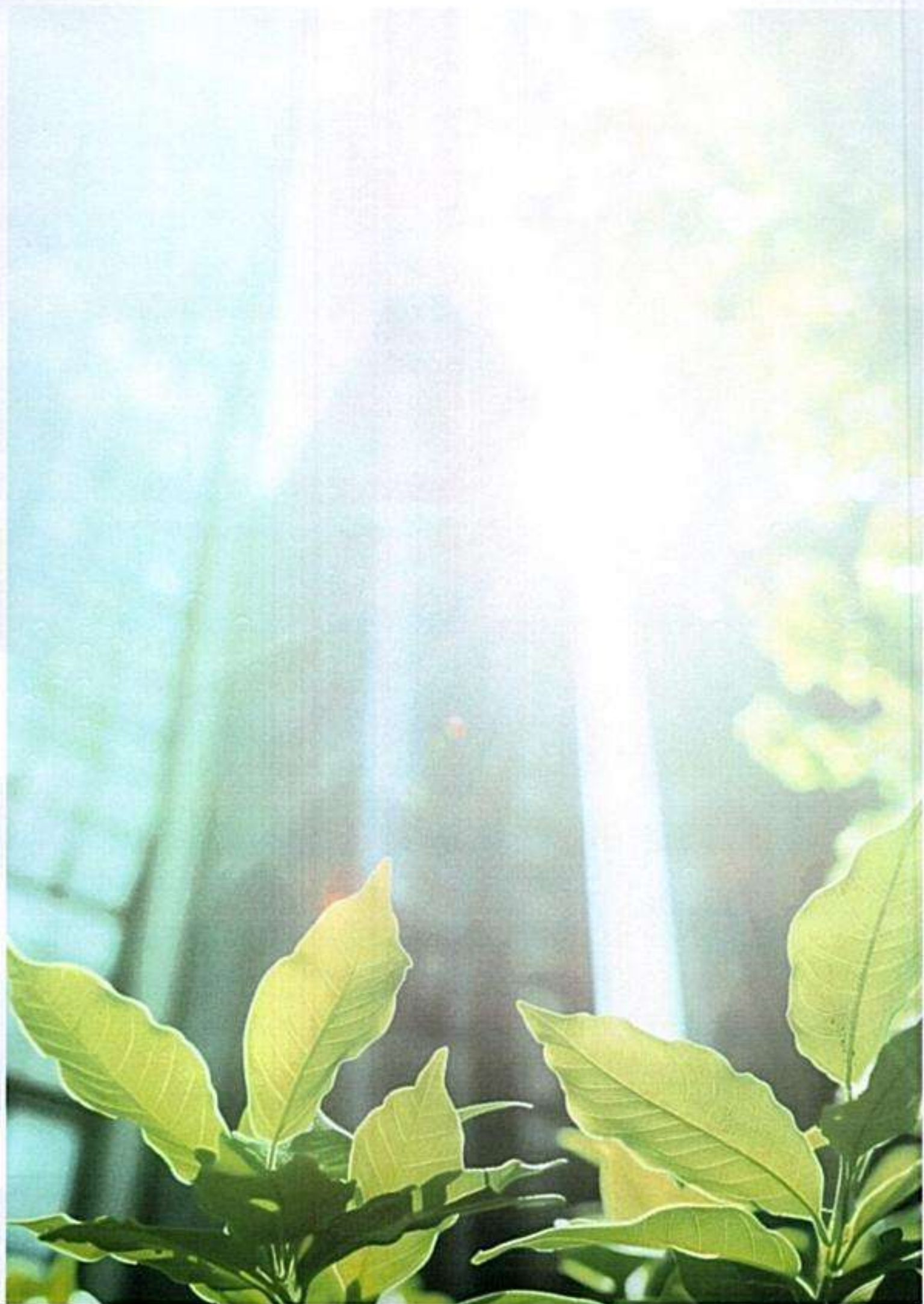
Tên	Địa chỉ
CN CẦN THƠ	Tầng 1 và 2 Tòa nhà Hòa Bình Building, số 14-16B Hòa Bình, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
PGD NGUYỄN VĂN CỬ	Số 69-AA và số 71-AA, KDC Cái Sơn - Hàng Bàng, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ
PGD AN HÒA	Số 153-155 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ
PGD THỐT NỐT	Số 150 Quốc lộ 91, khu vực Phụng Thạnh 1, phường Thuận Hưng, thành phố Cần Thơ
PGD TRẦN HƯNG ĐẠO	Số 67 - 69 đường Trần Hưng Đạo, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
CN VINH LONG	Số 81-83 đường Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long
PGD VŨNG LIÊM	Số 168 và 170 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, ấp 2, xã Trung Thành, tỉnh Vinh Long
CN ĐỒNG THÁP	Số 109-111-113 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp
PGD SA ĐÉC	Một phần tầng trệt căn nhà số 166 và số 168, Hùng Vương, khóm Kiến An, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
CN AN GIANG	Số 54 Trần Hưng Đạo, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
PGD TÂN CHÂU	Số 208 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân Châu, tỉnh An Giang
PGD CHÂU ĐỐC	Số 76 - 78 Nguyễn Văn Thoại, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang
PGD THOẠI SƠN	Số 499 - 501 Nguyễn Huệ, Ấp Đồng Sơn 2, xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang
CN HẬU GIANG	P01 - 20 Vincom Shophouse Vj Thanh, số 1 đường 3/2, phường Vj Tân, thành phố Cần Thơ
CN LONG AN	Số 202-204 Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh
PGD BẾN LÚC	Số 188-190 Nguyễn Hữu Thọ, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh
PGD ĐỨC HÒA	Số 200C Khu Vực 3, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh
PGD CẦN GIUỘC	Số 75 Quốc lộ 50, xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh
CN BÌNH DƯƠNG	Số 233 Đại lộ Bình Dương, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh
PGD DĨ AN	Số 30 đường số 9, khu đô thị Trung tâm hành chính phường Dĩ An, phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh
PGD THUẬN AN	Số 141 Bis khu phố Đồng Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Hồ Chí Minh
PGD TÂN UYÊN	Số 49 đường ĐT 746, phường Tân Khánh, thành phố Hồ Chí Minh
PGD BẾN CÁT	Lô C10 và Lô C11, Khu dân cư Mỹ Phước 4 - Khu A, phường Bến Cát, thành phố Hồ Chí Minh
CN ĐỒNG NAI	K27-K50, đường Võ Thị Sáu, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
PGD BIÊN HÒA	Số 34D-34E, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
PGD TÂN HIỆP	Lô 25-26, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai
PGD TRẮNG BOM	Số B21-B22 Nguyễn Hữu Cánh, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Tên	Địa chỉ
CN ĐÀ NẴNG	Một phần Tầng 1, Tầng lửng và Tầng 2 của Tòa nhà tại địa chỉ số 224 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng
PGD HẢI CHÂU	Số 92 Chi Lăng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
PGD HÒA KHÁNH	Số 79 và 81 Nguyễn Sinh Sắc, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng
PGD 2 THÁNG 9	Số 86 đường 2 tháng 9, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
PGD THANH KHÊ	Số 135 Điện Biên Phủ, tổ 67, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
PGD HÒA XUÂN	Số 45 - 47 - 49 đường Nguyễn Phước Lan, phường Hoà Xuân, thành phố Đà Nẵng
PGD SƠN TRÁ	Số 1011 - 1013 đường Ngô Quyền, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng
CN KHÁNH HÒA	Số 89 - 89A Yersin, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
PGD 23 THÁNG 10	Số 406 đường 23 tháng 10, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
PGD HOÀNG DIỆU	Số 38 đường 6C, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
PGD CAM RANH	Số 84 đường 22 tháng 8, phường Cam Linh, tỉnh Khánh Hòa
CN ĐẮK LẮK	Số 269 đường Lê Hồng Phong, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
PGD EA HLEO	Số 570 - 572 đường Giải Phóng, xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk
PGD BUỒN MA THUẬT	Số 37 đường Lý Tự Trọng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
PGD EAKAR	Số 101 Nguyễn Tất Thành, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk
CN QUẢNG NAM	Lô D41-42 đường Lê Duẩn, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng
PGD HỘI AN	Số 540 đường Hai Bà Trưng, phường Hội An Tây, thành phố Đà Nẵng
PGD ĐIỆN BÀN	Số 34 Trần Nhân Tông, khối 4, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng
CN HÀ NỘI	Số 28 Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội
PGD TRĂNG AN	Một phần tầng 01 và một phần tầng 08 Tòa nhà Sông Hồng, số 165 phố Thái Hà, phường Đồng Đa, thành phố Hà Nội
PGD ĐÔNG ĐÔ	Tầng 01, tầng 02 và tầng 03 tòa nhà 86-88 Đông Các, phường Đồng Đa, thành phố Hà Nội
PGD SAO VIỆT	Tầng 1 Tòa nhà HH4 Song Da Twin Tower, đường Phạm Hùng, phường Tứ Liễm, thành phố Hà Nội
PGD VĂN QUÂN	Một phần tầng 1 và một phần tầng 5, Tòa nhà New SkyLine, Lô CC2, Khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội
CN THĂNG LONG	Tòa nhà số 66A phố Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội
CN HẢI PHÒNG	Một phần tầng 1, tầng 2, tầng 3 và tầng 4, Số 94 Trần Phú, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng
PGD NGÔ QUYẾN	Thửa 11, Lô 22B, Khu đô thị Ngã Năm sân bay Cát Bi, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng
PGD LẠCH TRAY	Số 195-197 Lạch Tray, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng

Tên	Địa chỉ
PGD LÊ CHÂN	Số 2780-278H Trần Nguyên Hân, phường An Biên, thành phố Hải Phòng
CN BÀ RỊA VŨNG TÀU	Số 148 Lê Hồng Phong, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh
PGD BÀ RỊA	Số 233 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
PGD RẠCH DỪA	375 đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố Hồ Chí Minh
PGD PHÚ MỸ	Số 292 đường Độc Lập, phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh
CN QUẢNG NINH	Ô số 3 và ô số 4, Lô A1- Khu nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại thấp tầng, đường 25/4, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh
PGD CẨM PHẢ	Số 505 - 507 - 509 Trần Phú, phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
PGD UÔNG BÌ	Số 277 Quang Trung, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
PGD BÀI CHÁY	Tầng 1, 2, 3, số 486A, đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh
CN THANH HÓA	Một phần tầng 1, tầng lửng, tầng 2 và tầng 3 của Lô 01-02, dự án Hạc Thành Tower, đường Phan Chu Trinh, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
PGD TÂN SƠN	Một phần Tầng 1, tầng 2 và tầng 3 của tòa nhà, Lô 24-25 đường Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
PGD QUANG TRUNG	Tầng 1 và tầng 2 của tòa nhà 301 Lạc Long Quân, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
PGD LAM SƠN	Số 380 Lê Lai, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
CN NGHỆ AN	Lô LK4-01+02, khu chung cư Quang Trung, đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
PGD VINH	Lô A-19, khu dân cư Golden City 10, đường Mai Hắc Đế, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An
PGD HUNG DŨNG	Một phần tầng 1 và tầng 2, số 118 đường Nguyễn Phong Sắc, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
PGD DIỄN CHÂU	Số 28, tổ 3, khối 3, xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
CN QUẢNG NGÃI	Số 134 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
PGD BÌNH SƠN	Số 332 Phạm Văn Đồng, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
PGD SÔNG VỆ	Số 17 - 19 Phạm Văn Đồng, xã Vệ Giang, tỉnh Quảng Ngãi
CN LẠNG SƠN	Số 483, đường Bà Triệu, khối 4, phường Đồng Kinh, tỉnh Lạng Sơn
CN BẮC NINH	Số 10, đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh
PGD TỬ SƠN	Tầng 1 và tầng 2, Số 444-446 đường Trần Phú, phường Tử Sơn, tỉnh Bắc Ninh
CN NINH BÌNH	Số 850, đường Trần Hưng Đạo, phố Tân Khang, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
PGD NINH SƠN	Số 718 đường Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
PGD GIA VIỄN	Khu tái định cư, đường Hồng Dân, Phố Mới, xã Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
PGD KIM SƠN	Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 20, xã Phát Diệm, tỉnh Ninh Bình

Tên	Địa chỉ
CN THÁI NGUYÊN	Số 25, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên
PGD PHỐ YÊN	Số 173 đường Trường Chinh, phường Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên
CN PLEIKU	Số 40C Hùng Vương, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai
PGD BIỂN HỒ	Số 12 Võ Văn Kiệt, tổ 7, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai
PGD CHƯ SÊ	Một phần căn nhà 783A đường Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai
PGD ĐAK ĐOA	Số 408 đường Nguyễn Huệ, tổ dân phố 5, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai
CN VINH PHÚC	Một phần tầng 1 và tầng 2, Số 392 Mã Linh, phường Vinh Phúc, tỉnh Phú Thọ
CN BÌNH ĐỊNH	Số 463 đường Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
PGD QUY NHƠN	Số 109 đường Tây Sơn, khu vực 5, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai
CN LONG BIÊN	Số 127 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội
PGD TIMES CITY	Sân thương mại S0-01, nhà T01, khu đô thị Vinhomes Times City - Số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội
PGD TRUNG YÊN	Tầng 1, tòa nhà E1, khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
CN CẦU GIẤY	Tầng 1 và tầng 2 số 69 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
CN TÂY NINH	Số 348 đường 30 tháng 4, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh
PGD TRĂNG BÀNG	Số A2 - A3, khu phố thương mại phường Trảng Bàng, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
PGD HÒA THÀNH	Số 35 - 37 đường Hùng Vương, phường Long Hoa, tỉnh Tây Ninh
CN NAM ĐỊNH	Số 256 Quang Trung, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình
PGD HẢI HẬU	Số 128 TDP số 1, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
PGD Ý YÊN	Thửa đất số: M 51, 52, 53, 54, tờ bản đồ số: Bản đồ OH cụm CN làng nghề phía Nam thị trấn Lãm, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
CN ĐÀ LẠT	Số 24 Hai Bà Trưng, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
PGD BẢO LỘC	Số 294D đường Trần Phú, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
CN LINH ĐÀM	Số 10-BT1, khu nhà ở Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội
PGD VÂN PHÚ	DV01-T1, DV02-T1, DV05-T1, DV08-T1 và DV07-T1 Tòa chung cư kết hợp dịch vụ H-CT1 thuộc dự án khu nhà ở Hi Brand, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội
PGD TÂY HÀ NỘI	Tầng 1 và tầng 2 nhà liền kề LK11A-02 Khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội
PGD PHƯƠNG MAI	Tầng 1, tầng 2, tầng 3, số 75 Phương Mai, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội
CN HUẾ	Số 117 Nguyễn Huệ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế
CN HÀ THÀNH	Một phần tầng 1 và một phần tầng 8, tòa nhà số 265 Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tên	Địa chỉ
PGD TRUNG HÒA	Tầng 1 và tầng 2, The Golden Palm, đường Lê Văn Lương, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
CN HƯNG YÊN	Tầng 01, số 76, 78 và 80 đường Nguyễn Bình, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
CN HÀ NAM	Số 260 Lê Công Thanh, phường Phú Lý, tỉnh Ninh Bình
CN BẮC GIANG	Tầng 1, tầng 2 và tầng 3, số 273 Nguyễn Thị Lưu, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh
CN BÌNH THUẬN	Số 349 Trần Hưng Đạo, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng
CN THÁI BÌNH	Shophouse Vincom PG 1-17 đường Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên
CN HÀ TĨNH	Số 22 - 24, đường Trần Phú, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh
CN PHÚ YÊN	Số 294 Trần Hưng Đạo, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk
CN BÌNH PHƯỚC	Số 482 Khu TĐC Quốc lộ 14, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai
CN LÃO CAI	Lô 9 và Lô 10, khu shophouse và nhà ở cao cấp CIC Luxury Lào Cai, số 254 đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai
CN PHÚ THỌ	Một phần căn nhà số 2049 - 2051, đường Đại Lộ Hùng Vương, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
CN QUẢNG BÌNH	Số 224 đường Trần Hưng Đạo, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
CN ĐẮK NÔNG	Một phần mặt bằng số 74, đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Bắc Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng
CN NINH THUẬN	Số 38 đường 18 tháng 4, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa



 **CHƯƠNG**

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ THUYẾT MINH



1	2	3
4	5	6
7	8	9
10	11	12
13	14	15
16	17	18

5.42 0.58 6.02

9.42 3.56 7.43



3.45
2.58
6.58
12.3

3.45 2.58 6.58 12.3



THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép/Quyết định Thành lập và Hoạt động số

0061/NH-GP
1810/QĐ-QLGS5
3151/QĐ-NHNN

ngày 13 tháng 4 năm 1996
ngày 31 tháng 7 năm 2025
ngày 16 tháng 9 năm 2025

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0061/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp có thời hạn 99 năm kể từ ngày 13 tháng 4 năm 1996. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là Quyết định số 3151/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp số

0300852005

ngày 10 tháng 5 năm 1996

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Ngân hàng đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300852005 ngày 8 tháng 12 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tuấn
Ông Yoshizawa Toshiki
Bà Trịnh Thị Mai Anh
Ông Ngô Hà Bắc
Ông Phan Trung
Ông Segawa Mitsuhiro

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Thành viên độc lập
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Thành viên
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Thành viên
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Thành viên độc lập
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Thành viên độc lập
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ông Dương Kỳ Hiệp

Ông Kato Shin

Ông Nguyễn Đình Tùng

Ông Phạm Tri Nguyên

Ông Bùi Minh Đức

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Thanh Huyền

Bà Nguyễn Thị Thủy Minh

Bà Đặng Thị Quý
Ông Phạm Quang Vinh
Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Nguyễn Trọng Hải

Trưởng Ban
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Trưởng Ban
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Thành viên
(từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Hồng Hải	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Bá Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 2 năm 2026)
	Bà Huỳnh Lê Mai	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 7 năm 2025)
	Ông Trương Đình Long	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 9 tháng 1 năm 2025)
Kế toán trưởng	Bà Nguyễn Văn Anh	Kế toán trưởng
Người đại diện theo pháp luật	Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Trụ sở chính	Tòa nhà The Hallmark 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là "OCB") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 101 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của OCB tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của OCB cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng cho rằng OCB sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Phạm Hồng Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2026





Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "OCB"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 101.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG, một chi nhánh của Công ty TNHH KPMG, một công ty khách hàng
tư nhân với thành viên được 50% là công dân Việt Nam và 50% là công dân nước ngoài đã được nhận cấp giấy
cấp công ty KPMG đầu tiên từ năm 2000 (KPMG International Limited), một công ty khách hàng của KPMG
theo pháp luật được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG


Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND (đã điều chỉnh lại)
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt và vàng	4	1.160.353.537.112	787.773.771.826
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	2.883.240.107.112	2.377.473.012.237
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	53.061.333.717.576	39.126.199.257.631
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		52.951.606.717.576	38.922.550.757.631
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		109.727.000.000	203.648.500.000
IV Chứng khoán kinh doanh	7	50.765.500.000	-
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	18	88.476.577.033	-
VI Cho vay khách hàng		195.190.887.725.518	168.295.145.827.686
1 Cho vay khách hàng	8	198.764.945.826.810	170.844.469.638.663
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(3.574.058.101.292)	(2.549.323.810.977)
VII Hoạt động mua nợ	10	4.205.191.220.572	5.041.128.156.935
1 Mua nợ		4.236.968.484.204	5.079.222.324.368
2 Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(31.777.263.632)	(38.094.167.433)
VIII Chứng khoán đầu tư	11	58.355.283.948.524	52.589.033.787.156
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		57.068.503.060.644	52.635.610.527.457
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.313.209.000.824	-
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(26.428.112.944)	(46.576.740.301)
X Tài sản cố định		694.141.350.833	630.506.628.479
1 Tài sản cố định hữu hình	12	298.311.967.113	341.299.885.196
a Nguyên giá		935.691.076.302	897.989.633.453
b Giá trị hao mòn lũy kế		(637.379.109.189)	(556.689.748.257)
3 Tài sản cố định vô hình	13	395.829.383.720	289.206.743.283
a Nguyên giá		793.982.357.622	637.354.945.135
b Giá trị hao mòn lũy kế		(398.152.973.902)	(348.148.201.852)
XII Tài sản Có khác		7.259.805.882.833	7.639.594.084.311
1 Các khoản phải thu	14(a)	2.723.578.580.007	2.867.322.167.606
2 Các khoản lãi, phí phải thu	14(b)	3.346.030.161.632	2.778.453.061.157
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		9.154.773.987	-
4 Tài sản Có khác	14(c)	1.210.455.383.434	1.998.618.855.548
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14(d)	(29.413.016.227)	(4.800.000.000)
TỔNG TÀI SẢN		322.949.479.567.113	276.486.854.526.261

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND (đã điều chỉnh lại)	
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15	7.902.618.040.898	3.469.535.552.139
1	Tiền gửi và vay Ngân hàng Nhà nước		6.983.254.160.898	3.469.535.552.139
2	Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		919.363.880.000	-
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	54.809.627.751.675	45.008.281.205.498
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		54.809.627.751.675	43.798.252.294.422
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		-	1.210.028.911.076
III	Tiền gửi của khách hàng	17	150.029.644.383.127	142.459.763.487.912
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	18	-	356.262.657.844
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	6.258.279.454.840	5.942.083.509.395
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	64.670.500.000.000	44.010.712.500.000
VII	Các khoản nợ khác		5.354.132.051.982	3.569.170.180.149
1	Các khoản lãi, phí phải trả	21(a)	3.395.975.004.874	2.654.975.316.203
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21(b)	1.958.157.047.108	913.200.352.654
4	Dự phòng nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng		-	994.511.292
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			289.024.801.682.522	244.815.809.092.937
VIII	Vốn chủ sở hữu	23	33.924.677.884.591	31.671.045.433.324
1	Vốn của tổ chức tín dụng		26.630.522.840.000	24.711.163.507.348
a	Vốn điều lệ		26.630.522.840.000	24.657.891.520.000
c	Thặng dư vốn có phần		-	53.271.987.348
2	Các quỹ		3.323.056.402.919	3.223.626.131.166
5	Lợi nhuận chưa phân phối		3.971.098.641.672	3.736.255.794.810
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			33.924.677.884.591	31.671.045.433.324
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			322.949.479.567.113	276.486.854.526.261

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND	
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
1	Bảo lãnh vay vốn	37	281.839.818.425	89.245.268.842
2	Cam kết giao dịch hối đoái	37	182.797.611.540.637	138.719.544.097.903
	Trong đó:			
	▪ Cam kết mua ngoại tệ		2.893.757.692.890	662.365.672.412
	▪ Cam kết bán ngoại tệ		2.895.639.800.000	663.446.975.491
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ		177.008.214.047.747	137.393.731.450.000
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	37	601.509.002.070	669.334.223.912
5	Bảo lãnh khác	37	12.810.654.631.107	6.161.163.020.259
6	Cam kết khác	37	4.672.128.793.102	2.498.925.000.000
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	38	2.241.743.467.942	1.854.843.084.325
8	Nợ khó đòi đã xử lý	39	16.960.469.937.084	14.880.784.832.530
9	Tài sản và chứng từ khác	40	87.732.304.489.273	68.135.411.858.929

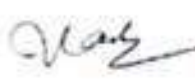
Ngày 17 tháng 3 năm 2026

Người lập



Nguyễn Minh Thanh
Phó Phòng Kế toán

Người kiểm soát



Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt




Phạm Hồng Hải
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B03/TCĐD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	2025 VND	2024 VND (đã điều chỉnh lại)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	21.118.345.862.134	17.954.213.013.236
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(11.869.499.472.499)	(9.347.544.341.743)
I	Thu nhập lãi thuần	24	9.248.846.389.635	8.606.668.671.493
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	1.235.727.193.452	1.073.464.718.082
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(225.127.319.676)	(142.483.258.293)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	1.010.599.873.776	930.981.459.789
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	216.276.066.595	310.954.000.786
IV	(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	(45.400.040.000)	2.250.030.000
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	(228.916.152.847)	(188.421.795.033)
5	Thu nhập từ hoạt động khác	29	1.627.447.027.490	520.751.863.305
6	Chi phí hoạt động khác	29	(239.486.586.187)	(114.101.318.222)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	29	1.387.960.441.303	406.650.545.083
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		372.600.000	-
VIII	Chi phí hoạt động	30	(4.202.555.569.391)	(3.803.760.652.156)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		7.387.183.609.071	6.265.322.259.962
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(2.364.748.456.806)	(2.259.026.320.781)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)		5.022.435.152.265	4.006.295.939.181

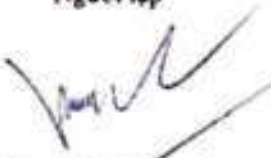
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang từ trang trước)	5.022.435.152.265	4.006.295.939.181
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.021.508.812.227)	(832.872.712.413)
8	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	9.154.773.987	-
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	32 (1.012.354.038.240)	(832.872.712.413)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	4.010.081.114.025	3.173.423.226.768
			(đã điều chỉnh lại)
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	33 1.494	1.180

Ngày 17 tháng 3 năm 2026

Người lập

Nguyễn Minh Thanh
Phó Phòng Kế toán

Người kiểm soát

Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng



Người phê duyệt

Phạm Hồng Hải
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	2025 VND	2024 VND (đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	20.753.432.453.701	17.695.416.911.444
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(11.109.529.678.325)	(11.394.131.834.973)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	808.772.656.816	937.622.856.884
04 Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	(78.188.753.609)	131.716.277.329
05 Thu nhập khác nhận được	242.889.616.203	196.007.091.051
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	1.138.210.516.431	211.356.985.356
07 Tiền chi trả cho nhân viên, hoạt động quản lý	(4.079.491.499.188)	(3.728.914.483.970)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(700.602.138.351)	(852.812.443.202)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	6.975.493.173.678	3.196.261.359.919
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 Giảm các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	93.921.500.000	1.392.653.034.449
10 Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(4.483.658.033.187)	(12.304.212.806.941)
11 (Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(88.476.577.033)	41.473.565.365
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(28.391.431.348.807)	(28.166.325.747.460)
13 Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất	(1.347.325.581.584)	(2.176.894.900.043)
14 Giảm khác về tài sản hoạt động	1.248.492.846.696	460.127.452.031
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
15 Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4.433.082.488.759	3.375.141.098.577
16 Tăng tiền gửi và vay các TCTD khác	9.801.346.546.177	13.968.416.009.731
17 Tăng tiền gửi của khách hàng	7.569.880.895.215	16.513.831.069.353
18 Tăng phát hành giấy tờ có giá	20.659.787.500.000	6.202.387.500.000
19 Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	316.195.945.445	1.583.888.255.582
20 (Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(356.262.657.844)	356.262.657.844
21 Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	686.176.676.091	(2.149.528.487.028)
22 Chi từ các quỹ của TCTD	(5.543.000.000)	(10.462.000.000)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	17.111.680.373.606	2.283.018.061.379

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Theo phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định	(532.727.159.322)	(278.200.437.406)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	42.126.099.818	33.994.594.858
03 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	372.600.000	-
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(490.228.459.504)	(244.205.842.548)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04 Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(1.714.049.093.996)	(28.225.069)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(1.714.049.093.996)	(28.225.069)
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	14.907.402.820.106	2.038.783.993.762
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	42.087.797.541.694	40.049.013.547.932
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 34)	56.995.200.361.800	42.087.797.541.694

Ngày 17 tháng 3 năm 2026

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Nguyễn Minh Thanh
Phó Phòng Kế toán

Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Hải
Tổng Giám đốc





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0061/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp ngày 13 tháng 4 năm 1996 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300852005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10 tháng 5 năm 1996. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300852005 ngày 8 tháng 12 năm 2023. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 13 tháng 4 năm 1996. Theo Quyết định số 1810/QĐ-QLGS5 ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định số 3151/QĐ-NHNN ngày 16 tháng 9 năm 2025 về việc sửa đổi nội dung tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng, NHNNVN đã chấp thuận sửa đổi nội dung địa chỉ trụ sở chính là Tòa nhà The Hallmark, số 15 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh và vốn điều lệ là 26.630.552.840.000 VND.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm:

- hoạt động huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ;
- tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước;
- vay vốn của NHNNVN và của các tổ chức tín dụng khác;
- cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- hùn vốn, liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;
- làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNNVN cho phép;
- đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật; kinh doanh trái phiếu theo quy định của pháp luật;
- cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, tái chiết khấu giấy tờ có giá; phát hành thẻ tín dụng;
- bảo lãnh ngân hàng;
- mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; mở tài khoản thanh toán tại NHNNVN; mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- dịch vụ quản lý tiền mặt; tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; tham gia đấu thầu mua bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNNVN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; dịch vụ môi giới tiền tệ;
- phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu, tín phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNNVN;
- gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNNVN;
- ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNNVN;
- mua nợ, kinh doanh, mua bán vàng miếng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Ngân hàng là 26.630.522.840.000 VND (31/12/2024: 24.657.891.520.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng đã phát hành 2.663.052.284 cổ phiếu phổ thông (31/12/2024: 2.465.789.152 cổ phiếu phổ thông), với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Cổ phiếu của Ngân hàng đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại tòa nhà The Hallmark, số 15 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh và một trăm mười ba (113) phòng giao dịch trên toàn quốc.

(d) Công ty con

Ngân hàng có các công ty con được sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2025	31/12/2024
Công ty TNHH MTV Chuyến tiền Quốc tế Ngân hàng Thương mại Phương Đông	Số 0314327542 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 4 năm 2017	Dịch vụ nhận và chỉ, trả ngoại tệ	100%	100%
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Phương Đông	Số 0318933777 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 4 năm 2025	Quản lý nợ tồn động và xử lý tài sản bảo đảm	100%	-

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng bao gồm Ngân hàng và các công ty con (được gọi chung là "OCB").

(e) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, OCB có 6.909 nhân viên (31/12/2024: 7.026 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các chuẩn mực và quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của OCB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của OCB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của OCB là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

(e) Hình thức sổ kế toán áp dụng

OCB sử dụng phần mềm kế toán để ghi chép giao dịch của mình dưới hình thức sổ cái Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được OCB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của OCB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của OCB tại đơn vị nhận đầu tư. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm thì OCB dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán năm. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(d) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi tại các TCTD khác, trừ tiền gửi thanh toán, và cho vay các TCTD khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác được phản ánh theo giá gốc.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác.

(e) Các công cụ tài chính phái sinh

(i) Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Ngân hàng ký kết các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển giao, điều chỉnh hoặc giảm thiểu rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch do đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm hoặc khi đáo hạn hợp đồng. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn của hợp đồng và tỷ giá giao ngay tại ngày giao dịch được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai và tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(iii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên một hoặc nhiều khoản tiền vốn danh nghĩa. Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền được theo dõi trên tài khoản ngoại bảng tại khoản mục "Hợp đồng hoán đổi lãi suất". Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền trao đổi gốc đầu kỳ và cuối kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, các khoản thu nhập và chi phí với lãi suất tương ứng phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền chỉ trao đổi gốc cuối kỳ mà không trao đổi gốc đầu kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn ngoại tệ. Các hợp đồng này được hạch toán tương tự giống như các hợp đồng kỳ hạn. Các khoản thu nhập và chi phí với lãi suất tương ứng phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(f) Hoạt động mua nợ

(i) Mua nợ

Giá trị khoản mua nợ được ghi nhận là một khoản cho vay theo giá mua theo hợp đồng. Khoản tiền lãi nhận được được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, ngoại trừ khoản tiền lãi phát sinh từ trước khi Ngân hàng mua nợ được ghi giảm giá trị khoản mua nợ.

(ii) Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ

Ngân hàng phân loại các khoản nợ đã mua vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó được phân loại bởi bên bán trước khi mua và trích lập dự phòng theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

(g) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân. Riêng đối với các khoản cho vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), OCB tiến hành xuất toán ra khỏi báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay khách hàng được thực hiện theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(h) **Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng**

(i) **Phân loại nợ**

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của NHNNVN về việc các tổ chức tín dụng duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội); mua hoặc ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM (gọi chung là "trái phiếu chưa niêm yết"); cho vay khách hàng và cho vay các tổ chức tín dụng khác (bao gồm các khoản cho vay, cho thuê tài chính, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, các khoản bao thanh toán, cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng và các khoản trả thay cam kết ngoại bảng); ủy thác cấp tín dụng; các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ, các khoản nợ mua lại, khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ; chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng khác phát hành; các khoản phải thu phát sinh từ giao dịch mua bán miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng (trừ trường hợp mua bán miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do chính Ngân hàng phát hành); các khoản tiền mà ngân hàng hoàn trả đã trả cho thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng theo thư tín dụng trả chậm có điều khoản bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn của thư tín dụng do Ngân hàng phát hành (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 do NHNNVN ban hành quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31"). Ngân hàng thực hiện phân loại nợ hàng tháng dựa trên số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng như sau:

Nhóm		Tình trạng quá hạn
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Khoản nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn; hoặc (c) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 1 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn.
2	Nợ cần chú ý	(a) Khoản nợ quá hạn đến 90 ngày, trừ khoản nợ quy định tại điểm (b) của Nợ đủ tiêu chuẩn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (b) Khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (c) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 2 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn hoặc do khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định.
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; trừ khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (b) Khoản nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (c) Khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận, trừ khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Nhóm	Tình trạng quá hạn
	(d) Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng. (e) Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn hoặc do khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (h) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo yêu cầu của NHNNVN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.
4	Nợ nghi ngờ (a) Khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày, trừ khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (b) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu, trừ khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (c) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn hoặc do khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (h) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 4 theo yêu cầu của NHNNVN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Nhóm	Tình trạng quá hạn
	(d) Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng. (e) Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn hoặc do khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (h) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo yêu cầu của NHNNVN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.
4	Nợ nghi ngờ (a) Khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày, trừ khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (b) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu, trừ khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (c) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn hoặc do khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (h) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 4 theo yêu cầu của NHNNVN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Nhóm	Tình trạng quá hạn
5	Nợ có khả năng mất vốn (a) Khoản nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn theo quy định; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Khoản nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc (i) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 5 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc (j) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 5 theo yêu cầu của NHNNVN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao nhất.

Ngân hàng cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Đối với các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng, Ngân hàng phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn: quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ: quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn: quá hạn từ 90 ngày trở lên.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024 do Chính phủ ban hành quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái ("Nghị định 86"), dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi tháng được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm tại ngày cuối cùng của tháng.

Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Giá trị và giá trị tối đa của tài sản bảo đảm được xác định theo Thông tư 31 và Nghị định 86, theo đó mỗi loại tài sản bảo đảm có tỷ lệ tối đa cho phép nhất định để tính toán dự phòng rủi ro.

Tài sản bảo đảm để khấu trừ khi tính số tiền dự phòng cụ thể phải đáp ứng các điều kiện sau:

- OCB có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm và theo quy định của pháp luật khi khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận;
- Thời gian xử lý tài sản bảo đảm theo dự kiến không quá 01 (một) năm đối với tài sản bảo đảm không phải là bất động sản và không quá 02 (hai) năm đối với tài sản bảo đảm là bất động sản, kể từ khi OCB có quyền thực hiện xử lý tài sản bảo đảm;
- Tài sản bảo đảm phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và pháp luật khác có liên quan; và

Trường hợp tài sản bảo đảm không đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c nêu trên thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải coi bằng 0 (không).

Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Nghị định 86, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác, khoản mua giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng khác phát hành, khoản mua bán lại trái phiếu chính phủ. Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(iii) Xử lý nợ xấu

Theo Nghị định 86, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

(iv) *Phân loại và dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng*

Việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Ngân hàng không trích lập dự phòng cho các khoản cam kết ngoại bảng, trừ khi Ngân hàng được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo cam kết ngoại bảng. Trong trường hợp đó, khoản trả thay này được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(h)(ũ).

(i) **Chứng khoán kinh doanh**

(i) *Phân loại*

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

(ii) *Ghi nhận*

OCB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày OCB trở thành một bên đối tác của hợp đồng mua các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) *Đo lường*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (nếu có). Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập đối với chứng khoán nợ kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá đang ghi nhận trên sổ sách kế toán:

- Đối với các loại chứng khoán nợ kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được xác định theo giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Ngân hàng không trích lập dự phòng cho các chứng khoán này. Ngân hàng không trích lập dự phòng cho trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương được phân loại là chứng khoán kinh doanh.
- Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phụ hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

(iv) *Phân loại và dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng*

Việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Ngân hàng không trích lập dự phòng cho các khoản cam kết ngoại bảng, trừ khi Ngân hàng được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo cam kết ngoại bảng, trong trường hợp đó, khoản trả thay này được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(h)(i).

(i) **Chứng khoán kinh doanh**

(i) *Phân loại*

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

(ii) *Ghi nhận*

OCB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày OCB trở thành một bên đối tác của hợp đồng mua các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) *Đo lường*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (nếu có). Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập đối với chứng khoán nợ kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá đang ghi nhận trên sổ sách kế toán:

- Đối với các loại chứng khoán nợ kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được xác định theo giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Ngân hàng không trích lập dự phòng cho các chứng khoán này. Ngân hàng không trích lập dự phòng cho trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương được phân loại là chứng khoán kinh doanh.
- Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("sàn UPCOM"), giá thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung ("OTC"), giá thị trường được xác định theo giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.
- Đối với chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết khác, trong trường hợp giá thị trường của chứng khoán không có hoặc không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc. Đối với chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, trong trường hợp có cơ sở cho thấy việc suy giảm giá trị thì các chứng khoán này được trích lập dự phòng giảm giá bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế ("TCKT") nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Ngân hàng tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dự phòng rủi ro tín dụng của chứng khoán kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ kinh doanh trong thời gian nắm giữ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi nhận được.

(iv) **Dùng ghi nhận**

Chứng khoán kinh doanh được dùng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(j) **Chứng khoán đầu tư**

(i) **Phân loại**

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) Ghi nhận

OCB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày Ngân hàng trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được xác định tương tự như chứng khoán vốn kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh 3(i)(iii).

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Ngân hàng không trích lập dự phòng cho các chứng khoán này. Ngân hàng không trích lập dự phòng cho trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương được phân loại là chứng khoán đầu tư.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị phân bổ trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 3(h).

Các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Ngân hàng khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và Ngân hàng không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích ngoại trừ lãi từ trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 theo chính sách kế toán trình bày tại Thuyết minh 3(h) được ghi nhận khi thu được (cơ sở thực thu). Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Ngân hàng mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các chứng khoán này không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) **Trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành**

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo Thông tư số 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X(m) = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

- $X(m)$ là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m ;
- X_{m-1} là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ $m - 1$;
- Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- Z_m là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$ thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể ($X(m)$) được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng". Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tái toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào "Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(v) *Dùng ghi nhận*

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc OCB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu các chứng khoán này.

(k) *Các hợp đồng mua lại và bán lại*

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản phải thu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Các khoản phải thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hay giá trị hợp lý của các chứng khoán được mua và giá trị ghi sổ tương ứng của khoản phải thu.

(l) *Tài sản cố định hữu hình*

(i) *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
• phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
• máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
• tài sản cố định hữu hình khác	3 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(m) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất thuê được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 35 - 50 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá thanh toán và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 10 năm.

(n) Tài sản Có khác

(i) Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro, nếu có. Các khoản phải thu này được OCB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(h)(ii).

(ii) Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác.

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng được trích lập theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tồn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, OCB áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

Tình trạng quá hạn

Tỷ lệ dự phòng

Từ 6 tháng đến dưới 1 năm
Từ 1 năm đến dưới 2 năm
Từ 2 năm đến dưới 3 năm
Từ 3 năm trở lên

30%
50%
70%
100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi OCB sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(iii) Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

(o) Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo giá gốc.

(p) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được phản ánh theo giá gốc.

(q) Ủy thác và nguồn vốn ủy thác

Ngân hàng thực hiện các hoạt động nhận ủy thác vốn để đầu tư, cho vay, quản lý giữ hộ tài sản và do đó Ngân hàng nắm giữ, đầu tư tài sản hoặc cho vay thay mặt cho các cá nhân, tổ chức kinh tế hoặc tổ chức tín dụng khác.

Căn cứ trên các điều khoản hợp đồng ủy thác đã ký kết, hoạt động nhận ủy thác của Ngân hàng bao gồm:

Các hoạt động nhận ủy thác mà Ngân hàng không chịu rủi ro

Ngân hàng thực hiện các hoạt động nhận ủy thác quản lý giữ hộ tài sản, nhận ủy thác đầu tư và cho vay mà trong đó, bên ủy thác chịu mọi rủi ro và tổn thất phát sinh đối với hoạt động ủy thác. Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ, nhận ủy thác đầu tư và cho vay không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng. Số vốn nhận từ bên ủy thác nhưng chưa giải ngân được hạch toán là một khoản phải trả khác trên bảng cân đối kế toán. Sau khi giải ngân, Ngân hàng ghi nhận ngoại bảng số vốn nhận ủy thác theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2014.

Các hoạt động nhận ủy thác mà Ngân hàng chịu rủi ro

Các khoản nhận ủy thác mà Ngân hàng chịu rủi ro là các khoản nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay để sử dụng theo các mục đích chi định, Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả vốn này khi đến hạn. Ngân hàng ghi nhận số vốn nhận được là một khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư theo giá gốc, đồng thời ghi nhận, hạch toán các hoạt động đầu tư, cho vay tương ứng vào báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(r) Giấy tờ có giá đã phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giấy tờ có giá đã phát hành được phản ánh theo giá gốc, bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(s) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(t) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại các Thuyết minh 3(h), 3(i), 3(j) và 3(n), một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, OCB có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho OCB từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương bình quân 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc của nhân viên đó.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, OCB và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Bảo hiểm thất nghiệp do OCB đóng cho thời gian làm việc của nhân viên được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, OCB chỉ còn lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho các trường hợp nghỉ theo chế độ thai sản sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(u) Vốn

(i) Vốn điều lệ

Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phiếu đã phát hành. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(v) **Các quỹ dự trữ**

(i) **Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Trước ngày 1 tháng 8 năm 2025

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 ("Luật TCTD") do Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 1 năm 2024, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định mức tối đa

Từ ngày 1 tháng 8 năm 2025

Theo Luật TCTD và Nghị định số 135/2025/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 6 năm 2025 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Không quy định mức tối đa

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật. Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) **Các quỹ dự trữ của công ty con**

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Phương Đông phải thực hiện trích lập các quỹ theo các quy định hiện hành áp dụng đối với Ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh 3(v)(i).

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(v) Các quỹ dự trữ

(i) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Trước ngày 1 tháng 8 năm 2025

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 ("Luật TCTD") do Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 1 năm 2024, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định mức tối đa

Từ ngày 1 tháng 8 năm 2025

Theo Luật TCTD và Nghị định số 135/2025/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 6 năm 2025 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Không quy định mức tối đa

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật. Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ dự trữ của công ty con

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Phương Đông phải thực hiện trích lập các quỹ theo các quy định hiện hành áp dụng đối với Ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh 3(v)(i).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(iii) Các quỹ khác

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ dự trữ bắt buộc. Việc phân bổ từ lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ dự trữ bắt buộc cho các quỹ này phải được Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng phê duyệt.

(w) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của OCB. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận còn lại theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và được ghi nhận trong nợ phải trả của Ngân hàng. Tỷ lệ trích lập do Đại hội đồng Cổ đông của OCB quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(x) Các chỉ tiêu ngoại bảng

(i) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại từng thời điểm, Ngân hàng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt.

Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó các khoản này không thể hiện một cam kết về dòng tiền chắc chắn trong tương lai.

(ii) Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của OCB và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của OCB.

(y) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(h) và các khoản nợ được cơ cấu giữ nguyên Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận khi Ngân hàng thực sự thu được. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(h) hoặc được giữ nguyên Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

(z) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(aa) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm khoản thu phí nhận được từ dịch vụ cho thuê tài sản, dịch vụ thanh toán, dịch vụ bảo lãnh, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác.

Thu nhập từ dịch vụ cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ khác (trừ dịch vụ cho thuê tài sản) được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

(bb) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

(cc) Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (chứng khoán niêm yết) và hoàn tất thỏa thuận chuyển giao tài sản (chứng khoán chưa niêm yết) và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán được bán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của OCB được xác lập. Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, OCB chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(dd) Doanh thu và chi phí bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của NHNNVN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ của bên bán nợ được xử lý như sau:

➤ Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:

- Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của OCB;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong năm của OCB.

Đối với các khoản nợ đang được theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của OCB.

(ee) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(ff) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm kế toán, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(gg) Lãi trên cổ phiếu

OCB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong kỳ, Ngân hàng không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(hh) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của OCB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi OCB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(ii) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận cần báo cáo là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của OCB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của OCB là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của OCB là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(jj) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động của OCB và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, OCB phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được OCB phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, OCB xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà OCB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà OCB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được OCB xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- các khoản được OCB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà OCB có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu;

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được OCB phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, OCB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(kk) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 49/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 49") và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(ll) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của OCB trong năm trước.

4. Tiền mặt và vàng

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt bằng VND	864.235.056.400	707.003.731.700
Tiền mặt bằng ngoại tệ	296.057.760.712	80.678.520.126
Vàng	60.720.000	91.520.000
	1.160.353.537.112	787.773.771.826

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc.

31/12/2025 31/12/2024

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

23. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(b) Vốn điều lệ

31/12/2025		31/12/2024	
Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc trên số dư bình quân thời điểm cuối năm như sau:

	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2025	31/12/2024
	%	%
<i>Đối với tiền gửi của khách hàng:</i>		
• Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
• Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00
• Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
<i>Đối với tiền gửi của các tổ chức tín dụng nước ngoài:</i>		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00	1,00

Lãi suất năm thực tế của tiền gửi tại NHNNVN như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
	%/năm	%/năm
Trong mức dự trữ bắt buộc bằng VND	0,50	0,50
Trong mức dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Vượt mức dự trữ bắt buộc bằng VND	0,00	0,00
Vượt mức dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	0,00	0,00

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn		
• Bằng VND	165.995.210.357	145.970.475.398
• Bằng ngoại tệ	2.893.814.007.219	578.838.282.233
Tiền gửi có kỳ hạn		
• Bằng VND	48.972.225.000.000	35.346.390.000.000
• Bằng ngoại tệ	919.572.500.000	2.851.352.000.000
	52.951.606.717.576	38.922.550.757.631
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
• Bằng VND	109.727.000.000	203.648.500.000
	53.061.333.717.576	39.126.199.257.631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Mức lãi suất tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 %/năm	31/12/2024 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	5,80 - 9,50	3,80 - 5,30
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,05 - 4,15	4,40 - 5,05
Cho vay bằng VND	0,00	4,40 - 4,50

Phân tích chất lượng tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	50.001.524.500.000	38.401.390.500.000

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chứng khoán Nợ		
• Trái phiếu Chính phủ	50.765.500.000	-

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chứng khoán Nợ		
• Đã niêm yết	50.765.500.000	-

8. Cho vay khách hàng

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	198.258.488.546.027	169.237.595.853.438
Các khoản nợ chờ xử lý	400.724.200.374	1.462.490.542.762
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	81.769.369.164	142.985.348.083
Các khoản trả thay khách hàng	23.963.711.245	1.397.894.380
	198.764.945.826.810	170.844.469.638.663

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay khách hàng như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	188.542.923.451.264	160.039.885.864.687
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	3.475.821.455.543	3.933.969.784.987
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	797.210.239.597	1.075.776.805.310
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	1.715.658.267.794	1.710.943.603.143
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	3.832.608.212.238	2.621.403.037.774
Các khoản nợ chờ xử lý đã có tài sản xiết nợ, gán nợ và nợ tổn động có tài sản bảo đảm	400.724.200.374	1.462.490.542.762
	198.764.945.826.810	170.844.469.638.663

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo thời hạn cho vay như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Nợ ngắn hạn	52.861.916.920.020	49.564.199.330.061
Nợ trung hạn	54.011.401.601.074	34.385.606.526.892
Nợ dài hạn	91.891.627.305.716	86.894.663.781.710
	198.764.945.826.810	170.844.469.638.663

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo tiền tệ như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Bảng VND	197.144.958.204.291	170.134.777.810.018
Bảng ngoại tệ	1.619.987.622.519	709.691.828.645
	198.764.945.826.810	170.844.469.638.663

Mức lãi suất cho vay vào thời điểm cuối năm của Ngân hàng như sau:

	31/12/2025 %/năm	31/12/2024 %/năm
Bảng VND	1,25 - 25,00	1,00 - 23,30
Bảng ngoại tệ	4,10 - 7,95	5,30 - 8,90

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Cho vay các tổ chức kinh tế		
• Công ty cổ phần	88.578.814.247.982	74.794.936.414.359
• Công ty trách nhiệm hữu hạn ("TNHH")	50.878.230.843.177	36.169.359.647.824
• Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	866.483.780.685	1.496.462.341.275
• Công ty Nhà nước	195.618.839.381	326.116.983.634
• Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	71.300.733.519	77.819.148.515
• Đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội	31.780.465.059	34.983.929.099
• Doanh nghiệp tư nhân	2.170.439.999	31.050.735.810
	140.624.399.349.802	112.930.729.200.516
Cho vay cá nhân	58.140.546.477.008	57.913.740.438.147
	198.764.945.826.810	170.844.469.638.663

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh doanh như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Hoạt động kinh doanh bất động sản	38.045.493.326.685	28.851.442.834.099
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa mô-tô, ô-tô, xe máy và xe có động cơ khác	37.223.185.684.875	40.809.797.227.319
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	21.784.991.083.429	17.402.254.475.969
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	19.778.502.797.289	19.498.921.372.219
Xây dựng	17.946.218.065.096	6.521.603.613.929
Vận tải kho bãi	14.492.810.797.587	13.541.295.798.436
Công nghiệp chế biến, chế tạo	11.481.559.415.632	9.430.489.967.418
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	11.280.844.695.128	11.970.763.179.128
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	7.743.569.910.382	4.214.788.033.892
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	7.740.535.669.241	6.364.752.796.998
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	4.357.516.891.052	3.372.525.529.573
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.284.878.263.363	523.463.806.362
Hoạt động dịch vụ khác	1.264.070.423.366	1.413.809.158.152
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.214.913.630.542	435.927.395.983
Các ngành khác	3.125.855.173.143	6.492.634.449.186
	198.764.945.826.810	170.844.469.638.663

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

9. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Dự phòng cụ thể VND	Dự phòng chung VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.298.619.483.794	1.250.704.327.183	2.549.323.810.977
Trích lập dự phòng trong năm	2.163.777.088.772	208.282.783.127	2.372.059.871.899
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.129.454.142.947)	-	(1.129.454.142.947)
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro liên quan đến các khoản bán nợ cho VAMC	(217.871.438.637)	-	(217.871.438.637)
Số dư cuối năm	2.115.070.990.982	1.458.987.110.310	3.574.058.101.292
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Dự phòng cụ thể VND	Dự phòng chung VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.418.317.495.091	1.083.831.823.873	2.502.149.318.964
Trích lập dự phòng trong năm	1.998.381.103.495	225.688.288.561	2.224.069.392.056
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.118.079.114.792)	(58.815.785.251)	(2.176.894.900.043)
Số dư cuối năm	1.298.619.483.794	1.250.704.327.183	2.549.323.810.977

10. Hoạt động mua nợ

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Mua nợ bằng VND	4.236.968.484.204	5.079.222.324.368
Dự phòng rủi ro	(31.777.263.632)	(38.094.167.433)
	4.205.191.220.572	5.041.128.156.935

Giá trị nợ gốc và lãi của các khoản nợ đã mua như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Nợ gốc đã mua	4.236.968.484.204	4.834.124.869.855
Lãi của khoản nợ đã mua	-	245.097.454.513
	4.236.968.484.204	5.079.222.324.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phân tích chất lượng dư nợ của hoạt động mua nợ như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	4.236.968.484.204	5.079.222.324.368

Biến động dự phòng rủi ro các khoản nợ đã mua trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	38.094.167.433 (6.316.903.801)	4.131.750.000 33.962.417.433
Số dư cuối năm	31.777.263.632	38.094.167.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

11. Chứng khoán đầu tư

(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chứng khoán Nợ		
• Trái phiếu Chính phủ (i)	16.641.154.536.438	19.132.716.627.953
• Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	38.300.178.015.579	29.050.157.917.998
• Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	2.062.924.507.960	4.387.181.172.359
	57.004.257.059.977	52.570.055.718.310
Chứng khoán Vốn		
• Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	12.928.136.667	14.236.945.147
• Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	51.317.864.000	51.317.864.000
	64.246.000.667	65.554.809.147
	57.068.503.060.644	52.635.610.527.457
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
• Dự phòng giảm giá	(10.956.179.135)	(13.672.881.508)
• Dự phòng chung	(15.471.933.809)	(32.903.858.793)
	(26.428.112.944)	(46.576.740.301)
	57.042.074.947.700	52.589.033.787.156

- (i) Bao gồm trong số dư tại 31/12/2025 có các Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 5 năm đến 20 năm và hưởng lãi suất từ 1,8%/năm đến 7,6%/năm, có giá trị ghi sổ là 13.090.764.127.780 VND được cầm cố tại Sở Giao dịch NHNNVN (31/12/2024: 11.410.074.864.803 VND được cầm cố tại Sở Giao dịch NHNNVN và các TCTD khác) để thực hiện các giao dịch trên thị trường mở.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Biến động dự phòng giảm giá của chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	13.672.881.508	15.974.044.604
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.407.893.893)	(2.301.163.096)
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.308.808.480)	-
Số dư cuối năm	10.956.179.135	13.672.881.508

Biến động dự phòng chung của chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	32.903.858.793	23.668.654.121
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(17.431.924.984)	9.235.204.672
Số dư cuối năm	15.471.933.809	32.903.858.793

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chứng khoán Nợ		
• Đã niêm yết	16.641.154.536.438	19.132.716.627.953
• Chưa niêm yết	40.363.102.523.539	33.437.339.090.357
	57.004.257.059.977	52.570.055.718.310
Chứng khoán Vốn		
• Đã niêm yết	12.928.136.667	-
• Chưa niêm yết	51.317.864.000	65.554.809.147
	64.246.000.667	65.554.809.147
	57.068.503.060.644	52.635.610.527.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	40.363.102.523.539	33.437.339.090.357

(b) Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành		
• Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	1.313.209.000.824	-
• Dự phòng trái phiếu đặc biệt	-	-
	1.313.209.000.824	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TC-TD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

12. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	260.572.746.899	454.020.854.582	181.326.343.085	2.069.688.887	897.989.633.453
Tăng trong năm	4.375.347.485	55.988.533.660	84.616.680	73.900.000	60.522.397.825
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.106.440.014	20.200.435.187	10.661.000.000	665.100.000	43.632.975.201
Phân loại lại	(18.070.706.752)	4.613.078.297	(4.585.531.457)	-	(18.043.159.912)
Thanh lý, nhượng bán	(18.424.672.092)	(8.421.260.276)	(21.564.837.897)	-	(48.410.770.265)
Số dư cuối năm	240.559.155.554	526.401.641.450	165.921.590.411	2.808.688.887	935.691.076.302
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	109.895.200.245	317.558.960.309	127.517.413.749	1.718.173.954	556.689.748.257
Khấu hao trong năm	65.035.350.194	51.192.516.965	12.721.799.733	326.093.568	129.275.760.460
Phân loại lại	(6.598.771.943)	4.644.602.927	(4.732.441.158)	-	(6.686.610.174)
Thanh lý, nhượng bán	(12.290.648.024)	(8.053.803.433)	(21.555.337.897)	-	(41.899.789.354)
Số dư cuối năm	156.041.130.472	365.342.276.768	113.951.434.427	2.044.267.522	637.379.109.189
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	150.677.546.654	136.461.894.273	53.808.929.336	351.514.933	341.299.885.196
Số dư cuối năm	84.518.025.082	161.059.364.682	51.970.155.984	764.421.365	298.311.967.113

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình là các tài sản có nguyên giá 319.634.795.185 VND (31/12/2024: 297.644.086.603 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

12. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	229.212.436.979	398.126.603.213	154.248.405.034	2.069.688.887	783.657.134.113
Tăng trong năm	7.621.171.670	39.474.807.385	21.115.839.400	-	68.211.818.455
Năng cấp trong năm	53.690.458	8.523.876.351	79.852.800	-	8.657.419.609
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	45.352.860.865	23.867.636.655	8.212.750.000	-	77.433.247.520
Thanh lý, nhượng bán	(21.667.413.073)	(15.972.069.022)	(2.330.504.149)	-	(39.969.986.244)
Số dư cuối năm	260.572.746.899	454.020.854.582	181.326.343.085	2.069.688.887	897.989.633.453
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	103.776.368.063	290.116.371.098	118.646.691.281	1.576.830.375	514.116.260.817
Khấu hao trong năm	15.405.942.609	43.072.429.094	11.201.226.617	141.343.579	69.820.941.899
Thanh lý, nhượng bán	(9.287.110.427)	(15.629.839.883)	(2.330.504.149)	-	(27.247.454.459)
Số dư cuối năm	109.895.200.245	317.558.960.309	127.517.413.749	1.718.173.954	556.689.748.257
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	125.436.068.916	108.010.232.115	35.601.713.753	492.858.512	269.540.873.296
Số dư cuối năm	150.677.546.654	136.461.894.273	53.808.929.336	351.514.933	341.299.885.196

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

13. Tài sản cố định vô hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	139.550.154.948	497.804.790.187	637.354.945.135
Tăng trong năm	1.000.000.000	28.406.502.078	29.406.502.078
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	96.520.000.000	15.422.801.497	111.942.801.497
Phân loại lại	18.043.159.912	-	18.043.159.912
Thanh lý, nhượng bán	(2.765.051.000)	-	(2.765.051.000)
Số dư cuối năm	252.348.263.860	541.634.093.762	793.982.357.622
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.915.476.323	345.232.725.529	348.148.201.852
Khấu hao trong năm	163.754.844	49.757.049.520	49.920.804.364
Phân loại lại	-	83.967.686	83.967.686
Số dư cuối năm	3.079.231.167	395.073.742.735	398.152.973.902
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	136.634.678.625	152.572.064.658	289.206.743.283
Số dư cuối năm	249.269.032.693	146.560.351.027	395.829.383.720

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình là các tài sản có nguyên giá 249.524.997.549 VND (31/12/2024: 158.957.385.083 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

13. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	154.535.813.448	426.897.732.694	581.433.546.142
Tăng trong năm	-	8.441.378.429	8.441.378.429
Nâng cấp trong năm	-	20.476.338.293	20.476.338.293
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	41.989.340.771	41.989.340.771
Thanh lý, nhượng bán	(14.985.658.500)	-	(14.985.658.500)
Số dư cuối năm	139.550.154.948	497.804.790.187	637.354.945.135
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.751.722.389	293.657.657.399	296.409.379.788
Khấu hao trong năm	163.753.934	51.575.068.130	51.738.822.064
Số dư cuối năm	2.915.476.323	345.232.725.529	348.148.201.852
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	151.784.091.059	133.240.075.295	285.024.166.354
Số dư cuối năm	136.634.678.625	152.572.064.658	289.206.743.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

14. Tài sản Có khác

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND (đã điều chỉnh lại)
Xây dựng cơ bản dở dang (i)		
• Trụ sở, văn phòng làm việc	2.022.107.741.760	1.784.609.000.099
• Thiết bị và chi phí nâng cấp tài sản thuê	4.558.292.474	57.531.870.043
• Phần mềm máy tính	1.151.123.013	13.814.346.225
• Chi phí sửa chữa, nâng cấp	7.100.709.367	22.357.130.376
	2.034.917.866.614	1.878.312.346.743
Phải thu nội bộ	84.364.086.169	222.785.862.455
Phải thu bên ngoài		
• Phải thu từ dịch vụ thanh toán	203.168.816.470	254.597.174.827
• Tạm ứng án phí	157.596.316.744	110.667.894.361
• Đặt cọc thuê nhà và ký quỹ hoạt động khác	65.427.572.282	63.168.780.509
• Phải thu từ hoạt động bán nợ	64.755.886.106	-
• Phải thu hợp tác đầu tư (*)	20.933.045.052	53.600.286.469
• Thuế phải thu (Thuyết minh 22)	14.396.008.894	42.511.328.763
• Phải thu từ thư tín dụng trả chậm có điều khoản thanh toán ngay	-	131.809.445.394
• Các khoản phải thu khác	78.018.981.676	109.869.048.085
	604.296.627.224	766.223.958.408
	2.723.578.580.007	2.867.322.167.606

(*) Đây là khoản tạm ứng cho một doanh nghiệp khác để xử lý các tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu đã xóa của Ngân hàng theo hợp đồng hợp tác đầu tư với doanh nghiệp này.

(i) Biến động của xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.878.312.346.743	1.917.476.997.184
Tăng trong năm	417.570.933.502	172.413.482.620
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(43.632.975.201)	(77.433.247.520)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(111.942.801.497)	(41.989.340.771)
Chuyển sang tài sản khác	(105.389.636.933)	(92.112.248.770)
Hoàn tiền tài sản	-	(43.296.000)
Số dư cuối năm	2.034.917.866.614	1.878.312.346.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(b) Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lãi phải thu từ hoạt động cho vay khách hàng	1.715.630.818.228	1.597.109.358.864
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	1.240.147.890.411	1.021.767.938.656
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	144.144.599.762	44.109.840.385
Lãi phải thu từ tiền gửi và cho vay các TCTD khác	39.648.525.933	111.671.287.996
Phí phải thu	206.458.327.298	3.794.635.256
	3.346.030.161.632	2.778.453.061.157

(c) Tài sản Có khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tài sản gán nợ đang chờ xử lý	854.112.219.840	1.657.379.225.773
Chi phí chờ phân bổ	324.063.572.964	269.472.942.785
Vật liệu, dụng cụ lao động	32.017.385.096	71.467.759.288
Các tài sản Có khác	262.205.534	298.927.702
	1.210.455.383.434	1.998.618.855.548

(d) Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Số dư đầu năm	4.800.000.000	4.800.000.000
Trích lập trong năm	24.613.016.227	-
Số dư cuối năm	29.413.016.227	4.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

15. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
▪ Vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá ("GTCG")	6.928.146.944.971	3.393.187.130.601
▪ Vay theo hồ sơ tín dụng	55.107.215.927	76.348.421.538
▪ Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước	919.363.880.000	-
	7.902.618.040.898	3.469.535.552.139

Mức lãi suất tiền vay Ngân hàng Nhà nước vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 %/năm	31/12/2024 %/năm
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các GTCG	4,50	3,90
Vay theo hồ sơ tín dụng	3,20	3,30
Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước	4,50	Không phát sinh

Kỳ hạn tiền vay Ngân hàng Nhà nước vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các GTCG	7 ngày - 28 ngày	14 ngày
Vay theo hồ sơ tín dụng	8 năm	8 năm
Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước	14 ngày	Không phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

16. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

(a) Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
▪ Bảng VND	8.434.251.675	7.090.294.422
Tiền gửi có kỳ hạn		
▪ Bảng VND	51.622.100.000.000	39.666.885.000.000
▪ Bảng ngoại tệ	3.179.093.500.000	4.124.277.000.000
	54.809.627.751.675	43.798.252.294.422

(b) Vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Vay các TCTD khác		
▪ Bảng VND	-	1.188.082.692.211
Trong đó:		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu	-	956.327.000.000
▪ Bảng ngoại tệ	-	21.946.218.865
	-	1.210.028.911.076

Mức lãi suất tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 %/năm	31/12/2024 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VND	5,85 - 9,60	3,80 - 5,40
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	3,70 - 4,05	4,40 - 5,00
Tiền vay các TCTD khác bằng VND	Không phát sinh	5,68 - 6,53
Tiền vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	Không phát sinh	5,70 - 6,58

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

17. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi không kỳ hạn	14.828.557.948.068	20.503.229.225.661
• Bảng VND	13.796.276.035.369	19.722.302.744.274
• Bảng ngoại tệ	1.032.281.912.699	780.926.481.387
Tiền gửi có kỳ hạn	45.748.411.273.826	40.144.911.626.520
• Bảng VND	45.264.453.403.826	40.043.703.905.620
• Bảng ngoại tệ	483.957.870.000	101.207.720.900
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	19.293.038.568	17.220.757.145
• Bảng VND	3.283.816.004	3.349.777.677
• Bảng ngoại tệ	16.009.222.564	13.870.979.468
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	88.666.744.279.655	81.103.678.377.792
• Bảng VND	88.254.168.460.629	80.716.126.103.537
• Bảng ngoại tệ	412.575.819.026	387.552.274.255
Tiền gửi vốn chuyên dùng	418.384.807.119	276.235.311.368
• Bảng VND	262.652.812.564	10.748.156.585
• Bảng ngoại tệ	155.731.994.555	265.487.154.783
Tiền gửi ký quỹ	348.253.035.891	414.488.189.426
• Bảng VND	347.769.472.123	413.402.104.357
• Bảng ngoại tệ	483.563.768	1.086.085.069
	150.029.644.383.127	142.459.763.487.912

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	46.202.811.172.656	50.802.952.856.916
• Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	27.302.840.596.873	39.152.601.974.072
• Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	15.876.078.622.930	8.029.101.082.926
• Doanh nghiệp quốc doanh	1.170.447.899.014	2.073.746.792.397
• Tổ chức kinh tế tập thể	1.853.444.053.839	1.547.503.007.521
Tiền gửi của cá nhân	103.285.329.668.560	90.599.696.796.955
Tiền gửi của các đối tượng khác	541.503.541.911	1.057.113.834.041
	150.029.644.383.127	142.459.763.487.912

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Mức lãi suất tiền gửi khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 %/năm	31/12/2024 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,50	0,10 - 0,50
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,10 - 10,50	0,10 - 10,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	0,00	0,10
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	0,50 - 10,50	0,00 - 10,50
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00

18. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/khoản nợ tài chính khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2025) Tài sản/(Nợ phải trả) VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ		
• Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	9.161.749.855.000	(26.821.575.000)
• Giao dịch hoán đổi tiền tệ	88.573.966.010.450	198.713.002.773
• Giao dịch hoán đổi lãi suất hai đồng tiền	2.294.857.836.066	(83.414.850.740)
	100.030.573.701.516	88.476.577.033

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2024) Tài sản/(Nợ phải trả) VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ		
• Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	115.214.689.592	332.672.156
• Giao dịch hoán đổi tiền tệ	68.222.986.950.000	(309.670.330.000)
• Giao dịch hoán đổi lãi suất hai đồng tiền	1.226.000.000.000	(46.925.000.000)
	69.564.201.639.592	(356.262.657.844)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

19. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD		
▪ Bảng VND	115.218.506.355	86.628.509.395
▪ Bảng ngoại tệ	6.143.060.948.485	5.855.455.000.000
	6.258.279.454.840	5.942.083.509.395

Mức lãi suất của vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 %/năm	31/12/2024 %/năm
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD		
▪ Bảng VND	3,76 - 4,72	3,48
▪ Bảng ngoại tệ	0,75 - 6,05	6,53 - 7,16

20. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chứng chỉ tiền gửi	26.170.500.000.000	10.379.800.000.000
▪ Kỳ hạn dưới 12 tháng	24.956.000.000.000	6.620.000.000.000
▪ Kỳ hạn từ 12 tháng đến dưới 5 năm	1.214.500.000.000	3.759.800.000.000
Trái phiếu ghi danh	38.500.000.000.000	33.630.912.500.000
▪ Kỳ hạn từ 12 tháng đến dưới 5 năm	38.500.000.000.000	32.000.000.000.000
▪ Kỳ hạn từ 5 năm trở lên	-	1.630.912.500.000
	64.670.500.000.000	44.010.712.500.000

Mức lãi suất của giấy tờ có giá vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 %/năm	31/12/2024 %/năm
Giấy tờ có giá		
▪ Chứng chỉ tiền gửi	4,75 - 7,50	4,75 - 6,40
▪ Trái phiếu	5,10 - 6,90	4,90 - 7,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

21. Các khoản nợ khác

(a) Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lãi phải trả cho tiền gửi của khách hàng và các TCTD khác	2.022.707.524.851	1.915.957.260.135
Lãi phải trả cho phát hành giấy tờ có giá	1.196.726.468.506	667.856.341.095
Lãi phải trả cho công cụ tài chính phải sinh	118.236.031.795	10.756.182.880
Lãi phải trả tiền vay từ vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	51.373.665.478	46.437.551.559
Lãi phải trả cho tiền vay của NHNNVN và các TCTD khác	6.931.314.244	13.967.980.534
	3.395.975.004.874	2.654.975.316.203

(b) Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND (đã điều chỉnh lại)
Các khoản phải trả nội bộ	10.687.551.471	9.670.775.746
▪ Các khoản phải trả nhân viên	10.687.551.471	9.670.775.746
Các khoản phải trả bên ngoài	1.759.281.926.192	740.195.263.821
▪ Thuế phải trả (Thuyết minh 22)	691.157.384.145	358.300.087.671
▪ Phải trả khách hàng (i)	493.293.720.246	-
▪ Phải trả dịch vụ thanh toán thẻ	263.813.636.457	65.702.764.624
▪ Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	42.360.302.546	36.245.740.820
▪ Cổ tức phải trả	29.996.220.530	17.992.908.126
▪ Phải trả dịch vụ khiếu nại	16.682.972.826	56.738.563.534
▪ Các khoản phải trả khác	221.977.689.442	205.215.199.046
Quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	188.187.569.445	163.334.313.087
	1.958.157.047.108	913.200.352.654

- (i) Đây là khoản phải trả cho một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khác có tài khoản tiền gửi chuyên dùng tại Ngân hàng do chưa hoàn tất các thủ tục bổ sung giấy phép tăng vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(ii) Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	163.334.313.087	135.715.048.773
Trích lập quỹ trong năm	30.396.256.358	38.081.264.314
Sử dụng quỹ trong năm	(5.543.000.000)	(10.462.000.000)
Số dư cuối năm	188.187.569.445	163.334.313.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B05/TCCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

22. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Số dư đầu năm Số phải trả VND	Số dư cuối năm Số phải trả VND	Phát sinh trong năm Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số dư cuối năm Số phải trả VND	Số phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	42.237.381.703	37.648.160.619	119.311.141.499	(80.873.305.571)	57.301.882.662	14.274.825.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp	302.807.704.094	4.863.168.144	1.021.508.812.227	(700.602.138.351)	618.972.393.070	121.183.244
Thuế thu nhập cá nhân	12.031.606.770	-	210.389.908.249	(209.510.809.223)	12.910.705.796	-
Thuế nhà thầu	1.223.395.104	-	15.598.968.806	(14.849.961.293)	1.972.402.617	-
Thuế nhà đất	-	-	489.731.807	(489.731.807)	-	-
Thuế khác	-	-	179.000.000	(179.000.000)	-	-
	358.300.087.671	42.511.328.763	1.367.477.562.588	(1.006.504.946.245)	691.157.384.145	14.396.008.894

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Số dư đầu năm Số phải trả VND	Số dư cuối năm Số phải trả VND	Phát sinh trong năm Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số dư cuối năm Số phải trả VND	Số phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	68.546.123.446	116.569.579	92.321.435.338	(156.161.768.121)	42.237.381.703	37.648.160.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	318.076.067.522	191.800.783	832.872.712.413	(852.812.443.202)	302.807.704.094	4.863.168.144
Thuế thu nhập cá nhân	9.859.315.404	-	161.762.996.787	(159.590.705.421)	12.031.606.770	-
Thuế nhà thầu	1.026.320.497	-	13.522.706.070	(13.325.631.463)	1.223.395.104	-
Thuế nhà đất	-	-	732.287.023	(732.287.023)	-	-
Thuế khác	-	-	174.000.000	(174.000.000)	-	-
	397.507.826.869	308.370.362	1.101.386.137.631	(1.182.796.835.230)	358.300.087.671	42.511.328.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/CTCD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

i. Vốn chủ sở hữu

1. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ của TCTD VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	24.657.891.520.000	53.271.987.348	3.223.626.131.166	3.736.255.794.810	31.671.045.433.324
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu thường	1.972.631.320.000	(53.271.987.348)	(662.488.211.467)	(1.256.871.121.185)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.010.081.114.025	4.010.081.114.025
Chia cổ tức	-	-	-	(1.726.052.406.400)	(1.726.052.406.400)
Trích lập các quỹ	-	-	761.918.483.220	(761.918.483.220)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(30.396.256.358)	(30.396.256.358)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	26.630.522.840.000	-	3.323.056.402.919	3.971.098.641.672	33.924.677.884.591
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	20.548.242.940.000	53.271.987.348	2.588.756.524.494	5.345.432.019.028	28.535.703.470.870
Tăng vốn	4.109.648.580.000	-	-	(4.109.648.580.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.173.423.226.768	3.173.423.226.768
Trích lập các quỹ	-	-	634.869.606.672	(634.869.606.672)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(38.081.264.314)	(38.081.264.314)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	24.657.891.520.000	53.271.987.348	3.223.626.131.166	3.736.255.794.810	31.671.045.433.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

23. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(b) Vốn điều lệ

	31/12/2025		31/12/2024	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn điều lệ được duyệt	2.663.052.284	26.630.522.840.000	2.465.789.152	24.657.891.520.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.663.052.284	26.630.522.840.000	2.465.789.152	24.657.891.520.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.663.052.284	26.630.522.840.000	2.465.789.152	24.657.891.520.000

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông có quyền nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

(c) Quỹ của TCTD

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	662.488.211.467	2.560.763.862.811	374.056.888	3.223.626.131.166
Sử dụng trong năm	(662.488.211.467)	-	-	(662.488.211.467)
Trích lập trong năm	401.009.728.011	360.908.755.209	-	761.918.483.220
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	401.009.728.011	2.921.672.618.020	374.056.888	3.323.056.402.919
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	345.053.408.131	2.243.329.059.475	374.056.888	2.588.756.524.494
Trích lập trong năm	317.434.803.336	317.434.803.336	-	634.869.606.672
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	662.488.211.467	2.560.763.862.811	374.056.888	3.223.626.131.166

Ngân hàng tạm trích quỹ dự trữ bắt buộc theo Nghị định 135/2025/NĐ-CP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(d) Cổ tức

Theo Nghị Quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 04 năm 2025 và Nghị quyết số 50/2025/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 1 tháng 7 năm 2025, OCB đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 tại ngày 7 tháng 8 năm 2025 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu của OCB từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ với số tiền là 1.726.052.406.400 VND, tương ứng với tỷ lệ 7%/cổ phiếu.

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tại Nghị Quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ. Vào ngày 20 tháng 5 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị Quyết số 38/2025/NQ-HĐQT nhằm triển khai thực hiện Phương án tăng vốn bằng việc phát hành 197.263.132 cổ phiếu thưởng với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Vào ngày 20 tháng 8 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 63/2025/NQ-HĐQT thông báo kết quả phát hành và xử lý cổ phần lệ phát sinh, theo đó số lượng cổ phiếu đã phân phối là 197.263.132 cổ phiếu và tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành là 2.663.052.284 cổ phiếu.

24. Thu nhập lãi thuần

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		
• Thu nhập lãi cho vay khách hàng và các TCTD khác	16.289.897.128.957	14.660.428.140.607
• Thu nhập lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	2.524.892.601.537	1.553.849.222.694
• Thu nhập lãi tiền gửi tại các TCTD khác	1.488.959.855.990	1.166.102.458.984
• Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	376.066.839.239	183.693.836.448
• Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	243.196.988.892	227.413.015.574
• Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	195.332.447.519	162.726.338.929
	21.118.345.862.134	17.954.213.013.236
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		
• Trả lãi tiền gửi khách hàng và các TCTD khác	(8.201.099.350.445)	(6.788.976.901.608)
• Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(2.989.896.444.125)	(2.102.810.498.978)
• Trả lãi tiền vay các TCTD khác và vốn tài trợ ủy thác đầu tư	(626.494.908.529)	(415.233.839.435)
• Chi phí hoạt động tín dụng khác	(52.008.769.400)	(40.523.101.722)
	(11.869.499.472.499)	(9.347.544.341.743)
Thu nhập lãi thuần	9.248.846.389.635	8.606.668.671.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

25. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
• Dịch vụ quản lý, sử dụng tài khoản và thẻ	325.599.087.422	259.230.684.430
• Dịch vụ hỗ trợ liên kết bảo hiểm	310.866.230.684	142.293.350.559
• Dịch vụ tư vấn	180.604.286.650	373.139.811.914
• Dịch vụ đại lý bảo hiểm	133.790.987.539	51.533.382.505
• Dịch vụ đối tác liên kết thẻ	100.792.990.609	105.731.231.234
• Dịch vụ thanh toán	78.953.300.109	69.975.062.323
• Dịch vụ bảo quản tài sản	19.618.649.090	1.687.961.818
• Dịch vụ ngân quỹ	1.651.159.686	1.429.274.311
• Dịch vụ khác	83.850.501.663	68.443.958.988
	1.235.727.193.452	1.073.464.718.082
Chi phí hoạt động dịch vụ		
• Chi về đối tác liên kết thẻ	(118.362.164.905)	(82.577.998.451)
• Chi về đối tác liên kết dịch vụ	(40.649.707.411)	(14.061.492.670)
• Chi về dịch vụ thanh toán	(20.266.049.652)	(16.300.772.986)
• Chi về dịch vụ tư vấn	(9.582.284.562)	(8.414.886.227)
• Chi phí hoa hồng môi giới	(8.993.510.662)	(2.098.543.589)
• Chi về dịch vụ ngân quỹ	(7.965.137.996)	(1.104.051.718)
• Chi phí bưu điện về mạng viễn thông	(2.678.152.957)	(1.991.694.822)
• Dịch vụ khác	(16.630.311.531)	(15.933.817.830)
	(225.127.319.676)	(142.483.258.293)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.010.599.873.776	930.981.459.789

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

26. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
• Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	437.589.735.280	282.756.681.069
• Thu từ các công cụ phái sinh tiền tệ	330.054.727.294	564.703.623.624
• Thu từ kinh doanh vàng	24.313.200	548.129.618
	767.668.775.774	848.008.434.311
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
• Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(2.229.352.755)	(4.955.873.700)
• Chi về các công cụ phái sinh tiền tệ	(549.162.981.840)	(532.092.581.539)
• Chi về kinh doanh vàng	(374.584)	(5.978.286)
	(551.392.709.179)	(537.054.433.525)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	216.276.066.595	310.954.000.786

27. (Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	4.950.720.000	2.250.030.000
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(50.350.760.000)	-
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(45.400.040.000)	2.250.030.000

28. Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	80.471.410.348	129.460.854.582
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(328.227.382.072)	(310.948.608.039)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng chứng khoán đầu tư	18.839.818.877	(6.934.041.576)
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(228.916.152.847)	(188.421.795.033)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

29. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2025 VND	2024 VND (đã điều chỉnh lại)
Thu nhập từ hoạt động khác		
• Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	1.138.210.516.431	211.356.985.356
• Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	35.227.219.796	127.638.356
• Thu nhập từ thanh lý tài sản gán nợ	16.017.173.697	10.442.826.703
• Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	16.898.773.901	33.951.298.858
• Thu từ hoạt động kinh doanh khác	3.233.816.999	1.765.199.045
• Thu khác	417.859.526.666	263.107.914.987
	1.627.447.027.490	520.751.863.305
Chi phí hoạt động khác		
• Chi từ thanh lý tài sản gán nợ	(27.583.171.566)	(24.357.830.359)
• Chi từ các công cụ tài chính phái sinh khác	(24.271.859.943)	-
• Chi về công tác xã hội	(10.312.598.125)	(19.419.320.000)
• Chi về hoạt động kinh doanh khác	(6.270.373.585)	(10.413.647.668)
• Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	(1.385.912.518)	(1.009.097.978)
• Chi khác	(169.662.670.450)	(58.901.422.217)
	(239.486.586.187)	(114.101.318.222)
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.387.960.441.303	406.650.545.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

30. Chi phí hoạt động

	2025 VND	2024 VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	2.552.872.543	3.925.714.188
Chi phí cho nhân viên:	2.429.677.188.704	2.261.241.024.089
Trong đó:		
• Chi lương và phụ cấp	2.136.468.654.673	1.992.858.256.291
• Chi đóng góp theo lương	197.499.665.396	181.066.395.543
• Chi trợ cấp	2.210.973.000	932.763.041
• Chi khác	93.497.895.635	86.383.609.214
Chi về tài sản	631.540.596.140	593.656.100.410
Trong đó:		
• Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	172.593.922.336	121.559.763.963
• Chi phí tài sản khác	458.946.673.804	472.096.336.447
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	970.262.732.270	823.085.967.928
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	143.909.163.507	121.851.845.541
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	24.613.016.227	-
	4.202.555.569.391	3.803.760.652.156

31. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	2025 VND	2024 VND
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng (Thuyết minh 9)	208.282.783.127	225.688.288.561
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng (Thuyết minh 9)	2.163.777.088.772	1.998.381.103.495
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng chung cho hoạt động mua nợ (Thuyết minh 10)	(6.316.903.801)	33.962.417.433
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	(994.511.292)	994.511.292
	2.364.748.456.806	2.259.026.320.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.026.277.850.010	825.528.524.051
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(4.769.037.783)	7.344.188.362
	1.021.508.812.227	832.872.712.413
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(9.154.773.987)	-
	1.012.354.038.240	832.872.712.413

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.022.435.152.265	4.006.295.939.181
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	1.004.487.030.453	801.259.187.836
Chi phí không được khấu trừ thuế	13.275.780.127	24.269.336.215
Thu nhập không bị tính thuế	(671.871.113)	(214.403.159)
Ảnh hưởng do hợp nhất báo cáo tài chính	32.136.556	214.403.159
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(4.769.037.783)	7.344.188.362
	1.012.354.038.240	832.872.712.413

(c) Thuế suất áp dụng

OCB có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo thuế suất là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào xem xét và chấp thuận của các cơ quan quản lý thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

33. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND (đã điều chỉnh lại) (*)	2024 VND (theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận thuần trong năm	4.010.081.114.025	3.173.423.226.768	3.173.423.226.768
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(32.481.626.308)	(30.396.256.358)	(25.385.536.201)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	3.977.599.487.717	3.143.026.970.410	3.148.037.690.567

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Ngoài ra, số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được Ngân hàng ước tính dựa trên 1% lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ dự trữ bắt buộc và số liệu sẽ được điều chỉnh lại vào kỳ báo cáo tiếp theo sau khi Đại hội cổ đông cho năm tài chính 2025 thông qua khoản trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm 2025. Nếu Ngân hàng trích quỹ khen thưởng và phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	31/12/2025 Cổ phiếu	31/12/2024 Cổ phiếu (đã điều chỉnh lại) (*)	31/12/2024 Cổ phiếu (theo báo cáo trước đây)
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	2.465.789.152	2.465.789.152	2.465.789.152
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2025	197.263.132	197.263.132	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	2.663.052.284	2.663.052.284	2.465.789.152

(*) Việc điều chỉnh lại là do ảnh hưởng của việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu trong năm và dẫn đến điều chỉnh lãi cơ bản trên cổ phiếu như được trình bày ở Thuyết minh 33(a)(iii).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND/cổ phiếu	2024 VND/cổ phiếu (đã điều chỉnh lại)	2024 VND/cổ phiếu (theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.494	1.180	1.277

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng không có bất kỳ loại cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, OCB không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

34. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt và vàng	1.160.353.537.112	787.773.771.826
Tiền gửi tại NHNNVN	2.883.240.107.112	2.377.473.012.237
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	52.951.606.717.576	38.922.550.757.631
	56.995.200.361.800	42.087.797.541.694

35. Tình hình thu nhập của nhân viên

	2025 VND	2024 VND
Tổng số nhân viên bình quân trong năm (người)	7.058	6.900
Thu nhập nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	2.140.887.854.421	1.976.831.243.274
2. Thương	319.660.106.317	320.999.845.200
3. Tổng thu nhập (3 = 1 + 2)	2.460.547.960.738	2.297.831.088.474
4. Tiền lương bình quân hàng tháng/nhân viên	25.277.320	23.874.773
5. Thu nhập bình quân hàng tháng/nhân viên	29.051.525	27.751.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

36. Loại hình và giá trị sổ sách tài sản thế chấp

(a) Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Bất động sản	243.218.816.717.691	215.278.681.254.656
Giấy tờ có giá	42.536.419.496.595	31.257.782.501.425
Động sản	34.943.658.284.108	27.460.989.050.092
Tài sản khác	78.915.913.300.153	63.919.004.099.866
	399.614.807.798.547	337.916.456.906.039

(b) Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
• Cầm cố tại NHNNVN	13.090.764.127.780	9.856.865.953.100
• Cầm cố tại các TCTD khác	-	1.553.208.911.703
	13.090.764.127.780	11.410.074.864.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

37. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

	Giá trị theo hợp đồng – gộp VND	31/12/2025 Tiền gửi ký quỹ VND	Giá trị theo hợp đồng – thuần VND
Bảo lãnh vay vốn	282.345.000.000	505.181.575	281.839.818.425
Cam kết giao dịch hối đoái	182.797.611.540.637	-	182.797.611.540.637
Trong đó:			
• Cam kết mua ngoại tệ	2.893.757.692.890	-	2.893.757.692.890
• Cam kết bán ngoại tệ	2.895.639.800.000	-	2.895.639.800.000
• Cam kết giao dịch hoán đổi	177.008.214.047.747	-	177.008.214.047.747
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	606.583.349.521	5.074.347.451	601.509.002.070
Bảo lãnh khác	13.133.377.144.568	322.722.513.461	12.810.654.631.107
Cam kết khác	4.672.128.793.102	-	4.672.128.793.102

	Giá trị theo hợp đồng – gộp VND	31/12/2024 Tiền gửi ký quỹ VND	Giá trị theo hợp đồng – thuần VND
Bảo lãnh vay vốn	97.792.000.000	8.546.731.158	89.245.268.842
Cam kết giao dịch hối đoái	138.719.544.097.903	-	138.719.544.097.903
Trong đó:			
• Cam kết mua ngoại tệ	662.365.672.412	-	662.365.672.412
• Cam kết bán ngoại tệ	663.446.975.491	-	663.446.975.491
• Cam kết giao dịch hoán đổi	137.393.731.450.000	-	137.393.731.450.000
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	674.721.445.313	5.387.221.401	669.334.223.912
Bảo lãnh khác	6.543.873.719.523	382.710.699.264	6.161.163.020.259
Cam kết khác	2.498.925.000.000	-	2.498.925.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

38. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lãi cho vay chưa thu được	2.205.329.151.176	1.807.535.457.852
Phí phải thu chưa thu được	36.414.316.766	27.290.452.967
Lãi chứng khoán chưa thu được	-	20.017.173.506
	2.241.743.467.942	1.854.843.084.325

39. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	6.827.152.078.914	6.948.897.244.532
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	10.133.317.858.170	7.931.887.587.998
	16.960.469.937.084	14.880.784.832.530

40. Tài sản và chứng từ khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tài sản khác giữ hộ	48.980.236.189.440	35.373.964.580.068
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	37.329.693.174.902	29.383.070.089.745
Tài sản bảo đảm nhận thay thế	1.394.607.567.731	3.353.971.031.916
Tài sản thuê ngoài	20.329.357.200	20.329.357.200
Kim loại quý, đá quý giữ hộ	7.438.200.000	4.076.800.000
	87.732.304.489.273	68.135.411.858.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

41. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

Số dư cuối năm với các bên liên quan	Phải thu/(phải trả)	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền gửi	(39.424.717.400)	(45.548.960.977)
Lãi phải trả	(297.348.712)	(435.400.246)
Cho vay	1.253.700.668	821.462.739
Lãi phải thu	4.620.413	208.164
Các bên liên quan khác		
Tiền gửi	(134.131.075.126)	(161.595.885.367)
Lãi phải trả	(1.617.277.778)	(1.247.712.382)
Cho vay	478.664.936.069	88.602.923.947
Lãi phải thu	705.926.611	93.911.469
Giao dịch phát sinh trong năm		
	Thu nhập/(chi phí)	
	2025 VND	2024 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		
Thù lao và thu nhập (i)	59.140.326.285	71.386.920.540
Thu nhập lãi cho vay	160.639.063	98.826.956
Chi phí lãi tiền gửi	(1.355.678.995)	(1.885.378.037)
Các bên liên quan khác		
Thu nhập lãi cho vay	22.295.640.447	6.960.953.412
Chi phí lãi tiền gửi	(6.763.361.058)	(8.811.953.032)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- (i) Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Tên	Chức vụ	2025 VND	2024 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch	16.423.165.041	17.905.223.150
Bà Trịnh Thị Mai Anh	Thành viên	5.260.953.061	3.649.150.000
Ông Yoshizawa Toshiaki	Thành viên	1.662.300.000	1.685.300.000
Ông Ngô Hà Bắc	Thành viên	2.216.300.000	2.248.900.000
Ông Phan Trung	Thành viên	1.441.361.224	1.125.900.000
Ông Segawa Mitsuhiro	Thành viên	999.183.673	-
Ông Dương Kỳ Hiệp	Thành viên độc lập	832.953.061	-
Ông Kato Shin	Thành viên	702.000.000	1.604.916.439
Ông Nguyễn Đình Tùng	Thành viên	468.000.000	11.017.854.500
Ông Phạm Nguyễn Tri	Thành viên độc lập	468.300.000	1.123.900.000
Ông Bùi Minh Đức	Thành viên độc lập	468.000.000	1.123.900.000
Ban Kiểm soát			
Các thành viên		4.745.123.021	2.883.140.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông Phạm Hồng Hải	Tổng Giám đốc	17.322.373.516	10.484.104.000
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc còn lại		3.400.149.688	16.376.977.117
Bà Nguyễn Văn Anh	Kế toán trưởng	2.730.164.000	157.655.334
		59.140.326.285	71.386.920.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

42. Mức độ tập trung của tài sản, nợ phải trả và các cam kết ngoại bảng theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	31/12/2025 Nước ngoài VND	Tổng cộng VND
Tài sản			
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	50.266.908.889.512	2.794.424.828.064	53.061.333.717.576
Chứng khoán kinh doanh – gộp	50.765.500.000	-	50.765.500.000
Các công cụ tài chính phái sinh (tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	100.030.573.701.516	-	100.030.573.701.516
Cho vay khách hàng – gộp	198.764.945.826.810	-	198.764.945.826.810
Hoạt động mua nợ – gộp	4.236.968.484.204	-	4.236.968.484.204
Chứng khoán đầu tư – gộp	58.381.712.061.468	-	58.381.712.061.468
Nợ phải trả			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	54.806.739.176.634	2.888.575.041	54.809.627.751.675
Tiền gửi của khách hàng	148.167.132.318.741	1.862.512.064.386	150.029.644.383.127
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	115.535.154.840	6.142.744.300.000	6.258.279.454.840
Phát hành giấy tờ có giá	64.670.500.000.000	-	64.670.500.000.000
Cam kết tín dụng - gộp	18.694.434.287.191	-	18.694.434.287.191

	Trong nước VND	31/12/2024 Nước ngoài VND	Tổng cộng VND
Tài sản			
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	38.667.689.241.272	458.510.016.359	39.126.199.257.631
Cho vay khách hàng – gộp	170.844.469.638.663	-	170.844.469.638.663
Hoạt động mua nợ – gộp	5.079.222.324.368	-	5.079.222.324.368
Chứng khoán đầu tư – gộp	52.635.610.527.457	-	52.635.610.527.457
Nợ phải trả			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	45.000.286.303.746	7.994.901.752	45.008.281.205.498
Tiền gửi của khách hàng	141.187.170.604.230	1.272.592.883.682	142.459.763.487.912
Các công cụ tài chính phái sinh (tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	69.564.201.639.592	-	69.564.201.639.592
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	86.628.509.395	5.855.455.000.000	5.942.083.509.395
Phát hành giấy tờ có giá	44.010.712.500.000	-	44.010.712.500.000
Cam kết tín dụng - gộp	9.815.312.164.836	-	9.815.312.164.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCĐD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

43. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo chia theo khu vực địa lý

Ngân hàng theo dõi thông tin chia theo các khu vực địa lý chính tại Việt Nam như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. Doanh thu	Khu vực Miền Nam VND	Khu vực Miền Bắc VND	Khu vực Miền Trung VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu lãi	47.227.841.508.745	5.370.381.469.048	3.220.402.636.382	(34.700.279.752.041)	21.118.345.862.134
Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài	15.359.222.236.684	3.636.458.734.297	2.122.664.891.153	-	21.118.345.862.134
Doanh thu lãi nội bộ	31.868.619.272.061	1.733.922.734.751	1.097.737.745.229	(34.700.279.752.041)	-
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	1.117.143.501.520	76.982.525.562	41.601.296.370	(130.000)	1.235.727.193.452
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	2.019.842.091.568	1.024.990.159.626	512.346.441.149	(1.076.268.158.731)	2.480.910.533.612
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	50.364.827.101.833	6.472.354.154.236	3.774.350.373.901	(35.776.548.040.772)	24.834.983.589.198
II. Chi phí	(40.068.384.803.234)	(4.109.507.352.537)	(2.391.887.068.769)	34.700.279.752.041	(11.869.499.472.499)
1. Chi phí lãi	(9.712.160.516.370)	(1.306.256.774.794)	(851.082.181.315)	-	(11.869.499.472.499)
Chi phí lãi cho khách hàng bên ngoài	(30.356.224.286.864)	(2.803.250.577.743)	(1.540.804.887.434)	34.700.279.752.041	-
Chi phí lãi nội bộ	(148.988.451.820)	(11.788.013.273)	(11.817.457.243)	-	(172.593.922.336)
2. Chi phí khấu hao tài sản cố định	(5.422.706.021.046)	(600.076.305.750)	(459.031.864.446)	1.076.107.605.950	(5.405.706.585.292)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(45.640.079.276.100)	(4.721.371.671.560)	(2.862.736.390.458)	35.776.387.357.991	(17.447.799.980.127)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	4.724.747.825.733	1.750.982.482.676	911.613.983.443	(160.682.781)	7.387.183.609.071
Kết quả hoạt động trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(2.151.823.387.356)	(75.059.855.953)	(137.865.213.497)	-	(2.364.748.456.806)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.572.924.438.377	1.675.922.626.723	773.748.769.946	(160.682.781)	5.022.435.152.265
Kết quả hoạt động bộ phận					

(a) Báo cáo chia theo khu vực địa lý (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B05/TCID-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

	Khu vực Miền Nam VND	Khu vực Miền Bắc VND	Khu vực Miền Trung VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025					
III. Tài sản					
1. Tiền mặt và vàng	713.354.734.571	295.057.321.262	151.941.481.279	-	1.160.353.537.112
2. Tài sản cố định	572.500.734.050	37.774.828.911	83.865.787.872	-	694.141.350.833
3. Tài sản khác	270.549.403.529.115	31.220.203.029.855	20.378.018.205.784	(1.052.640.085.586)	321.094.984.679.168
TỔNG TÀI SẢN	271.835.258.997.736	31.553.035.180.028	20.613.825.474.935	(1.052.640.085.586)	322.949.479.567.113
IV. Nợ phải trả					
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	(239.636.383.505.606)	(29.877.112.553.305)	(19.840.076.704.989)	527.646.202.294	(288.825.926.561.606)
2. Nợ phải trả nội bộ	(10.687.551.471)	-	-	-	(10.687.551.471)
3. Nợ phải trả khác	(188.187.569.445)	-	-	-	(188.187.569.445)
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	(239.835.258.626.522)	(29.877.112.553.305)	(19.840.076.704.989)	527.646.202.294	(289.024.801.682.522)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCĐD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(a) Báo cáo chia theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. Doanh thu

- Doanh thu lãi
Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài
Doanh thu lãi nội bộ
- Doanh thu từ hoạt động dịch vụ
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác

	Khu vực Miền Nam VND	Khu vực Miền Bắc VND	Khu vực Miền Trung VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
37.998.496.255.528	4.065.642.944.221	2.713.957.203.527	(26.823.883.390.040)	17.954.213.013.236	
13.347.569.040.754	2.693.386.456.856	1.913.257.515.626	-	17.954.213.013.236	
24.650.927.214.774	1.372.256.487.365	800.699.687.901	(26.823.883.390.040)	-	
948.426.331.779	65.826.913.311	59.211.732.992	(260.000)	1.073.464.718.082	
2.371.979.396.171	231.661.837.903	153.761.202.749	(755.712.371.425)	2.001.690.065.398	

TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG

II. Chi phí

- Chi phí lãi
Chi phí lãi cho khách hàng bên ngoài
Chi phí lãi nội bộ
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh

41.318.901.983.478	4.363.131.695.435	2.926.930.139.268	(27.579.596.021.465)	21.029.367.796.716	
(31.228.617.349.845)	(3.024.952.063.972)	(1.917.858.317.966)	26.823.883.390.040	(9.347.544.341.743)	
(7.644.706.614.486)	(1.081.075.025.791)	(621.762.701.466)	-	(9.347.544.341.743)	
(23.583.910.735.359)	(1.943.877.038.781)	(1.296.095.616.500)	26.823.883.390.040	-	
(103.769.319.451)	(8.882.271.084)	(8.908.173.428)	-	(121.559.763.963)	
(5.084.604.884.417)	(537.008.025.858)	(427.969.136.402)	754.640.615.629	(5.294.941.431.048)	

TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động trước chi phí dự phòng rủi ro
tín dụng

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

(36.416.991.553.713)	(3.570.842.360.914)	(2.354.735.627.796)	27.578.524.005.669	(14.764.045.536.754)	
4.901.910.429.765	792.289.334.521	572.194.511.472	(1.072.015.796)	6.265.322.259.962	
(1.757.501.460.339)	(332.950.110.953)	(168.574.749.489)	-	(2.259.026.320.781)	

Kết quả hoạt động bộ phận

3.144.408.969.426	459.339.223.568	403.619.761.983	(1.072.015.796)	4.006.295.939.181	
-------------------	-----------------	-----------------	-----------------	-------------------	--

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B05/CTCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

(a) Báo cáo chia theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Khu vực Miền Nam VND	Khu vực Miền Bắc VND	Khu vực Miền Trung VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
III. Tài sản					
1. Tiền mặt và vàng	474.093.945.174	170.345.995.129	143.333.831.523	-	787.773.771.826
2. Tài sản cố định	497.884.821.578	38.026.165.070	94.595.641.831	-	630.506.628.479
3. Tài sản khác	229.713.784.216.332	28.084.740.392.492	17.319.234.072.850	(49.184.555.718)	275.068.574.125.956
TỔNG TÀI SẢN	230.685.762.983.084	28.293.112.552.691	17.557.163.546.204	(49.184.555.718)	276.486.854.526.261
IV. Nợ phải trả					
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	(199.679.692.508.853)	(27.833.773.329.123)	(17.153.543.784.221)	24.205.618.093	(244.642.804.004.104)
2. Nợ phải trả nội bộ	(9.670.775.746)	-	-	-	(9.670.775.746)
3. Nợ phải trả khác	(163.334.313.087)	-	-	-	(163.334.313.087)
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	(199.852.697.597.686)	(27.833.773.329.123)	(17.153.543.784.221)	24.205.618.093	(244.815.809.092.937)

(b) Báo cáo chia theo lĩnh vực kinh doanh

OCB chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

44. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Chính sách quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của OCB, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của OCB và mỗi cá nhân trong OCB có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. OCB đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, OCB cũng chịu rủi ro hoạt động.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị ("HDQT") Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất của OCB. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HDQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản có/tài sản nợ ("ALCO") và Ủy ban Quản lý Rủi ro ("RCO"), các hội đồng/ủy ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo lĩnh vực được HDQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HDQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng gồm các thành viên chuyên trách và không chuyên trách.

Khung quản lý rủi ro của OCB được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc cốt lõi trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động OCB. Trên cơ sở đó, chính sách quản lý rủi ro của OCB được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà OCB gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường kinh tế và hoạt động của OCB. Qua hoạt động đào tạo và thiết lập các chính sách và quy trình quản lý rủi ro, OCB hướng tới việc tạo dựng một môi trường kiểm soát có kỷ luật và chặt chẽ, trong đó tất cả các nhân viên của OCB hiểu rõ các vai trò và nghĩa vụ của mình.

(b) Rủi ro tín dụng

OCB chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư cũng như khi OCB đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi OCB cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà OCB gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của OCB. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Ngoài ra, OCB còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Quan lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của OCB. OCB xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng, theo các giới hạn đã xác định bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chấp nhận rủi ro của OCB. Về nguyên tắc, OCB không tham gia vào các hoạt động, sản phẩm tín dụng khi chưa có đầy đủ hiểu biết và các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp. Để quản lý rủi ro tín dụng, OCB chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy, và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản lý Rủi ro là cơ sở để RCO ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

OCB thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNNVN.

Cách tiếp cận tổng thể của OCB đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà OCB đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Thường xuyên rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; và
- Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá trị VND	Đã quá hạn và chưa bị giảm giá trị VND	Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng VND	Tổng cộng VND
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	53.061.333.717.576	-	-	53.061.333.717.576
• Tiền gửi tại TCTD khác	52.951.606.717.576	-	-	52.951.606.717.576
• Cho vay các TCTD khác	109.727.000.000	-	-	109.727.000.000
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	192.779.891.935.468	1.549.259.324.169	8.672.763.051.377	203.001.914.311.014
Chứng khoán kinh doanh	50.765.500.000	-	-	50.765.500.000
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	57.004.257.059.977	-	-	57.004.257.059.977
Tài sản Có khác - gộp	3.689.297.449.393	-	23.609.441.543	3.712.906.890.936
	306.585.545.662.414	1.549.259.324.169	8.696.372.492.920	316.831.177.479.503

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá trị VND	Đã quá hạn và chưa bị giảm giá trị VND	Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng VND	Tổng cộng VND
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	39.126.199.257.631	-	-	39.126.199.257.631
• Tiền gửi tại TCTD khác	38.922.550.757.631	-	-	38.922.550.757.631
• Cho vay các TCTD khác	203.648.500.000	-	-	203.648.500.000
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	164.754.201.035.482	2.715.506.141.216	8.453.984.786.333	175.923.691.963.031
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	52.570.055.718.310	-	-	52.570.055.718.310
Tài sản Có khác - gộp	3.328.328.011.723	-	-	3.328.328.011.723
	259.778.784.023.146	2.715.506.141.216	8.453.984.786.333	270.948.274.950.695

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của OCB bao gồm các khoản nợ nhóm 1, theo quy định của Thông tư 31, các chứng khoán đầu tư, chứng khoán kinh doanh, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 48 và Thông tư số 24). OCB đánh giá rằng OCB có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá trị là do OCB đang nắm giữ các tài sản bảo đảm đủ bù đắp các tổn thất tín dụng theo quy định hiện hành của NHNNVN.

OCB hiện đang nắm giữ các tài sản bảo đảm là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản bảo đảm khác cho các tài sản tài chính này. OCB chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản bảo đảm này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

(c) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát các nguy cơ về rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được đồng thời tối đa hóa lợi ích thu được trên rủi ro.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Quản lý rủi ro Thị trường và Thanh khoản thuộc Khối Quản lý rủi ro. Phòng Quản lý rủi ro Thị trường và Thanh khoản chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình, công cụ, hướng dẫn phương pháp đo lường rủi ro thị trường, đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của OCB.

Về hệ thống các quy định nội bộ quản lý rủi ro thị trường, OCB đã ban hành chính sách quản lý rủi ro thị trường, định nghĩa các nguyên tắc cơ bản, phương pháp nhận dạng, đo lường và hệ thống công cụ, kiểm soát rủi ro thị trường. Với các công cụ sử dụng kiểm soát như hạn mức trạng thái ngoại tệ ròng, hạn mức đo lường nhạy cảm định lượng cơ bản (Present value of one basis point – PV01), hạn mức chênh lệch dòng tiền, kỳ hạn và đo lường chênh lệch kỳ hạn (theo mô hình Repricing – Khe hở định giá lại).

Công tác dự báo diễn biến thị trường có vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường. Bộ phận Quản lý rủi ro thị trường phối hợp với các đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu thập và phân tích thông tin, từ đó đưa ra nhận định và khuyến nghị biện pháp thay đổi tiềm ẩn trên thị trường. Từ đó, OCB có cơ sở đầy đủ để quyết định những biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả.

(i) **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn tái định lãi suất giữa tài sản có và tài sản nợ, từ đó tạo ra khả năng thu nhập, giá trị tài sản, và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng bị ảnh hưởng khi lãi suất trên thị trường biến động.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản có và tài sản nợ.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và cộng nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt và vàng; các khoản đầu tư/kinh doanh chứng khoán vốn; góp vốn đầu tư dài hạn, trái phiếu VAMC và các tài sản cố khác (bao gồm tài sản cố định, và tài sản cố khác) được xếp loại khoản mục không nhạy cảm lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác và tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác được xếp loại khoản mục không nhạy cảm lãi suất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian định lại lãi suất thực tế theo quy định về lãi suất của tổ chức phát hành. Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nắm giữ với kỳ định lại lãi suất từ 6-12 tháng. Khoản chiết khấu/phụ trội của chứng khoán nợ được coi là khoản mục không nhạy cảm lãi suất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ NHNNVN; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian còn lại: Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời gian còn lại đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá, và phụ thuộc vào quy định về lãi suất của Ngân hàng đối với từng đợt phát hành.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro dựa trên thời gian định lại lãi suất theo quy định trên hợp đồng (nếu có) hoặc thời gian đáo hạn thực tế của giao dịch.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục tiền gửi của khách hàng dựa trên thời gian định lại lãi suất (nếu có) hoặc thời gian đáo hạn theo quy định trên hợp đồng. Trường hợp khoản tiền gửi đã đáo hạn trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nhưng khách hàng chưa thực hiện tái toán, Ngân hàng sẽ đưa toàn bộ số dư của món huy động này vào kỳ định lại lãi suất "Dưới 1 tháng".

Chính sách lãi suất của Ngân hàng

Đối với hoạt động cho vay trên thị trường liên ngân hàng (ngắn hạn), lãi suất đầu tư được xác định tùy thuộc vào diễn biến thị trường và chi phí vốn của Ngân hàng.

Căn cứ vào dự báo về diễn biến lãi suất trên thị trường, và khả năng cân đối vốn, Ngân hàng sẽ đưa ra quyết định đầu tư phù hợp.

Đối với hoạt động huy động vốn, lãi suất được xác định theo nguyên tắc thị trường, kết hợp với định hướng kinh doanh, cân đối vốn của Ngân hàng và quy định của NHNNVN.

Đối với hoạt động cho vay, Ngân hàng quy định mức lãi suất cho vay trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý, trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, giá trị tài sản bảo đảm, lãi suất trên thị trường, đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Hội sở chính quy định mức sàn lãi suất cho vay trong từng thời kỳ; các đơn vị kinh doanh được chủ động xác định lãi suất cho vay đối với khách hàng trong từng kỳ đảm bảo không thấp hơn sàn lãi suất trên cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro tín dụng và phải đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất ở cả 2 cấp độ giao dịch và danh mục.

Công cụ quản lý, điều hành lãi suất của Ngân hàng:

- Điều chỉnh thời hạn điều chỉnh lãi suất cho vay tương ứng với kỳ hạn đánh giá lại của nguồn vốn. Kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại trong phạm vi cho phép;
- Tất cả các hợp đồng tín dụng đều phải có các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường, lãi suất cho vay phải được xây dựng trên cơ sở phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng;
- Điều hành qua công cụ giá mua bán vốn nội bộ FTP.

Với kinh nghiệm và khả năng nhạy bén trong quản trị điều hành, Ngân hàng đã điều hành thận trọng, linh hoạt cơ chế lãi suất tiền gửi, tiền vay đảm bảo an toàn, hiệu quả, tăng trưởng quy mô và mở rộng thị phần.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của OCB tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quá hạn VND	Không nhảy cam với lãi suất VND	Dưới 1 tháng VND	Từ 1 đến 3 tháng VND	Từ trên 3 đến 6 tháng VND	Từ trên 6 đến 1 tháng VND
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	-	1.160.353.537.112	-	-	-	-
Tiền gửi tại NHNNVN	-	2.883.240.107.112	-	-	-	-
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	-	3.059.809.217.576	47.891.797.500.000	2.000.000.000.000	-	40.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	-	-	-	50.765.500.000
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	-	171.891.427.668	5.434.301.468	(971.415.473)	(202.736.630)	(87.675.000.000)
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	6.741.140.852.230	-	32.887.027.350.825	58.873.114.189.585	65.400.231.392.194	25.737.585.866.4
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	2.612.612.061.468	300.000.000.000	3.000.000.000.000	14.076.000.000.000	21.800.000.000.000
Tài sản cố định	-	694.141.350.833	-	-	-	-
Tài sản Có khác - gộp	35.712.004.743	7.253.506.894.317	-	-	-	-
Tổng tài sản (1)	6.776.852.856.963	17.835.554.596.086	81.084.259.152.293	63.872.142.774.112	79.476.028.655.564	47.549.676.366.4
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	7.847.510.824.971	-	55.107.215.927	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	8.434.251.675	52.801.193.500.000	2.000.000.000.000	-	-
Tiền gửi của khách hàng	-	-	51.153.149.311.553	36.597.984.885.006	42.235.570.910.745	14.487.404.756.6
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	2.198.893.506.355	3.402.231.800.000	-	656.837.500.000
Phải hành giấy tờ có giá	-	-	70.500.000.000	500.000.000.000	8.000.000.000.000	17.100.000.000.000
Các khoản nợ khác - gộp	-	5.354.132.051.982	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả (2)	-	5.362.566.303.657	114.071.247.142.879	42.500.216.685.006	50.290.678.126.672	32.244.242.256.6
Mức chênh lệch cam với lãi suất net hàng [(3)-(1)-(2)]	6.776.852.856.963	12.472.988.292.429	(32.986.987.990.586)	21.371.926.089.106	29.185.350.528.892	15.305.434.109.8
Các cam kết ngoại bảng có tác động lên tài sản của các tài sản và công nợ (ròng)	-	-	9.035.828.290	-	-	-
Mức chênh lệch cam với lãi suất	6.776.852.856.963	12.472.988.292.429	(32.977.952.162.296)	21.371.926.089.106	29.185.350.528.892	15.305.434.109.8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
 Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCĐD-HN
 (Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
 ngày 31 tháng 12 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn VND	Không nhạy cảm với lãi suất VND	Đuột 1 tháng VND	Từ 1 đến 3 tháng VND	Từ trên 3 đến 6 tháng VND	Từ trên 6 đến 12 tháng VND	Từ trên 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	787.773.771.826	-	-	-	-	-	-	787.773.771.826
Tiền gửi tại NHNNVN	-	2.377.473.012.237	-	-	-	-	-	-	2.377.473.012.237
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCĐD khác	-	724.808.757.631	35.764.818.500.000	2.325.845.000.000	-	-	109.727.000.000	-	39.126.199.257.631
Cho vay khách hàng và mua nợ - góp	6.771.271.792.153	-	26.553.734.674.749	61.321.523.311.298	54.224.110.340.273	18.404.423.521.320	8.649.624.323.238	-	175.923.691.963.031
Chứng khoán đầu tư - góp	-	1.500.353.927.457	-	1.022.666.600.000	9.794.000.000.000	23.572.590.000.000	2.026.000.000.000	14.810.000.000.000	52.635.610.527.457
Tài sản cố định	-	630.506.628.479	-	-	-	-	-	-	630.506.628.479
Tài sản Có khác - góp	4.800.000.000	7.639.594.084.311	-	-	-	-	-	-	7.644.394.084.311
Tổng tài sản (1)	6.776.071.792.153	13.660.510.181.941	62.318.557.174.749	64.870.034.911.298	63.928.118.340.273	41.977.013.521.320	18.785.351.323.238	14.810.000.000.000	279.125.649.244.972
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	3.393.187.130.601	-	-	26.348.421.518	-	-	3.409.535.552.139
Tiền gửi và vay các TCĐD khác	-	7.090.294.422	41.815.766.322.786	2.987.935.273.199	90.103.795.411	12.239.799.000	95.145.720.680	-	45.008.281.205.498
Tiền gửi của khách hàng	-	-	54.109.460.587.241	33.382.345.695.360	37.642.440.144.017	12.339.939.654.592	4.985.103.248.390	474.157.312	142.459.763.487.912
Công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	356.262.657.844	-	-	-	-	-	-	356.262.657.844
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCĐD chịu rủi ro	-	-	5.954.805.000	1.537.625.260	44.315.235.500	44.315.235.500	5.890.275.823.635	-	5.942.083.509.395
Phải hành giúp từ có giá	-	204.400.000.000	59.200.000.000	7.668.412.500.000	5.538.400.000.000	30.520.300.000.000	-	-	44.010.712.500.000
Các khoản nợ khác - góp	-	3.568.175.668.857	-	-	-	-	-	-	3.568.175.668.857
Tổng nợ phải trả (2)	-	3.931.528.421.123	99.522.814.040.628	36.435.435.773.559	45.422.494.065.288	18.011.243.130.630	41.490.824.792.705	474.157.312	244.814.814.581.645
Mức chênh lệch cảm với lãi suất net hàng [3]m(1)-(2)]	6.776.071.792.153	9.728.981.560.818	(37.204.256.865.879)	28.434.599.137.739	18.505.616.274.985	23.965.770.390.690	(30.705.473.469.467)	14.309.525.842.288	34.310.834.663.327
Các cam kết ngoại bảng có tác động với lãi suất của các tài sản và công nợ (trung)	-	-	-	-	-	-	(46.923.000.000)	-	(46.923.000.000)
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	6.776.071.792.153	9.728.981.560.818	(37.204.256.865.879)	28.434.599.137.739	18.505.616.274.985	23.965.770.390.690	(30.752.398.469.467)	14.309.525.842.288	34.263.909.663.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Toà nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(i) *Rủi ro lãi suất (tiếp theo)*

Độ nhạy đối với lãi suất

Ngân hàng thực hiện phân tích độ nhạy của thu nhập lãi thuần với giả định lãi suất thị trường thay đổi đối với VND và USD tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thay đổi lãi suất	Ảnh hưởng đến kết quả thu nhập lãi thuần Tăng/(giảm) VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
VND	0,20%	(40.684.379.469)
VND	(0,20%)	40.684.379.469
USD	0,20%	14.316.623.601
USD	(0,20%)	(14.316.623.601)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
VND	0,20%	(22.101.928.454)
VND	(0,20%)	22.101.928.454
USD	0,20%	2.459.292.765
USD	(0,20%)	(2.459.292.765)

(ii) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. OCB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Trong khi đó cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của OCB bao gồm cả các ngoại tệ khác (như USD, EUR, AUD...) do đó có phát sinh rủi ro tiền tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

OCB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của OCB và các quy định của NHNNVN. Đồng tiền giao dịch chính của OCB cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của OCB chủ yếu bằng VND và USD. Một số tài sản khác của OCB bằng ngoại tệ khác ngoài VND và USD. Trạng thái đồng tiền được quản lý hằng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được OCB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh 47*.

Bảng dưới đây trình bày phân loại tài sản và nợ phải trả theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	EUR được quy đổi VND	USD được quy đổi VND	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi VND	Các ngoại tệ khác được quy đổi VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	150.582.945.203	98.968.202.108	60.720.000	46.506.613.401	296.118.480.712
Tiền gửi tại NHNNVN	-	79.544.141.552	-	-	79.544.141.552
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	18.037.468.720	3.666.054.077.672	-	129.294.960.827	3.813.386.507.219
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(139.855.500.000)	6.543.472.371.359	-	-	6.403.616.871.359
Cho vay khách hàng và mua nợ - góp	-	1.619.987.622.519	-	-	1.619.987.622.519
Tài sản Có khác - góp	3.309.914	242.746.886.867	-	-	242.750.196.781
Tổng tài sản (1)	28.768.223.837	12.250.773.302.877	60.720.000	175.801.574.228	12.455.403.820.142
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	3.179.093.500.000	-	-	3.179.093.500.000
Tiền gửi của khách hàng	26.732.265.023	1.925.287.849.838	-	149.020.267.751	2.101.040.382.612
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	6.143.060.948.485	-	-	6.143.060.948.485
Các khoản nợ khác - góp	1.621.640.936	617.350.111.004	20.104.392	8.895.379.041	627.887.235.373
Tổng nợ phải trả (2)	28.353.905.959	11.864.792.409.327	20.104.392	157.915.646.792	12.051.082.066.470
Trạng thái tiền tệ nội bảng [(3)-(1)-(2)]	414.317.878	385.980.892.750	40.615.608	17.885.927.436	404.321.753.672
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	-	2.368.128.817.890	-	(3.529.800.000)	2.364.599.017.890
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	414.317.878	2.754.109.710.640	40.615.608	14.356.127.436	2.768.920.771.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TC-TD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	EUR được quy đổi VND	USD được quy đổi VND	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi VND	Các ngoại tệ khác được quy đổi VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	4.983.677.046	71.302.384.706	91.520.000	4.392.458.374	80.770.040.126
Tiền gửi tại NHNNVN	-	149.960.919.227	-	-	149.960.919.227
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	25.020.759.155	3.263.323.924.876	-	141.845.598.202	3.430.190.282.233
Cho vay khách hàng và mua nợ - góp	-	709.691.828.645	-	-	709.691.828.645
Tài sản Có khác - góp	13.177.148	269.142.383.134	-	4.014.335	269.159.574.617
Tổng tài sản (1)	30.017.613.349	4.463.421.440.588	91.520.000	146.242.070.911	4.639.772.644.848
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	4.146.223.218.865	-	-	4.146.223.218.865
Tiền gửi của khách hàng	26.856.678.673	1.409.949.723.952	-	113.324.293.237	1.550.130.695.862
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(6.732.793.656.564)	-	-	(6.732.793.656.564)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	5.855.455.000.000	-	-	5.855.455.000.000
Các khoản nợ khác - góp	2.389.104.691	102.033.911.344	11.019.008	1.568.724.998	106.002.760.041
Tổng nợ phải trả (2)	29.245.783.364	4.780.868.197.597	11.019.008	114.893.018.235	4.925.018.018.204
Trạng thái tiền tệ nội bảng [(3)=(1)-(2)]	771.829.985	(317.446.757.009)	80.500.992	31.349.052.676	(285.245.373.356)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	-	557.430.496.921	-	(23.038.800.000)	534.391.696.921
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	771.829.985	239.983.739.912	80.500.992	8.310.252.676	249.146.323.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của OCB do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của OCB là không đáng kể.

Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế Tăng/(giảm) VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

USD (yếu đi 3%)

(66.098.633.055)

USD (mạnh lên 3%)

66.098.633.055

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

USD (yếu đi 3%)

(5.759.104.262)

USD (mạnh lên 3%)

5.759.104.262

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán của Ngân hàng.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán của Ngân hàng chịu ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ngân hàng quản lý rủi ro giá chứng khoán bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của Ngân hàng là không trọng yếu.

(d) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi OCB không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của OCB; thậm chí có thể làm cho OCB bị phá sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Quản lý rủi ro thanh khoản

OCB luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của OCB. Trong từng thời kỳ, dựa trên cấu trúc về Tài sản Nợ - Tài sản Có của OCB mà OCB sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

OCB hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của OCB. OCB nhận thức rõ ràng rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản OCB. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của OCB luôn chặt chẽ trong việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Phòng Quản lý rủi ro Thị trường và Thanh khoản thuộc Khối Quản lý rủi ro thực hiện nhiệm vụ giám sát hằng ngày về vấn đề thanh khoản của OCB, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của OCB trình ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của OCB và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. OCB áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, OCB theo dõi hằng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của OCB trong tương lai, đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNNVN và các quy định nội bộ của OCB.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của OCB trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. OCB định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của OCB trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (CFP), theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả của OCB:

- Tiền gửi tại NHNNVN được xếp loại vào tiền gửi thanh toán đến hạn trong một (1) tháng, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư – chứng khoán nợ đã niêm yết được xác định khả năng thanh khoản trong vòng một (1) tháng do tính thanh khoản cao của khoản mục này trên thị trường; chứng khoán đầu tư – chứng khoán vốn được xác định khả năng thanh khoản hơn năm (5) năm do không có thời gian đáo hạn xác định; chứng khoán đầu tư – chứng khoán nợ chưa niêm yết được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Thời gian đến hạn của các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN; phát hành giấy tờ có giá; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.
- Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác; các khoản tiền gửi của khách hàng và vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu; và

Bảng dưới đây thể hiện thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả của OCB tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thời gian đáo hạn thực tế có thể khác do các khoản mục này có thể được thanh toán sớm, gia hạn hoặc tái tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B05/TC-TD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quá hạn			Từ trên 3 đến 12 tháng VND	Từ trên 1 đến 3 tháng VND	Đến 1 tháng VND	Từ trên 1 đến 3 tháng VND	Từ trên 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
	Trên 3 tháng VND	Đến 3 tháng VND	Đến 1 tháng VND								
Tài sản											
Tiền mặt và vàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.160.353.537.112
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.883.240.107.112
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	-	-	-	-	2.000.000.000.000	49.000.000.000	60.727.000.000	-	53.061.333.717.576
Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	-	-	-	-	-	50.765.500.000	-	-	50.765.500.000
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	-	-	(9.998.945.897)	(84.104.093.593)	2.488.134.442	1.061.110.527	88.476.577.033
Cho vay khách hàng và mua nợ - góp	5.659.778.162.042	1.081.362.690.178	8.051.779.540.488	13.022.358.000.930	31.150.023.218.188	67.871.967.493.603	76.164.645.205.585	203.001.914.311.014	13.555.446.901.488	58.381.712.061.466	58.381.712.061.466
Chứng khoán đầu tư - góp	-	-	-	-	-	-	2.500.701.199.979	35.879.047.474.593	6.146.262.636.441	694.141.350.833	694.141.350.833
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản vô hình khác - góp	35.712.004.743	-	353.220.576.431	206.134.168.030	1.104.619.329.186	2.953.251.442.355	2.636.281.378.315	7.289.218.899.060	-	-	7.289.218.899.060
Tổng tài sản (1)	5.695.490.166.785	1.081.362.690.178	63.879.484.699.240	17.719.194.423.042	68.149.351.428.374	77.834.696.706.841	93.051.575.946.748	326.611.156.061.208			
Nợ phải trả											
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	-	-	-	-	55.107.215.927	-	-	7.902.618.040.898
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	54.809.627.751.675
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	-	-	32.330.952.001.663	53.013.470.000.046	14.058.458.879.923	345.244.415	150.029.644.383.127
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	110.810.271.000	670.313.489.255	5.473.097.368.585	-	6.258.279.454.840
Phải hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	500.000.000.000	25.100.000.000.000	39.000.000.000.000	-	64.670.500.000.000
Các khoản nợ khác - góp	-	-	-	-	-	-	662.378.310.999	2.916.571.534.325	1.182.058.732.865	5.021.433	5.354.132.051.982
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	111.951.213.612.086	35.604.140.583.642	81.755.482.239.553	59.713.614.981.373	358.265.848	289.624.801.682.522			
Mức chênh lệch thanh khoản ròng [(3)-(2)]	5.695.490.166.785	1.081.362.690.178	(48.071.728.912.846)	(17.884.946.160.620)	(13.606.130.811.179)	17.321.081.725.468	93.051.225.608.900	37.586.354.378.686			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá khứ		Trong hạn		Tổng cộng	
	Trên 3 tháng VND	Đến 3 tháng VND	Đến 1 tháng VND	Từ trên 1 đến 3 tháng VND	Từ trên 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	-	-	787.773.771.826	-	-	-
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.377.473.012.237	-	-	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	36.490.627.257.631	2.525.845.000.000	-	-
Cho vay khách hàng và mua nợ - góp	5.495.106.007.177	1.276.165.784.976	7.344.230.025.038	11.578.533.545.672	31.912.297.583.246	74.960.484.672.417
Cho vay khách hàng và mua nợ - góp	-	-	-	50.679.985.651	29.680.452.385.902	19.346.756.171.847
Cho vay khách hàng và mua nợ - góp	-	-	-	-	-	6.305.506.628.479
Tài sản cố định	4.800.000.000	-	391.897.698.577	103.408.902.509	1.144.007.078.024	2.750.219.698.002
Tài sản vô hình khác - góp	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản (1)	5.499.906.007.177	1.276.165.784.976	47.392.001.765.309	14.256.467.433.832	62.736.757.047.172	97.687.966.970.745
						279.125.649.244.972
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	3.393.187.130.601	-	76.348.421.538	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	41.822.856.617.208	2.987.935.273.199	102.343.594.411	-
Tiền gửi của khách hàng	-	-	54.109.437.668.785	33.025.502.177.077	49.198.346.215.948	474.157.712
Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(24.136.099.162)	(152.757.783.013)	533.156.540.019	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chưa trả nợ	-	-	-	5.954.805.000	45.852.880.760	-
Phân hành giấy tờ có giá	-	-	200.312.500.000	59.200.000.000	13.230.900.000.000	-
Các khoản nợ khác - góp	-	-	483.635.328.459	662.413.296.891	1.752.876.311.150	2.091.027
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	99.985.293.165.891	36.588.247.769.154	64.939.823.963.826	476.248.739
						244.814.814.581.645
Mức chênh lệch thanh khoản riêng [(3)-(1)-(2)]	5.499.906.007.177	1.276.165.784.976	(52.593.291.400.582)	(22.331.788.335.322)	(2.203.066.916.654)	6.975.410.801.726
						97.687.966.970.745
						34.310.834.663.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

45. Thuyết minh công cụ tài chính

Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của OCB tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hainan, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giá trị ghi sổ

	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐ VND	Cho vay và phải thu VND	Sản sàng để bán VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính						
Tiền mặt và vàng	-	1.160.353.537.112	-	-	1.160.353.537.112	1.160.353.537.112
Tiền gửi tại NHNNVN	-	2.883.240.107.112	-	-	2.883.240.107.112	2.883.240.107.112
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	53.061.333.717.576	-	-	53.061.333.717.576	(*)
Chứng khoán kinh doanh	50.765.500.000	-	-	-	50.765.500.000	50.765.500.000
Các công cụ tài chính phải sinh và tài sản tài chính khác	88.476.577.033	-	-	-	88.476.577.033	(*)
Cho vay khách hàng - gộp	-	198.764.945.826.810	-	-	198.764.945.826.810	(*)
Hoạt động mua nợ - gộp	-	4.236.968.484.204	-	-	4.236.968.484.204	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán - gộp	-	-	57.068.503.060.644	1.313.209.000.824	58.381.712.061.468	(*)
Tài sản tài chính khác - gộp	-	3.712.906.890.936	-	-	3.712.906.890.936	(*)
	139.242.077.833	263.819.748.563.758	57.068.503.060.644	1.313.209.000.824	322.340.702.792.251	
Nợ phải trả tài chính						
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	-	-	-	7.902.618.040.898	7.902.618.040.898	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	54.809.627.751.675	54.809.627.751.675	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	150.029.644.383.127	150.029.644.383.127	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	6.258.279.454.840	6.258.279.454.840	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	64.670.500.000.000	64.670.500.000.000	(*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	4.391.743.023.845	4.391.743.023.845	(*)
	-	-	-	288.062.412.654.385	288.062.412.654.385	

(*) OCB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B05/TCĐD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Giá trị ghi sổ				
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐ VND	Cho vay và phải thu VND	Sản sàng để bán VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ VND
					Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính					
Tiền mặt và vàng	-	787.773.771.826	-	-	787.773.771.826
Tiền gửi tại NHNNVN	-	2.377.473.012.237	-	-	2.377.473.012.237
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	39.126.199.257.631	-	-	39.126.199.257.631 (*)
Cho vay khách hàng - góp	-	170.844.469.638.663	-	-	170.844.469.638.663 (*)
Huật động mua nợ - góp	-	5.079.222.324.368	-	-	5.079.222.324.368 (*)
Chứng khoán sản sàng để bán - góp	-	-	52.635.610.527.457	-	52.635.610.527.457 (*)
Tài sản tài chính khác - góp	-	3.328.328.011.723	-	-	3.328.328.011.723 (*)
	-	221.543.466.016.448	52.635.610.527.457	-	274.179.076.543.905
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả NHNNVN và Chính phủ	-	-	-	3.469.535.552.139	3.469.535.552.139 (*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	45.008.281.205.498	45.008.281.205.498 (*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	142.459.763.487.912	142.459.763.487.912 (*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	5.942.083.509.395	5.942.083.509.395 (*)
Phải hành giấy tờ có giá	-	-	-	44.010.712.500.000	44.010.712.500.000 (*)
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác	356.262.657.844	-	-	-	356.262.657.844 (*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	2.982.631.843.407	2.982.631.843.407 (*)
	356.262.657.844	-	-	243.873.008.098.351	244.229.270.756.195

(*) OCB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

46. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Đến 1 năm	194.788.188.163	213.809.339.053
Trên 1 đến 5 năm	412.317.641.524	489.812.048.768
Trên 5 năm	77.664.121.777	76.046.948.071
	684.769.951.464	779.668.335.892

47. Tỷ giá một số loại ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
USD	26.273,50	25.458,50
EUR	31.079,00	26.620,50
GBP	35.436,50	32.097,50
JPY	168,45	163,55
CAD	19.238,00	17.787,50
AUD	17.649,00	15.915,00
SGD	20.550,50	18.765,50
KRW	19,23	18,31
KRW	3.763,50	3.492,50
CNY	832,50	765,00
THB	33.549,00	28.613,00
CHF	15.172,00	14.793,00
NZD	3.430,00	3.334,00
HKD	2.954,00	2.200,53
SEK	938,22	876,37
TWD	15.180.000,00	8.320.000,00
XAU		

48. Thông tin so sánh

Một số số liệu thông tin so sánh khác đã được OCB điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tòa nhà The Hallmark, 15 Trần Bạch Đằng,
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(i) Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	31/12/2024 (đã điều chỉnh lại)	31/12/2024 (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Các khoản phải thu	2.867.322.167.606	7.092.839.311.432
Các khoản phải trả và công nợ khác	913.200.352.654	5.138.717.496.480

(ii) Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

	2024 (đã điều chỉnh lại)	2024 (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Thu nhập từ hoạt động khác	520.751.863.305	1.021.970.746.505
Chi phí hoạt động khác	(114.101.318.222)	(615.320.201.422)

(iii) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2024 (đã điều chỉnh lại)	2024 (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập khác nhận được	196.007.091.051	169.307.998.744
Giảm khác về tài sản hoạt động	460.127.452.031	818.531.294.940
Giảm khác về công nợ hoạt động	(2.149.528.487.028)	(2.507.932.329.937)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	33.994.594.858	60.693.687.165

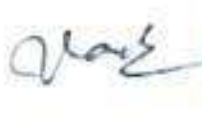
Ngày 17 tháng 3 năm 2026

Người lập



Nguyễn Minh Thanh
Phó Phòng Kế toán

Người kiểm soát



Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng

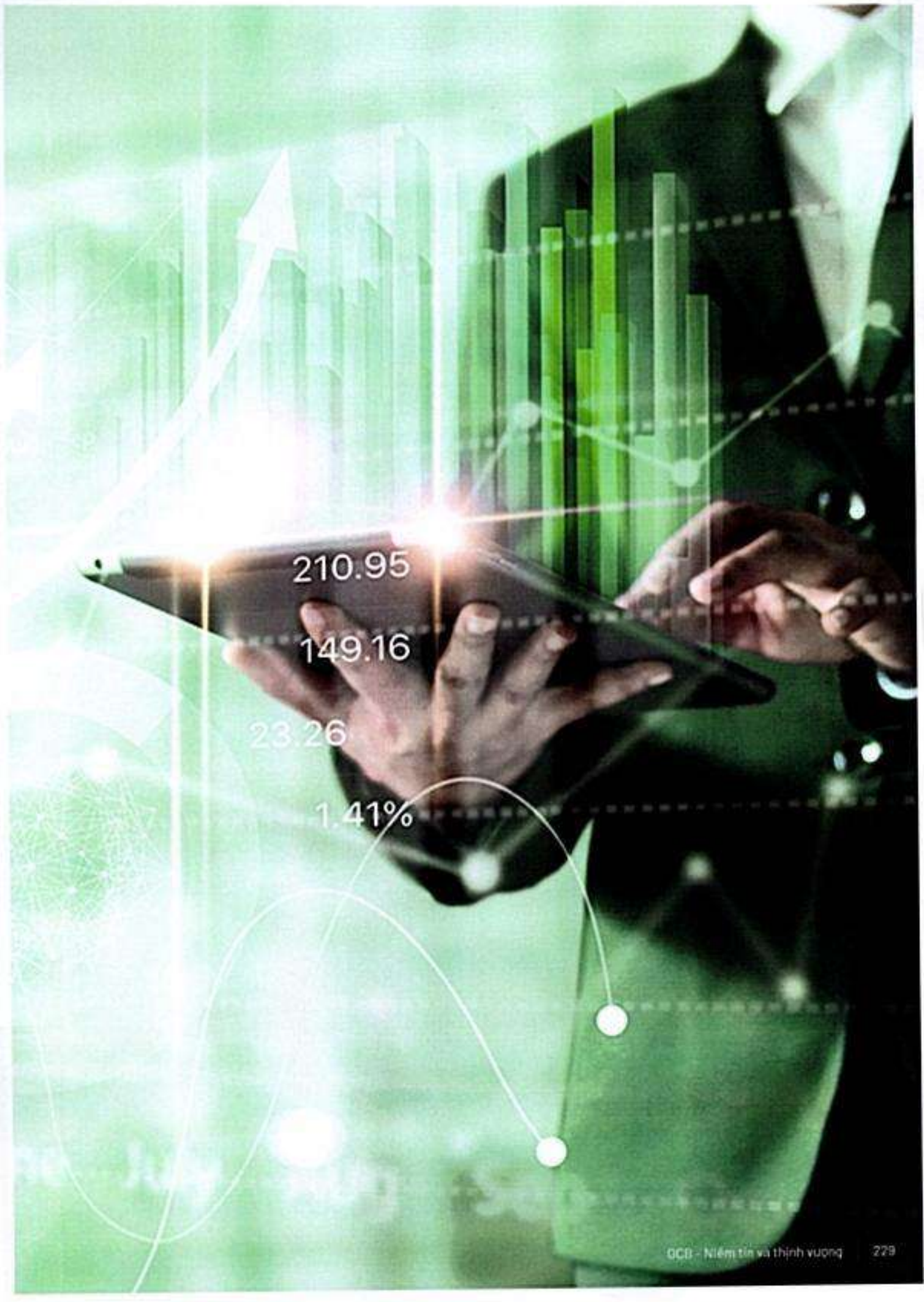
Người phê duyệt





Phạm Hồng Hải
Tổng Giám đốc





210.95

149.16

23.26

1.41%



-  **Hội sở** **Tòa nhà The Hallmark, Số 15 Trần Bạch Đằng,**
Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh
-  **Hotline** 1900 1846
-  **Website** www.ocb.com.vn